

VĂN ĐỀ

NGUYỆT SAN CHÍNH TRỊ KINH TẾ XÃ HỘI VĂN HÓA

Số 38

Tháng 9-1970

nguyễn sỹ tế	1	nghĩ về thanh niên và xã hội
tùy anh	6	chữ nghĩa và vận mạng việt nam
nguy ngữ	18	khung cửa trống bên kia đường
viên linh	25	ấn tượng
mường mán	26	mưa trong chuyện kể
trần ái loan, nguyễn trọng	30	thơ
thức		
trần hồng châu	33	thơ và nhật ký
huỳnh phan anh	43	tâm sự bóng tối
tennessee william	49	cánh đồng côi cút
bình nguyên_lộc	62	vở mỗi hạt
tạ văn tài	72	phương diện kinh tế và chính tr.
		của chương trình việt hóa
túy hồng	79	những sợi sắc không
tuấn anh	86	thời sự và sinh hoạt
mai thảo	98	bài viết trang bìa

CHỦ NHIỆM SÁNG LẬP: **VŨ CÔNG TRỰC**
QUẢN LÝ: **Bà BÙI THỊ HÒA-KHANH**
BÀI VỞ GỬI CHO: **MAI THẢO**

Tòa soạn : 38, Phạm Ngũ Lão, Saigon

NGUYỄN SỸ TẾ nghĩ về thanh niên và xã hội

Trong những bài xã hội chính trị trên mặt tờ báo này, tôi đã có dịp thử phân tích và giải thích những phong trào thanh niên học đường trong mấy năm gần đây trên các thủ đô và thị trấn lớn thế giới. Tôi nghĩ rằng lý trí của nhân loại, tiêu biểu bằng ý thức của lớp người trẻ tuổi đi học, có lẽ sắp bước sang một vận hành mới ; rằng trong vận hành mới này những nguyên tắc căn bản của lý trí từ trước đến nay nếu không bị phủ nhận hoàn toàn thì cũng chỉ còn một phạm vi áp dụng nhỏ bé và nhường quyền ưu tiên cho những nguyên tắc mới sẽ được tạo dựng. Sự phá bỏ phong tục, quy ước, luật lệ cũ trở nên phổ thông ở khắp nơi và trong mọi lãnh vực kể cả những hệ thống tổ chức chặt chẽ nhất hay được mệnh danh là tiến bộ nhất. Tôi cũng đặt ra vấn đề và tổ đấu nghi ngờ, ít nhất cho hôm nay, về sự đã lên ngôi của một giai cấp mới có thiện năng cách mạng, có ý thức đẳng cấp và ý thức tập thể nơi thanh niên học đường.

Tất nhiên, đứng trước những biến động xã hội và chính trị trên, những ai có ý thức tập thể, đặc biệt các nhà lãnh đạo chính trị, xã hội, tôn giáo, giáo dục không khỏi lo toan, thắc mắc. Nay ta thử trở lại vấn đề trên trong viễn tượng xã hội chính

trị mới : sự đóng góp của xã hội học và các phần tử thanh niên vào cuộc cách mạng xã hội rộng lớn sắp tới.

Danh từ « cách mạng » bao giờ cũng có một âm hưởng làm mê hoặc con người, nhất là thanh niên. Nhân loại đã để bao suy tư và xương máu cho danh từ đó. Nhiều lý tưởng đã được đề ra, nhiều hệ thống tổ chức đã được thí nghiệm, nhiều động cơ đã được xử dụng tới. Kết quả vẫn còn tỏ ra nghèo nàn. Người ta thỏa thuận với nhau làm cách mạng nhưng người ta lại bất đồng ý kiến với nhau về từ nội dung của danh từ cách mạng trở đi. Bất công, áp bức, lừa dối vẫn đầy rẫy ở khắp nơi và những lời minh thị biện chính không đủ để che dấu những khủng hoảng mặc nhiên của ý thức. Cuối cùng vượt quá giới hạn nào đó của nhận thức, người ta bắt gặp những phong trào hành động, sự phản kháng. Jean Ziegler nói tới một điều mỉa mai khi đặt ra vấn đề tồn vong của khoa xã hội học (Trong cuốn Sociologie et Contestation — xã hội học và phong trào phản kháng) : Sinh viên ban xã hội học lại đứng đầu phong trào phản kháng đó. Cũng như một mỉa mai hằng cửu mà mọi người đều biết : con cái các nhà lãnh tụ là những phần tử đầu tiên để phản đối các chế độ do các nhà lãnh tụ đó thiết lập và duy trì. Chính chúng tôi cũng không biết phải nói chuyện chính trị gì với lớp người trẻ sắp bước vào đại học của chúng tôi, nếu không là tự giới hạn vào những mục phiêu tổng quát và những con đường mang đầy dè dặt.

Thanh niên muốn gì? Xã hội học còn hay hết? Ai là lớp người có thể tự nhận rằng mình là giai cấp cách mạng, mình là đại diện cho ý thức loài người, hay nói theo ngôn từ của G. Lukacs, mình là « ý thức của ý thức »? Thế là vấn đề muôn cũ « tri và hành » lại được khơi dậy.

Xã hội học có tội gì kể từ khi nó được chính thức phát động chừng một thế kỷ nay? Những tranh luận nội bộ cũ dường như đã lỗi thời : quy chuẩn, thực tại, tâm lý, sinh lý, xã hội học vi phân, xã hội học kỹ thuật biến đổi xã hội... Xã hội học ngày nay có tất cả những tính cách đó; những phương tiện của nó trở nên dồi dào; những mục phiêu của nó ngày càng mở rộng; nó được sự hỗ trợ gần của bao nhiêu khoa học nhân văn khác, chính trị học, kinh tế học, tâm lý học, sư phạm học... sự giúp đỡ xa của những kiến thức khoa học về tạo vật. Nó buộc chính trị học phải xem xét lại mục phiêu và đường lối của nó. Đi xa hơn, xã hội học cũng làm chính trị bằng một thể thức kết liên « xã hội-chính trị »; nói khác đi, cũng như ở hơn một lãnh vực, nó không chối bỏ mục đích thực tiễn của nó. Thế rồi từ những khả năng thực tiễn của nó, nó lại xem xét lại những cứu cánh ban đầu để đưa đi xa hơn nữa những cứu cánh đó; nói khác đi nó không đặt vấn đề cứu cánh cuối cùng hiểu theo nghĩa tình tưởng và chặt chẽ của danh từ đó. Bởi câu trả lời tổng quát cuối cùng đã có sẵn : hạnh phúc của con người, cá nhân và tập thể. Vấn đề trở thành siêu hình : hạnh phúc con người là gì và làm thế nào để tiến tới đó? Người ta trông thấy tất cả cái mệnh mông của sự tranh luận mới. Đứng trước những bất công tàn bạo, người ta ước mơ xã hội của loài ong, loài kiến. Đạt được cái xã hội máy móc đó rồi, người ta mơ màng những giá trị con người cao viễn hơn. Xã hội học muốn làm thêm đạo đức học. Và luật kết đoàn giữa các ngành học cũng không phải là dễ dàng thực hiện.

Trở lại những tội tình của xã hội học. Đó cũng là cái tội tình chung của mọi ngành khoa học nhân văn. Bởi lẽ con người không phải chỉ là vật chất mà còn là Tinh thần. Chừng nào con người còn là niềm « bí mật » để khám phá, chừng đó xã hội học còn phải chạy theo con người và xã hội của nó. Lại càng hơn khoa học, nó không thể là cái giường của Procuste. Từ đó, vấn

đề đặt ra là: có một «chân lý con người» không? Nói một lối khác: những đổi thay nơi con người và xã hội có theo một hướng chiều nào không để mà khám phá ra hướng chiều đó, để mà lo liệu ngày mai... Người ta vẫn tin có điều ấy và khá nhiều sự việc xảy ra khiến người ta tin điều ấy mặc dầu lý trí vẫn không thỏa mãn: khía cạnh homo religiosus đó chăng?

Đã từ lâu Khổng phu tử đã ước mơ một xã hội «đại đồng», Mạnh tử nêu lên lý tưởng «dân vi quý», Platon viết «La République...» Nhân loại đã phân chia thành từng nhóm lớn. Các nhóm lại phân chia thành từng phân nhóm. Người ta biết trong những điều kiện nào có sự «tự» hay có sự «tán». Người ta ước lượng nhịp độ của quy luật tán tự đó. Người ta có thể phác họa đại cương lịch sử của một cộng đồng, con đường phải qua của một hiệp ước, hợp đồng. Người ta có thể giải thích nguyên nhân xuất hiện của tôn giáo, sự tiến hóa đại cương của nó, vai trò xã hội của nó. Người ta theo dõi sự hình và sự hoại của các đảng phái chính trị. Người ta ức đoán tương lai của một thể liên minh. Người ta phân chia các nhóm đoàn thành các kiểu mẫu. Người ta quy định mọi tương quan. Người ta tính toán trước những phản ứng của quần chúng. Xã hội học quả tình đã giúp đỡ nhiều cho các nhà lãnh đạo chính trị thực hiện cả những mưu đồ vị kỷ hay bướng bỉnh nhất. Trên những dữ kiện phong phú, nhà cầm quyền có thể thiết lập những chương trình chính sách, kế hoạch trong mọi phạm vi sinh hoạt xã hội. Nhưng rồi rút cục vẫn có rất nhiều thất bại hoặc vì người ta gặp những yếu tố bất ngờ, hoặc vì người ta đã không khách quan lợi dụng xã hội học.

Cổ xưa, trong những cảnh lầm than cơ cực của các xã hội Đông cũng như Tây, người ta đã chào mừng sự xuất hiện của những tôn giáo hay học thuyết chính trị và xã hội lớn mong chờ sự cứu nhân độ thế gần kề. Vào những thời đại mới, người ta cũng gặp phải nhiều thất vọng tương tự: hồi thế kỷ mười tám với những tư tưởng cách mạng dân chủ của J.J. Rousseau, Voltaire, Montesquieu, hồi thế kỷ 19 với những tư tưởng cách mạng vô sản của K. Marx, Engels. Kết quả của hành động mác xít quả có nghèo nàn; tư tưởng gia Tây phương đã phải xác nhận chế độ Liên Xô hư hỏng, lỗi thời; người ta dự khán sự phân hóa trong hàng ngũ

xã hội, chủ nghĩa, những bất công quốc tế, sự trỗi dậy của ý thức quốc gia; và người ta thấy những chủ thuyết nhỏ sửa chữa ra đời không nhiều hứa hẹn, lý thuyết Breznev, lý thuyết Mao trạch Đông. Phía bên này, những quy luật dân chủ, tự do cũng tỏ ra thiếu sót, thô sơ, nguy hiểm; những lạm dụng lại còn nhiều hơn; một chính phủ dân cử, một quốc hội dân bầu, một quân đội kỷ luật, những cơ cấu chính trị, hành chính có kiểm soát... vẫn không đủ làm sáng tỏ nguyện vọng sâu xa và đích thực của xã hội. Xã hội học quả đã biến thành kỹ thuật thống trị xã hội của thiểu số hơn là kỹ thuật cải thiện, nếu không là cách mạng xã hội.

Để kết luận phần tiểu luận này, tôi không đặt vấn đề và nghĩ như J. Ziegler: Thanh niên có nên bằng lòng với những chinh phục hiện tại, với sự giải phóng từng phần, với sự tự do xé lẻ hay không? Mà đặt vấn đề cải tạo luôn cả xã hội học và thanh niên.

(KỶ SAU: Vai trò của thanh niên học đường trong việc kiến tạo xã hội tương lai)

nguyễn sỹ tề

TÙY ANH

chữ nghĩa và vận mạng việt nam

Trong bất cứ chế độ nào, vai trò lãnh đạo quốc gia thực sự vẫn thuộc về giới chữ nghĩa, xưa là kẻ sĩ, sĩ phu; nay là trí thức, là lao động trí óc. Vua, Quốc Trưởng, Tổng Thống, Chủ tịch... chỉ là những biểu tượng của uy quyền quốc gia. Uy quyền này không thể nào đến tận địa phương nếu không có tầng lớp lãnh đạo trung gian, tầng lớp đó là sĩ phu, trí thức.

Hiệu theo nghĩa hẹp, lịch sử là toàn bộ những tranh chấp và chuyển hóa uy quyền chính trị giữa các thế lực, các triều đại, các cá nhân. Uy quyền chính trị sẽ không được hệ thống hóa và triển khai, các thế lực chính trị sẽ không được kết hợp và điều động, các mục tiêu chính trị sẽ không kết tinh và hợp lý hóa nếu không có những « khối óc », những « bô » kinh luân, những bộ máy tuyên truyền, kế hoạch.

Đàng khác, xét theo quan điểm tổng quát, lịch sử là toàn bộ những phản ứng và thích ứng tập thể trước những trở lực ngoại tại liên hệ đến cả tập thể, nghĩa là toàn bộ những hoạt động văn hóa. Chủ động văn hóa là chủ động lịch sử. Kẻ sĩ, sĩ phu, trí thức — nói chung là giai tầng chữ nghĩa — là giai tầng chủ động văn hóa, và do đó, là giai tầng chủ động lịch sử.

Vận mệnh của một quốc gia mật thiết liên hệ với quá trình hình thành, tụ tán, thăng trầm, với thái độ của giới chữ nghĩa đối với chính quyền của quốc gia đó.

Sản xuất thư lại

Xây dựng một chế độ bao giờ cũng đi liền với công cuộc tổ chức, đả ngộ hoặc trấn áp giới sĩ phu, trí thức. Qua thái độ và cách đáp ứng của giới chữ nghĩa, người ta có thể đoán được bản chất và tương lai của một triều đại, một chế độ.

Trong lịch sử Việt Nam, mãi cho đến nhà Trần, phần lớn giai tầng lãnh đạo chính trị đều do nhà Phật quy tụ và đào luyện và chịu trực tiếp chủ trương thế trị của nhà Phật. Từ nhà Trần trở đi, và nhất là từ thời Lê Lợi, vai trò đó thuộc về tay Nho giáo Việt Nam. Nhưng dù chịu ảnh hưởng của Phật hay của Nho thì phong thái và đường lối hoạt động của giai tầng sĩ phu nói chung vẫn là một: đem sở học để phục vụ đạo đức, phục vụ dân tộc, phục vụ triều đình hiệu như là biểu tượng của quốc quyền, quốc thể. Kẻ sĩ không chỉ theo đuổi sứ mạng đó trong khi xuất chính thành danh, mà cả trong lúc vị ngộ, không chỉ trong tư thế hiền Nho mà cả trong hoàn cảnh ần Nho, hàn Nho. Hoạt động chính trị ở đây được quan niệm như một hình thái hiện hữu đạo đức, một trách nhiệm ở đời với đồng bào, quốc gia. Sức mạnh của kẻ sĩ chính là ở trong quan niệm đó.

Nền nếp và truyền thống kẻ sĩ ấy đã hoàn toàn bị đảo lộn từ khi Việt Nam bị Tây Âu xâm chiếm.

Đề hoàn tất việc đồ hộ, chính quyền thực dân Pháp đã bãi bỏ những khoa thi xưa, mở chiến dịch triệt hạ và bôi nhọ các ông đồ, ông tú, ông cống, ông nghệ... nghĩa là nhằm đánh gục giai tầng sĩ phu V. N. Bởi lý, người Pháp thấy rõ kẻ sĩ là « giai tầng lãnh đạo V. N. » (P. Pasquier — L'Annam d'autrefois, tr. 151), là « cái khiên, cái mộc chính trị » chống đỡ quốc gia V. N. (P. Devillers — Histoire du Vietnam, tr.33).

Con đường sa đọa và bế tắc của trí thức V. N. bắt đầu từ đó. Bắt đầu với sự cáo chung của nền độc lập dân tộc, bắt đầu với sự bắt đầu của thế kỷ bị trị và đồ hộ.

Nhưng chính quyền đô hộ Pháp có hùng hậu đến đâu cũng vẫn không đủ người cung ứng cho guồng máy cai trị ở trung và hạ tầng. « Đạo quân thứ 5 » của Pháp chỉ gồm một số người có học đã phản bội mà đa số là những người Việt chất phát vì sợ hãi hoặc vì tư lợi nên đã bị một số các Linh mục thừa sai lợi dụng làm tay sai cho Pháp. Đạo quân này không thể biến thành các quan cai trị địa phương.

Do đó, kế hoạch sản xuất một giai tầng có học mới đã được thực hiện dưới chiêu bài khai phóng trí thức. Các « trường Tây » được mở ra, hầu hết do chính phủ bảo hộ quản trị hoặc do các Linh mục, các sư huynh ngoại quốc đảm trách. Đây đúng là một biện pháp « cách mạng » bởi lý, trước khi người Pháp đến, chính quyền chỉ trực tiếp can dự vào việc thi cử. Việc giáo dục, nhất là cấp phổ thông, đều do tư nhân đảm trách. Nếu xưa kia, các chùa, các nhà sư, các ông đồ đã đào tạo giới lãnh đạo chính trị cho các triều đại độc lập như thế nào thì ngày nay, các Linh mục, các sư huynh ngoại quốc cũng đã giữ vai trò đào tạo cán bộ địa phương cho chính quyền đô hộ thế ấy.

Chương trình giáo dục mới thật nặng nề, khắt khe để một đảng nhằm giới hạn số người có chữ nghĩa, đảng khác tạo nên một huyền thoại cho giai tầng khoa bảng mới.

Giai tầng khoa bảng mới này hầu hết đã ly khai với truyền thống kẻ sĩ : truyền thống tu thân bằng chữ nghĩa để đủ khả năng « cầm chính đạo » (Nguyễn công Trứ — Kẻ Sĩ) góp phần thực hiện việc yên nhà, lợi nước. Bản chất của giai tầng khoa bảng mới này là thỏa hiệp, cầu an, vị kỷ ; có chữ nghĩa nhưng không phải là trí thức, lại càng không phải là kẻ sĩ. Giai tầng này không có được vai trò trung gian lãnh đạo chính trị, và cũng không hề nghĩ đến việc tranh đoạt lại vai trò đó từ tay người Pháp. Giai tầng khoa bảng mới này chỉ biết chấp hành, không sáng kiến và rất sợ sáng kiến. Tất một lời, họ chỉ là những người thư lại, tựa những sai nha, những thằng mõ thời xưa.

Phong trào tân-sĩ phu thành hình

Sau khi phong trào Yên Bái bị dập tắt, nền đô hộ Pháp mới có được một giai đoạn tương đối ổn định kéo dài đến lúc thế chiến thứ hai bùng nổ. Trước đó, từ ngày Pháp ra lệnh nấu chảy chiếc ấn tượng trưng cho quyền lực của triều đình Huế đến khi khởi nghĩa Yên Bái phát động, có thể nói là một thời gian dài đầy biến cố bất lợi cho Pháp.

Thế kỷ 20 đã mở đầu bằng những biến cố quan trọng khiến cho, một đảng, địa vị ưu thắng của Tây Âu nói chung, và riêng nền đô hộ Pháp ở V.N, bị lung lay ; đảng khác, khiến cho các phong trào nhược tiểu quật khởi được phấn kích mãnh liệt. Các biến cố đó là chiến tranh Nga-Nhật, cách mạng Trung Hoa, sự sụp đổ của nền quân chủ Nga và chiến tranh 1914-1918. Đây chính là những cái « đà lịch sử » đối với các phong trào ái quốc V.N do nhóm tân sĩ phu lãnh đạo.

Các biến động này tuy có những màu sắc và khuynh hướng khác nhau, nhưng tựu trung đều giống nhau ở điểm mất tin tưởng vào thực lực của triều đình.

Hầu hết những người lãnh đạo các phong trào khởi nghĩa thời này đều đã thu nhận những tư tưởng chính trị, xã hội mới qua trung gian sách báo Trung Hoa. Họ còn giữ được phong cách kẻ sĩ hồi, quốc phá gia vong, nhưng tinh thần sĩ phu truyền thống về cả hai phương diện tư tưởng và hành động thì không còn nữa. Muốn cứu nước phải có một lý tưởng chính trị mới, phải gây dựng một thế lực mới, một phương thức tranh đấu mới. Chính với quan điểm đó mà nhóm lãnh đạo này đã được mệnh danh là sĩ phu tân học hay tân sĩ phu.

Phan đình Phùng, đại diện cuối cùng của tầng lớp sĩ phu cũ đã dần xa quan niệm trung quân chính thống đề hướng về các phe phái. Hoàng hoa Thâm chỉ trồng cây vào thế lực nông dân. Phan bội Châu, Phan chu Trinh chấp nhận lý thuyết và cương lĩnh cách mạng của Nhật, của Pháp, của Trung Hoa dân quốc. Nguyễn thái Học kết hợp lý thuyết chính trị Trung Hoa với kỹ thuật cách mạng của Tây Âu. Đây cũng là giai đoạn

Nhưng chính quyền đô hộ Pháp có hùng hậu đến đâu cũng vẫn không đủ người cung ứng cho guồng máy cai trị ở trung và hạ tầng. « Đạo quân thứ 5 » của Pháp chỉ gồm một số người có học đã phản bội mà đa số là những người Việt chất phát vì sợ hãi hoặc vì tư lợi nên đã bị một số các Linh mục thừa sai lợi dụng làm tay sai cho Pháp. Đạo quân này không thể biến thành các quan cai trị địa phương.

Do đó, kế hoạch sản xuất một giai tầng có học mới đã được thực hiện dưới chiêu bài khai phóng trí thức. Các « trường Tây » được mở ra, hầu hết do chính phủ bảo hộ quản trị hoặc do các Linh mục, các sư huynh ngoại quốc đảm trách. Đây đúng là một biện pháp « cách mạng » bởi lý, trước khi người Pháp đến, chính quyền chỉ trực tiếp can dự vào việc thi cử. Việc giáo dục, nhất là cấp phổ thông, đều do tư nhân đảm trách. Nếu xưa kia, các chùa, các nhà sư, các ông đồ đã đào tạo giới lãnh đạo chính trị cho các triều đại độc lập như thế nào thì ngày nay, các Linh mục, các sư huynh ngoại quốc cũng đã giữ vai trò đào tạo cán bộ địa phương cho chính quyền đô hộ thế ấy.

Chương trình giáo dục mới thật nặng nề, khắt khe để một đảng nhằm giới hạn số người có chữ nghĩa, đảng khác tạo nên một huyền thoại cho giai tầng khoa bảng mới.

Giai tầng khoa bảng mới này hầu hết đã ly khai với truyền thống kẻ sĩ : truyền thống tu thân bằng chữ nghĩa để đủ khả năng « cầm chính đạo » (Nguyễn công Trứ — Kẻ Sĩ) góp phần thực hiện việc yên nhà, lợi nước. Bản chất của giai tầng khoa bảng mới này là thỏa hiệp, cầu an, vị kỷ ; có chữ nghĩa nhưng không phải là trí thức, lại càng không phải là kẻ sĩ. Giai tầng này không có được vai trò trung gian lãnh đạo chính trị, và cũng không hề nghĩ đến việc tranh đoạt lại vai trò đó từ tay người Pháp. Giai tầng khoa bảng mới này chỉ biết chấp hành, không sáng kiến và rất sợ sáng kiến. Tất một lời, họ chỉ là những người thư lại, tựa những sai nha, những thẳng mồm thời xưa.

Phong trào tân sĩ phu thành hình

Sau khi phong trào Yên Bái bị dập tắt, nền đô hộ Pháp mới có được một giai đoạn tương đối ổn định kéo dài đến lúc thế chiến thứ hai bùng nổ. Trước đó, từ ngày Pháp ra lệnh nấu chảy chiếc ấn tượng trưng cho quyền lực của triều đình Huế đến khi khởi nghĩa Yên Bái phát động, có thể nói là một thời gian dài đầy biến cố bất lợi cho Pháp.

Thế kỷ 20 đã mở đầu bằng những biến cố quan trọng khiến cho, một đảng, địa vị ưu thắng của Tây Âu nói chung, và riêng nền đô hộ Pháp ở V.N, bị lung lay ; đảng khác, khiến cho các phong trào nhược tiểu quật khởi được phấn kích mãnh liệt. Các biến cố đó là chiến tranh Nga-Nhật, cách mạng Trung Hoa, sự sụp đổ của nền quân chủ Nga và chiến tranh 1914-1918. Đây chính là những cái « đà lịch sử » đối với các phong trào ái quốc V.N do nhóm tân sĩ phu lãnh đạo.

Các biến động này tuy có những màu sắc và khuynh hướng khác nhau, nhưng tựu trung đều giống nhau ở điểm mất tin tưởng vào thực lực của triều đình.

Hầu hết những người lãnh đạo các phong trào khởi nghĩa thời này đều đã thu nhận những tư tưởng chính trị, xã hội mới qua trung gian sách báo Trung Hoa. Họ còn giữ được phong cách kẻ sĩ hồi quốc phá gia vong, nhưng tinh thần sĩ phu truyền thống về cả hai phương diện tư tưởng và hành động thì không còn nữa. Muốn cứu nước phải có một lý tưởng chính trị mới, phải gây dựng một thế lực mới, một phương thức tranh đấu mới. Chính với quan điểm đó mà nhóm lãnh đạo này đã được mệnh danh là sĩ phu tân học hay tân sĩ phu.

Phan đình Phùng, đại diện cuối cùng của tầng lớp sĩ phu cũ đã dần xa quan niệm trung quân chính thống để hướng về các phe phái. Hoàng hoa Thâm chỉ trông cậy vào thế lực nông dân. Phan bội Châu, Phan chu Trinh chấp nhận lý thuyết và cương lĩnh cách mạng của Nhật, của Pháp, của Trung Hoa dân quốc. Nguyễn thái Học kết hợp lý thuyết chính trị Trung Hoa với kỹ thuật cách mạng của Tây Âu. Đây cũng là giai đoạn

hình thành của Đông Dương Cộng Sản đảng quy tụ những người chấp nhận vừa lý thuyết vừa hành động của Nga...

Hậu quả lịch sử của toàn bộ các phong trào tân sĩ phu này thật lớn lao và nhiều âm hưởng. Nhưng nếu chỉ xét về mục tiêu cụ thể là tranh thủ độc lập cho dân tộc thì có lẽ người ta phải nhận rằng các phong trào này đã thất bại. Ngay cả việc nhóm Cộng-sản đã dành được nửa nước Việt Nam từ 1954 cũng không thể gọi là thành công.

Cảm thức thất bại chung này càng hiển hiện khi người ta phải đối diện với những hậu quả cũng như những nguyên do bế tắc của cuộc chiến dai dẳng và tàn hại kéo dài từ mười năm nay.

Sự rã tan của phong trào tân sĩ phu

Có người nghĩ rằng sự thất bại chung của các phong trào tân sĩ phu là sự thất bại đương nhiên của tình cảnh « châu chấu đá xe ». Xét về phương diện quốc tế, cảm nghĩ ấy có thể đúng. Nhưng đó chỉ mới là một lý do.

Quả vậy, nếu người ta xét đến những bất đồng quan điểm giữa Phan Bội Châu và Phan Chu Trinh, giữa chính sách Đông Du và phương thức hành động của phong trào Duy Tân, giữa Đông Du — Duy Tân với phong trào Nguyễn thái Học, giữa đường lối của phong trào Nguyễn thái Học và hoạt động của nhóm Nghiên cứu chủ nghĩa Mác-xít cùng Đông Dương Cộng Sản đảng, giữa những người Cộng sản Việt Nam và các khuynh hướng ái quốc khác trong liên minh Việt Nam Cách Mạng Đồng Minh Hội và sau hết, nếu người ta nghĩ đến cuộc « nội chiến » Việt — Việt nhen nhúm trong khi chiến cuộc Việt — Pháp chưa ngã ngũ, cũng như đến cuộc chiến tàn khốc từ sau hòa bình Genève, người ta ắt phải thấy rằng sự thất bại của toàn bộ phong trào tân sĩ phu chính là ở điểm chưa viên thành được một đường lối đấu tranh dân tộc khả dĩ thu hút và hòa giải các chủ trương ái quốc dị biệt để tranh thủ độc lập dân tộc phù hợp với những điều kiện quốc tế tất định đã và đang chi phối nhân loại thế kỷ này.

Cũng vì vậy mà ước vọng và thiên chức ái quốc đã, nếu không bị bế tắc trong ý thức vọng ngoại thì cũng đã bị sa lầy trong những chủ trương và hành động độc quyền ái quốc mà hậu quả chung là đã mở đường cho sự can thiệp của ngoại nhân ngày một nặng nề.

Thế chiến thứ hai đã kết thúc thời đại Tây Âu đô hộ Á Châu. Ý thức quật khởi dành lại độc lập của các dân tộc nhược tiểu là một sự kiện hiển nhiên đối với các quốc gia thực dân như Anh, Pháp, Hòa Lan. Vấn đề đặt ra cho các quốc gia này là làm thế nào để trao trả độc lập cho xứ bảo hộ mà vẫn còn duy trì được quyền lợi.

Chính sách thuộc địa của Anh và Pháp khác nhau nên phương thức trao trả độc lập cho các xứ bảo hộ của Anh, Pháp cũng khác nhau. Pháp đã không trao trả độc lập cho Việt Nam như Anh trao trả độc lập cho Ấn.

Sự phân hóa trong mặt trận Việt Minh, sự xung khắc chủ trương và quyền lợi phe nhóm giữa các khuynh hướng tân sĩ phu cách mạng trong Liên minh V.N.C.M.Đ.M.H. quả đã bị chiến thuật trao trả độc lập của Pháp làm cho ngày một thêm trầm trọng. Từ phân hóa đến tan rã, từ tan rã đến thù nghịch là những bước ngắn. Thế một mất một còn giữa hai « phe » Quốc — Cộng V.N. bắt nguồn từ đó.

Phe Quốc Gia thành hình

Chiến tranh Việt — Pháp bùng nổ đương nhiên phải kéo theo nội chiến Việt — Việt một khi liên minh V.N.C.M.Đ.M.H. tan rã và nhóm Cộng sản Việt Nam muốn loại bỏ quyền lãnh đạo kháng chiến của những khuynh hướng khác trong Mặt trận Việt Minh.

Tuy nhiên, hoàn cảnh có thể đã không đến nỗi bi đát và bế tắc cho Pháp cũng như cho chính Việt nam sau này nếu người Pháp sau Thỏa ước sơ bộ 06-3 đã muốn trao trả chủ quyền « quốc gia » cho những người thực sự yêu nước. Đáng này, Pháp đã chỉ muốn ban cho V.N một nền độc lập hình thức, muốn tái lập một triều đại bù nhìn. Do đó vô tình hay hữu ý, Pháp đã dồn chính

nghĩa cho những người Cộng sản V.N. và nhờ đó mà những người Cộng sản V.N. đoạt được độc quyền lãnh đạo kháng chiến.

Chính trong tình cảnh đó mà « phe » Quốc Gia thành hình và cuộc tương tranh Quốc — Cộng phát khởi.

Các chính quyền « quốc gia » từ thỏa ước Hạ Long đến năm 1954 chỉ là những chính quyền do Pháp ngự tạo, những chính quyền không có quyền tự quyết.

Các chính quyền này không thể tạo được một môi trường hoạt động thích hợp nào cho những người ái quốc không chấp nhận Cộng Sản về cả hai phương diện ý thức hệ và lẽ lối hoạt động.

Thành phần thư lại cũ hoang mang và bơ vơ từ sau cuộc khởi nghĩa mùa Thu đã được tái dụng. Ý nghĩa hơn cả là quyết định của chính quyền quốc gia cho tất cả những người hưởng lương nhà nước được truy lãnh số tiền đã không được lãnh trong thời gian mất sở vì loạn lạc kể từ ngày Nhật đảo chánh. Với quyết định đó chính quyền quốc gia đã tự chứng tỏ chỉ là một sự nối dài của chính quyền bảo hộ trước năm 1945.

Guồng máy sản xuất và nuôi dưỡng giai tầng thư lại tái hoạt động. Một khía cạnh mới là vì hoàn cảnh bất ổn quốc nội nên phong trào du học lại phát triển mạnh. Đa số đều là con quan, con nhà giàu và những người được các tổ chức truyền giáo và các Linh mục có thể lực đỡ đầu.

Điều này giải thích tại sao chính quyền Ngô đình Diệm, tuy chống Pháp, nhưng trong giai đoạn đầu đã thu hút được một số nhân sự khoa bảng khá hùng hậu từ Pháp về. Thông qua tầng lớp thư lại khoa bảng này, Thiên chúa Giáo quả đã gián tiếp chi phối vận mạng chính trị của phe quốc gia từ thời Pháp đến nay vậy. Trường hợp chế độ Ngô đình Diệm là một bằng chứng.

Trí thức tân phong kiến

Hòa bình Genève chia V.N. làm hai « nước », đồng thời đã cụ thể hóa sự xung khắc khốc hại giữa hai khuynh hướng Quốc — Cộng.

Xét về phương diện văn hóa và lịch sử, thành quả nổi bật của chế độ Ngô đình Diệm là cố gắng chủ thuyết hóa chính sách chống

Cộng, biến chính sách chống Cộng, từ tầm độ một chiến thuật của Pháp, thành một chiến lược, một quốc sách. Điều này đã hoàn toàn phù hợp với chủ trương biến việc chống Cộng thành một tín lý của Giáo Hoàng Pie XII vậy.

Cố gắng chủ thuyết hóa vừa nói làm nảy sinh phong trào văn hóa Duy Linh và chủ nghĩa Nhân Vị, một thứ và vi vu giữa thần học Thiên chúa Giáo và Hiện Hữu chủ nghĩa cộng đồng.

Vì nhu cầu trình diễn của phong trào văn hóa Duy Linh và nhu cầu trang trí cho chủ nghĩa Nhân Vị nên trong thời gian đầu của chế độ Ngô đình Diệm, giai tầng chữ nghĩa đã được chiếu cố và đãi ngộ. Mức độ đãi ngộ này đồng biến với mức độ phục tòng chủ nghĩa Nhân Vị, với ý thức « quốc gia » và lòng trung thành với chế độ.

Trí thức được nhắc nhở và đề cao nhưng vẫn không có được vai trò lãnh đạo thực sự bởi vì phong trào văn hóa Duy Linh không có thực chất và chỉ có giá trị thời thượng, chủ nghĩa Nhân Vị lại quá xa lạ và khác biệt với truyền thống tư tưởng của dân gian cho nên tầng lớp chủ động là trí thức chẳng được dân chúng hưởng ứng và cũng chẳng có một uy thế thực sự nào đối với chế độ. Do đó, tầng lớp trí thức càng ngày càng lơ là với văn hóa Duy Linh Nhân Vị, không phải vì bị thu hút bởi một chủ thuyết, một văn hóa nào khác mà chỉ vì họ còn ít nhiều liêm sỉ và « e thẹn » để không dám tự biến thành những văn công của chế độ.

Và quả thực, chế độ Ngô đình Diệm cũng chẳng đặt tin tưởng vào trí thức bao nhiêu. Bởi lý, giai tầng trung gian lãnh đạo trong chế độ Ngô đình Diệm trước sau vẫn là giai tầng thư lại ở Trung, Nam và đã được củng cố hùng hậu nhờ cuộc di cư năm 1954. Giai tầng này giờ đây không chỉ giữ vai trò thừa hành sai nha như thời Pháp nhưng đã được chế độ đề cao như thành phần « quốc gia » trung kiên, như những « công chức cách mạng quốc gia » trước khi bị hóa thân thành một hệ thống quần thần của triều đình nhà Ngô.

Tầng lớp trí thức càng lơ là bao nhiêu thì càng làm cho chế độ thấy rõ công cuộc chống Cộng bằng chủ thuyết không thành công. Do đó, một đảng chế độ đã cố dầy mạnh phong

trí thức thời, mà cả một số đông những lãnh tụ các đảng cách mạng đã từng chống Pháp, đã không hợp tác với Cộng Sản, và đã bị trăm cay nghìn đắng dưới chế độ Ngô đình Diệm. Các lãnh tụ cách mạng này hình như đã bị quáng mắt trước thời cuộc. Niềm thao thức vì đại cuộc vẫn còn nhưng họ đã không có đủ khả năng và kiên trì để thích ứng hoạt động với nhu cầu tình thế nước nhà, hoặc « quá thích ứng » với tình thế nên đã từ bỏ thiên chức cách mạng để đi vào con đường dễ dãi của chính trị thỏa hiệp hoặc phản động.

Uy quyền quốc gia và thế chủ động chính trị của sĩ phu, trí thức rồi cuộc đã rơi vào tay các quân nhân. Hệ cấp xã hội truyền thống Sĩ — Nông — Công — Thương — Binh bị đảo lộn. Binh, Thương, Công đã nhờ tình thế mà quay ngược lại để chiếm địa vị ưu thắng đối với vận mệnh xứ sở.

Chiến dịch huyền thoại hóa quân nhân luôn đi kèm với chiến dịch tố trí thức. Trí thức đã lần lượt được gán cho những nhãn hiệu mâu thuẫn bí hại : từ xa lông, lý thuyết suông đến cầu an, từ cầu an đến hiếu sự, từ hiếu sự đến khuynh tả, phá hoại... Trong lúc đó chủ quyền quốc gia đã dần dần rơi vào vòng kèm kẹp ngoại lai ngày một nặng nề, khổ nhục.

Thời Pháp thuộc, tuy nhất quyết triệt hạ mọi cá nhân hoặc phong trào manh nha quật khởi, nhưng chính sách cai trị của Pháp cũng có lúc đã vô tình hay hữu ý để lộ những kẽ hở khiến người trí thức có được ít nhiều ảo tưởng tự do tư tưởng.

Thời nay thì không vậy. Chính quyền và các thế lực hỗ trợ đã cố duy trì một không khí tự do tư tưởng giả tạo không phải trong mục đích tạo ra một nút xi-hơi-an-toàn nhưng là để làm bình phong che đậy cho một đảng, những hoạt động nguy trí thức, trí thức khuynh tả cò mồi, chủ hòa theo mật lệnh ; đảng khác, che đậy cho một chiến dịch sách báo đại quy mô nhằm lộ bịch hóa và đập tan những lý tưởng, những thần tượng, những tiêu chuẩn giá trị, nhằm gây hoang mang và làm băng hoại những hăng say và hoài bão của tầng lớp dân chúng đông đảo đang khao khát hòa bình, độc lập và công bằng xã hội.

Tất cả hình như chỉ nhằm mục đích phục vụ những « đầu cầu chính trị chiến lược » của cuộc chiến tranh này.

Tạm thay kết luận

Cũng từ năm 1963 đến nay, đặc biệt là trong giai đoạn chiến tranh Việt Nam đã lên đến cao độ và sa lầy đến tột độ, tầng lớp thanh niên sinh viên nói chung đều đã luôn luôn có mặt một cách xông xáo, can trường và đầy ưu tư.

Sự hiện diện đó cho đến nay vẫn chưa tự thành một hướng đi nào cụ thể và xây dựng đối với tiền đồ Việt Nam và khả dĩ khai thông được những bế tắc hiện tại, những bế tắc vốn đã có một phần lớn trách nhiệm đối với cuộc chiến tương tàn đại đẳng này.

Tuy nhiên, sự hiện diện này, tự nó, đã hàm ẩn một ý nghĩa lịch sử quan trọng. Ý nghĩa đó là kẻ sĩ hôm nay đã thức tỉnh và đã thực sự ý thức được thảm họa của thực trạng sa lầy tập thể ; đồng thời đang cố vẫy vùng để bày tỏ niềm ưu tư xao xuyên, và cố gắng thực chứng vai trò lịch sử của kẻ sĩ hôm nay để từ đó, cố gắng tìm một hướng đi thích hợp cho Việt Nam nhiều đau thương này.

tùy anh

20.8.1970

NGUYỄN NGŨ

khung cửa trông bên kia đường

Hàng hiên ngoài : những cột trụ lớn đầu khum khum nối vào nhau, chếch về phía trên, vây che lấy khoảng hiên thêm rộng vắng, soi xuống những bậc tam cấp trống trơn. Sau khoảng thêm, bức tường cũ kỹ cùng màu với sơn với hàng cột trụ : vàng ửng, nhiều lớp chồng lên nhau ; và hai cánh cửa lớn, bốn cánh cửa sổ, các chấn song, những thành cửa màu lam sậm. Hai cánh cửa lớn mở rộng ; từ bên ngoài, nếu chú ý một chút đỉnh, có thể thấy được một phần lớn những bày biện của căn nhà : divan thấp trần, giá đóng áp trên lưng tường chất đầy sách gáy đen, mấy bức liễn đối gì đó bằng chữ Nho nam xà cừ, bộ bàn ghế xưa màu gỗ quý bóng đen, bộ salon có bọc vải xanh, bàn thờ Phật ngọn đèn leo lét, cửa ăn thông ra phòng sau... Tất cả đều cũ, lạng lờ và ửng sậm, như khu phố. Và khúc nhạc cổ điển đầu từ căn quán café đầu đường thì thầm vắng về miền man, không rõ. Theo buổi chiều, ánh mặt trời bị những mái nhà bên dãy chắn che nghiêng, bóng mát tràn dần ra mặt nhựa im, vắng, lan ngoài về phương đông.

Chiều nay, trên bậc thềm đó, bên cột trụ chính, trước khung cửa mở lớn đó đang có một người con gái ngồi lặng yên: bộ áo quần

ngắn bằng vải trắng, tóc thả dài lòa xòa quanh vai, tay cầm sách nhỏ đã gấp lại, đáng lẽ loi buồn rầu.

Đây là khu Nguyễn Thái Học, đường Nguyễn Thái Học, một đầu nối vào Phan đình Phùng, một đầu nối vào Đinh công Tráng. Đây là khu phố nhiều cây nhất, già cỗi nhất của cái tỉnh lỵ nhiều cây và già cỗi này. Những hiên thêm nối dài, nhà cửa hầu hết đều xây theo kiến trúc Tây phương: ăm ắp và kín đáo, những mái ngói đen thâm, những dấu tích còn lại của một thời oanh liệt đã qua : vài ba cái tên bằng chữ Pháp đắp trên tường đã mờ khuất sau màu vôi, vài ba người Pháp tha hương lây lất, dăm viên chức hồi hưu chưa kịp qua đời. Ngăn ấy đỏ và năm tháng mệnh mông ; cây cối ven đường theo nhịp mùa màng đâm chồi rụng lá, già dần, da vỏ càng lúc càng sần sùi thêm. Ngày này chìm xuống tiếp vào đêm, tiếp sang ngày kia. Buổi sáng : mặt trời lên, nắng soi xuống trên những hiên thêm, dãy nhà số chẵn, và buổi chiều: nắng đôi soi về số lẻ. Hai dãy nhà đứng nhìn nhau vằng vặc sự đợi chờ một cuộc đầu bề nào đó giữa thiên thu. Và lá cây xanh mượt suốt những ngày mùa hạ tới đến tình cờ. Lá xanh, màu đỏ rực của hoa phương vĩ, màu tím dịu của hoa me tây, và gió nhẹ từ biển khơi không xa lắm ngoài tỉnh lỵ mang chút hương muối loãng nhạt hoai hủi thổi lên, lồng vào những khung cửa mở, hun hút giữa hàng cây, đưa những cánh lá nhỏ rụng trước mùa bay mờ mờ sa xuống mặt nhựa đen thẫm ; mờ mờ suốt những giờ tôi ngồi không, quanh những bóng người qua về chậm chạp.

Người tôi lui, đi về phía Đinh công Tráng, đi về phía Phan đình Phùng ; và những khúc nhạc thì thầm mê mê trong gió thoảng. Buổi chiều thấp dần. Nắng càng lúc càng sáng vàng trên hiên thêm dãy nhà số lẻ. Sau một khung cửa khuất ở dãy nhà số lẻ, nhà số 11, trên chiếc ghế bành rộng êm, tôi đang ngồi không với nỗi rã rời tỉnh táo, nhìn sang dãy nhà số chẵn : giữa bóng mát, xa một đoạn sau gốc me tây già, đứa con gái vẫn ngồi tóc thả dài và hai tay xếp yên trên bìa sách.

Một câu hỏi nhỏ bé, không dung, vang lên trong trí tưởng tôi : con bé đang ngồi nghĩ ngợi gì thế ? Một thứ câu hỏi lằm cằm,

rất quen thuộc với tôi và không cách nào trả lời được cả, bởi quá đỗi vô vị, quá mông mênh. Con bé đang ngồi nghĩ ngợi gì, ngồi thế để làm gì, vì sao lật sách ra đọc, tại sao tôi ngồi ủ rũ thế này, em bé đang nhớ thương ai, có ai thân yêu vừa chết hoặc đi xa, làm sao biết chính xác từ sáng tới giờ tôi đã đốt cháy bao nhiêu điều thuốc, những điều thuốc nào có nỗi buồn niềm vui mù mờ, những điều thuốc nào đốt giữa rỗng trống thừa thãi, làm sao nhớ hết bao nhiêu điều thuốc tôi đã hút kể từ điều đầu tiên cháy lên cay nồng trên đôi môi nghịch ngợm của đứa bé trai ham tìm những cảm giác lạ trong ngày lêu lổng thứ nhất, và những điều thuốc hút qua các trại đồn, qua những ngày rong chơi quán xá, làm sao nhắc lại thật rành rỗi những lý do nào, những thúc hối nào cho tôi mang xác tới đây, làm sao biết bây giờ Biên còn những gì, làm sao biết con bé đang giận hờn ai... Đại khái thế, hằng trăm câu hỏi chập chùng dính trợn nhau, trôi hút vào tâm tôi, và con nhúc đầu cổ kiếp như con thú đại dờ dẩn chồm lên sau giấc ngủ vùi. Tôi muốn đứng bật dậy, làm một động tác mạnh để xóa lấp hết, xuống nhà sau vận nước nhúng đầu rửa mặt, lau mặt, ra quán café chuyện trò vãn vơ cho qua giờ giấc chẳng hạn; nhưng vẫn ngồi im chân gác lên bàn, tay duỗi dài trên thành ghế, nhìn ra đường, nhìn sang đứa con gái bên kia. Câu hỏi vơ vẩn cũ vẫn còn chập chờn trong trí tưởng, lại tiếp sang một cái vơ vẩn khác, các ước lượng về tuổi tác con bé: chắc cũng 17 tuổi rồi.

17, con số không được căn cứ vào đâu hết, đang khô dần, rõ nét dần, với vóc dáng lạng lẽ đẵng trước tôi. Có lẽ đứa con gái đã được 17 năm di động trên mặt đất. 17 tuổi, có lẽ tôi có căn cứ vào cái vốn liếng thân xác con bé đang thu gọn lại đó chẳng hạn; nhưng thật ra thì nó xa xăm quá, quá đỗi mù mờ. Tôi mỉm cười với mình. Tính từ hôm nay, bắt đầu từ buổi chiều vàng úa này quay đi lui, ngược chiều thời gian, trở lại 17 năm trước, tôi sẽ bắt gặp một tiếng khóc eo óc nơi này, sẽ cúi xuống bồng lên được một khối xương da tinh sơ đồ hỏn. Và có đảng trí lơ chân đi xa hơn chút nữa, sang năm thứ 18? Đứa con gái đang ngồi đó có thể nào đi đến không hỏi chào, lạng lẽ ngồi xuống bên cạnh, và bằng một giọng tỉnh táo nhất, chậm chậm, từ từ, nhắc

hỏi lại xem thử nàng còn nhớ được gì ở những năm thứ 18, 19, 20 đã tuyệt mù bên kia ngày nhau rồn không.

Chợt từ trong khung cửa xám, khuất sau cái bày biện một người đàn bà đứng tuổi tóc búi gọn, áo quần nâu nhạt rộng thùng, dắt một đứa bé trai quần áo trắng đi ra. Cả hai đi đến bàn cô gái ngồi, xuống bực thêm. Cô gái quay nhìn. Hình như nàng mỉm cười, bàn tay làm một động tác nhỏ, thu về trên bìa sách. Người đàn bà nói gì đó, cười; cô gái nói, đứa bé nói, chốc chốc chỉ trở về đầu đường chối đường, chỉ theo những dáng người đi qua.

Nắng vàng sáng thêm trên hiên thêm dãy nhà số lẻ, cái vàng sáng soạn sửa cho đêm tối, sẽ thắm tiếp vào bóng tối bao la, như đã bao nhiêu ngày. Ba người trong câu chuyện bên kia vùng nắng sáng, dưới bóng cây che, bên kia đường. Tôi bên này, đốt thêm điều thuốc, yên lặng hút từng ngụm khói đầy, chậm chậm thở ra, nhìn sang. Cách một khung cửa, một mặt đường và hai vùng sáng tối, tôi không thể nào nghe được họ đang nói gì, nhưng tôi biết. Tôi biết những cái hắt hơi thở dài, những cái âm đục ngầu lắng xuống giữa câu nói thăm thẳm với hàng trăm kinh nghiệm mỗi mẹ qua bao nhiêu năm sinh đẻ vãn la, bao nhiêu mộng ước đã vỡ vụn, những tai ương, những hạnh phúc đã qua. Tôi biết. Tôi biết cái tiếng ròn tan như thủy tinh vỡ trong giọng cười của đứa bé trai, những tiếng cười xanh xao, những thúc hối gay gắt, những ngọn lửa chập chờn của sự cợt xát, những khoảng không thiếu hụt muôn trùng, những kêu nín dòi dòi vắng lại qua vô số tiền kiếp tiền thân, còn giữa đôi môi mấp máy, trong đôi mắt trông xuống mặt đường. Tôi biết. Như biết dấu tích mình đã nhạt mờ trên các chỗ ngủ đỡ hòm kia.

Ba người ngồi thế, câu chuyện gì đó cứ tiếp tục kéo dài ra và những người qua đường, từng đợt gió lá bay, những khúc nhạc nổi nhau hoài mãi thăm thẳm thì với mặt nhựa vắng. Rồi tự dưng trong một lúc ngắn, khúc nhạc tắt quãng, mất tâm rồi trở lại, vắng vẻ, âm nhip cũ: mờ thắm và xa. Rồi người đàn bà nắm tay đứa bé đứng lên, bước xuống khỏi bực thêm, dắt nhau đi dọc

dưới hàng cây, hướng về đường Đình công Tráng, khuất hẳn. Người con gái 17 tuổi ngồi yên trong tư thế trước, một mình.

Bên sau khung cửa, theo buổi chiều, bóng tối càng lúc càng sậm lại trên những bày biện của gian phòng. Đồng thời với bóng tối sậm dần đó, khung cửa càng nổi rõ hơn với màu vôi sơn tường. Khung cửa sâu thêm, hút vào, mịt mù như một hang động. Bao nhiêu kỷ niệm còn cầm nín mê man bên sau đó, từng dấu tích nồng nàn xót xa, những âm vang lạnh lẽo; có thứ phải nhìn lại từng ngày, và có thứ cả 10 năm dài quên bằng: một thỏi son môi của mẹ mới dùng nửa chừng cất giữ lại đánh dấu hôm qua thời con gái, một tập sách nhỏ cha tặng mẹ ngày mới quen nhau, vài ba chữ viết của kẻ đã chết, lá thư trong ngăn kéo tối tăm của cuộc tình vụng trộm lững lơ... Khung cửa mở ngó ra trời chiều, và từ buổi chiều nhìn vào, càng nhìn càng chẳng thấy được gì hết. Tất cả đang nối kết lại giữa thời gian như một vùng rừng khuya nheo nhóc hàng triệu triệu tỷ tỷ tiếng kêu nói lặng câm, như một vùng bãi hoang qua bao nhiêu phế hưng tang tóc. Và cô bé 17 tuổi đầu, nàng vừa ở đó, giữa vùng rừng khuya, trên bãi hoang quanh đó, lặng lẽ đi thoát ra, lẻ loi ngồi lại giữa chiều, không tên gọi và không thể có bạn bè. Dĩ vãng là khung cửa đã mù tối bên sau: cha mẹ, tổ tiên, những cuộc thiên di, những ngẫu nhĩ và cái gia hệ dai dẳng mịt mù dọc suốt cuộc tiến triển động vật qua những thế kỷ, những nguyên đại đã qua; và tương lai: mặt đường nhựa vắng, lá bay, nắng tàn hoe trên dãy nhà số lẻ. Cùng lúc, trước tầm mắt tôi, bên khung cửa đó, nàng là một khung cửa khác.

Vàng, một khung cửa khác, đang mở rộng ngó vào một nơi khác xanh ngắt và điệp trùng, lênh đênh những phối hợp của mặt đất với da trời, nguyên lai và kết cuộc, da thịt mờ hồi và thời gian không gian tận cùng không cùng. Tôi đắm đắm nhìn vào cửa con gái đó, nhìn sâu vào cái lặng vắng ngăn ngắt và thoáng nghe tiếng cười đùa khóc hát, những mặt người, những nhà cửa. Tất cả đang mang mang đợi chờ. Sẽ có một tiếng chân, giọng nói và cái bóng người đi đến vào khung cửa, cái bóng trải dài xuống, thức gọi tất cả dậy. Một đứa trai còn đầu đó. Trái đất quay, triều miên quay, thu hướng đông tây, với thành thần và ma quỷ. Trái

đất đang quay một ngày nữa sắp tàn. Tôi hút thuốc ngồi trông vờ vào cái cỏi đợi chờ xanh điệp bên sau khung cửa của cửa con gái 17 tuổi đời, bên kia đường và buồn với mình: đây là một trong vài ngày cuối tôi còn ở lại nơi này, vé máy bay đã mua, tôi sắp ra đi.

Nắng người người phai dần. Đêm sắp đến. Đêm đang bắt ngát trên những xứ sở xa xăm về phương đông, trên biển khơi bao la ngoài tỉnh lý mê mỗi này. Người tôi lui, gió biển mang hơi muối lại và không ai nghe được nhịp tiếng sóng vỗ nhịp đều. Đêm sẽ đến. Đứa bé trai và người đàn bà đã khuất mắt vào đầu góc phố kia, có lẽ họ không còn trở về lại nữa, đã dạt trôi vào những vùng sinh hoạt khác. Cửa con gái vẫn còn ngồi lặng yên.

Và trong một phút giây lửng lơ thoáng tôi đang lơ đãng — bao nhiêu năm rồi tôi lơ đãng đi lêu lêu xa dần những ước mong của mẹ cha ngày trước —, người con gái đã thoát mất. Chỗ ngồi trống trên thềm, bóng tối bùng kín bên sau khung cửa. Tôi chợt cảm thấy bàng hoàng, ngạt thở. Tôi cố vận động hết khả năng thị giác để thử kiểm tìm. Không thấy gì nữa cả, khúc nhạc từ quán café đằng kia vẫn vắng lại, không dừng chợt lớn hơn, nghe rõ được từng âm nhịp. Một khúc Valse của Brahms. Khúc nhạc lẫn lộn trong cuốn bande nhựa tôi đã nghe đi nghe lại không biết bao nhiêu lần suốt những đêm quanh quẩn trên căn gác ngó ra sương mù ngày bạn bè xa hết. Tôi dụi mắt tàn, đưa mũi giày di lên, chum mũi huýt sáo theo khúc nhạc, khúc hát cho chỗ ngồi bỏ trống bên kia, cho đứa con gái đã ngủ. Chắc thế, đứa con gái tóc dài 17 tuổi đời chiều nay đã ngủ: một khoảng chiều chán quen hơi, đôi mắt bình an khép lại, tay xuôi một mình.

Đã ngủ, đứa bạn gái xa xôi của tôi, đã đi lạc vào những xứ sở khác, vĩnh viễn không về. Buổi chiều còn, tôi ngồi lại, gói thuốc nạt nhàu chưa hết, tôi đốt thêm điếu thuốc nữa. Em là một khung cửa, và khung cửa đã khép lại trước thiên thu. Sẽ không có một giọt mồ hôi nào với cơn diên da thịt hết. Sẽ không có tiếng khóc mừng, tiếng kêu reo, tiếng thổ dài nào hết. Nhưng mặt người và nhà cửa đã mờ vào đất, dù cho đứa con trai đầu đó có tìm đến đứng đợi chờ, bởi lẽ đã không còn cái lượng máu kỳ bí heo hút roi theo đường trăng già trăng non. Hết. Đôi mắt khép lại, giấc ngủ bắt ngát, đêm chưa tới, mùa hạ vừa qua, mùa thu đông mưa lạnh

chưa về. Hết. Em đã ngủ — vẫn không căn cứ vào đâu cả, nhưng tôi tin chắc chắn thế, tôi không thể nghĩ khác đi được. Đã ngủ, như người chị đẹp của cô em nhỏ trong thơ Huyền Kiều: hoa trắng đầy đầu, như người con gái bạn tình của anh chàng Hamlet với cảnh hoa và tiếng hát trên sông, như Biên, như những cái bóng non yếu khuất hút giữa ngàn đời, những cánh cửa không thể trở về đứng khóc gõ kêu tên.

nguyễn ngữ
(7.1970)

VIÊN LINH

ân tượng

Ngó Em một cái trưa nay
Đi cong phố dưới ngời đầy đường trên
Nôn nao con thú trong mình
Nhớ em góc kín mộng tình xanh um.

Ngó Em hai cái hoàng hôn
Thâm sâu bến thủy bên bờ thuyền trôi
Lòng Em ngậm cứng neo tôi
Sông kia có đục cho trôi nước gầu.

Ngó Em thoát đã canh thâu
Trăng soi cồn bãi cỏ nhàu ý khuya
Yêu Em hé cửa từng giờ
Sương đêm mượt chảy lá chờ reo vui.

Thăm em, thăm ướt bờ môi
Cho nhau chất mặn kéo đời chóng ươn.

viên linh

MƯƠNG MÁN

mưa trong chuyện kể

mưa trên mái mưa ngoài trời gieo hạt
khói tan chiều chưa bay hết thỉnh không
nổi điệu thuốc lửa chuyền môi tê nhạt
hiu hắt cười chung lẫn với màng mộng

biết đêm nay mưa đi về mấy chuyến
biết đêm nay người có về hay không
lòng ghẽ trống tôi ngồi ôm bóng đợi
dù trăm năm nghe gió tạt qua lòng

căn nhà đó nửa đời ôm bóng tối
hoa lá cúi đầu thỉnh lặng bên hiên
những cây trái đứng ngoài vườn câm nín
một chiều kia bỗng chớm biết ưu phiền

người không về không vì chưa tan cuộc
hay mãi mê theo bóng lá cành chìm
quên lời ước quên tình tôi tưởng tiếc
quên cả lối về trong cõi đời riêng

ví dầu mưa chẳng bao giờ khô hạt
tôi vẫn chờ mưa xuống ước thêm tim
đập vỡ mưa chắc tìm ra tiếng hát
tiếng hát nào no đủ để người quên ?

ví dầu một mai áo nhàu nếp lạ
chiều chần thoi quyến luyến ơn đời
nghìn trùng nhớ vạn dặm thương cũng lỡ
cũng cầm bằng như tình đứt tao nôi

ví dầu một mai đèn lụn bắc hao
sông nước cũ quên lời mây thề gửi
có mình tôi ngồi trong bóng nguyệt tàn
chuyện hôm nay thành mưa trong chuyện kể

ví dầu một mai tin nhận không về
nắng vàng úa gọi sầu cây bạc lá
lòng không dưng bỗng rộng mang mang
cũng đành gọi tên mình cho đỡ nhớ

trăng lịm chết từ đêm mưa mới tới
 đề một mình tôi ngồi đếm nhịp mùa
 thấy mùa thu khoác áo vàng qua cửa
 hỏi thăm lòng người có nhớ thu xưa

thu xưa có heo may về ngang phố
 có áo len đan ướm thử lên lòng
 sợ giữa khuya gió thổi về quá sớm
 đắp nhau không vừa e lạnh tình chung

những tờ thư viết bao mùa xa ngái
 riu rít tên người chấp nối tên tôi
 màu mực chọn hàng giờ không biết chán
 mực không đúng màu e tình phai phôi

những tờ thư viết không bao giờ gửi
 bị ép nằm với lũ sách đơn côi
 màu lạnh nhạt len vào từng trang giấy
 dấu viết mực nào rồi cũng phai thôi

mưa và đêm gọi nhau ngoài khung cửa
 bàn tay nào xa ngắt vấy trong mơ
 mưa phải lòng ai mưa rơi xuống đất
 tôi phải lòng người ra ngăn vào ngõ ?

biết đêm nay mưa đi về mấy chuyến
 có chuyến mới nào tấp bến hư không
 dấu sớm muộn thế nào tôi vẫn đợi
 sớm muộn thế nào tôi vẫn cứ mong

bởi chuyến cuối chẳng bao giờ lỗi hẹn
 dấu chậm thế nào cũng tới phải không ?
 chắc tôi sẽ gặp người sau chuyến cuối
 có chậm thế nào tôi vẫn cứ mong.

mường mán

(Bến Ngự đêm 26-7-70)

THƠ

trần ái loan, nguyên trọng thức

THU VÀNG

trời xưa bỗng rụng thu vàng
nghe em cao giọng mơ màng điệu ru
đánh tan một giấc phù du
đề hoa lá rụng như mù sương sa
bên em say ngất đêm qua
thu vàng chưa mộng mà ta say rồi
đêm nay rượu đắng dần vơi
chút tình thơ đại cũng rời rạc đi

SAY MỘNG MÙA THU

mùa thu say mộng bên trời
chợt nghe nàng hát giữa vơi đau thương
ta về hôn lại dư hương
chập chờn một bóng trong sương mù lia
đêm trường đổi mắt nghìn khuya
cỏ cây xao động trên bia sách thu

NHÂN THỂ

nhân thể ngàn thu ngập mối sầu
hồn ai mơ mộng suốt đêm đầu
sao em không hát bài man đã
đề thấy trần gian nở mộng đầu

trần ái loan

BÀN TAY Ở GIỮA

nếu ngay bây giờ em nói yêu tôi
tôi chắc tôi cũng không vui hơn trước
nếu ngay bây giờ em nói quên tôi
tôi chắc tôi cũng không buồn hơn trước

bởi vì tôi không là ai hết
cho nên tôi chỉ cần tôi là tôi
bởi vì tôi là tôi hơn ai hết
cho nên tôi chỉ cần tôi là tôi

tôi với tôi tôi nghe buồn quá
tôi quá buồn hay buồn quá thành tôi ?
tôi với tôi mỗi ngày thêm một lạ
tôi bây giờ đã làm mất tôi rồi

tôi mất tôi và cả em luôn nữa
em hình như cũng đã mất em rồi ?
tôi và em và bàn tay ở giữa
đây tại mình mỗi đứa cách một nơi

NGÀY BUỒN RỤNG

tựa lưng vào thân cây trơ trụi
ngửa tay xin nắng gió mặt trời
cành lá lao xao từ chối

dừng chân nói với mặt đường
làm sao đừng mỗi gối
sỏi đá không đồng tình

thất thểu vào nghĩa trang
năm dài trên cỏ mượt
hồn xanh như thêm hoang
nắng mà lòng cũng ướm

lục soát ký ức tìm một thằng bạn
đứa nào rồi cũng không còn
đứa đi đi biệt biệt
đứa ở đứng ngồi không yên

trở về gục đầu trên vai em
sướt mướt nói chuyện ái tình
tuy không như ngày xưa thơ mộng
cũng nghe lòng khơi động phút mù tăm

thôi một ngày đã hết
nghe lòng rụng theo tờ lịch treo tường
ôi một ngày đã hết
con chim buồn ăn no trái cô đơn

nguyên trọng thức

TRẦN HỒNG CHÂU

thơ và nhật ký

TRỞ VỀ NGƯỜI GÁI QUÊ HƯƠNG

Anh đã sống bằng bành muôn hải đảo tắm trong ánh cầu
vồng, đan áo ngũ sắc người cổ sơ những thuở nào

Những trời tuyết rơi trắng hồn hoang đại những hoàng hôn
chầm chậm chời qua năm kẻ ngón tay xiết chặt dĩ vãng những
hoàng hôn

Vàng như sợi tóc người viễn phương chảy vào ly rượu
hoàng hoa giữa vàng thu bên rừng Lăng-mạn đạo

Những trùn đỏ trái tim anh-đào vắt qua vành-tSi ngợi ca
tuổi xanh và môi thắm yên-chi người em gái nhỏ nữ thần
An-Son

Những sớm sương lam mờ trên một bến Bắc-hải chìm trong
mơ và trong thơ

Xanh như mắt Bạch nữ, con gái người thuyền-chủ sắp ra
khơi nhưng lòng còn dấn với

Những đêm xích đạo âm-u da trời Vê nữ đen ngát xạ hương
hay hương tóc người gái rừng xanh, hay hương hoa nhiệt đới đỏ
rực men tình say...

Anh đã bình bằng sông muôn hải-đảo tâm tình
 Lòng hoàng điệp hơn một lần ngõ cửa trước ngõ đào-ly-viên
 với những nốt nhạc quên lãng cuồng điên

Anh về đây ! bụi hải hồ vương trên mí mắt và trắng tám
 hương phủ quanh mình

Tiệc tẩy trần... rũ áo phong sương với bông hồng quá khứ
 trên trên môi lãng tử người không hương định

Anh quý dâng lời nguyện trên đất mẹ anh xây nguy nga điện
 ngàn nóc trong hồn em

Em mây thu

Em xuân thu

Em cửa tuổi thơ

Cửa bến cũ lòng xưa

Em người gái Thăng-Long người gái sông Hồng thấm đở tình
 thương dưới mái trường Cự Nam !

Em là lan Bảo-lộc là sen Tây hồ là nàng-hương căng nhựa
 sống bên bờ Trúc-giang

Tình chúng ta ngát hương vương giả.

Tình chúng ta ngào ngạt ý liên hương

Tình chúng ta nhịp bước hồ-khoan vào tuổi Nguyên-thủy
 bưng ái-ân muôn kiếp giữa lúa với người.

Hôm nay ngày thơ đẹp, hội Hồng-châu anh thấy gì đâu bên
 chân trời biên viễn

Chỉ một em, em khoan thai bước nữ hoàng trong giảng
 đường và ngoài đại lộ bốn phương

Chân ngập ngừng, trời say say... chúng ta tìm trong tơ trắng
 hay đường nhạc xuân thu

Tóc em chợt bừng sáng ngàn sao Thái bạch trên lượt gót
 uốn cong đường cầu vồng bắc ngang giữa cửa sổ hai thế giới
 tâm-tình

Sắc phơn phớt đào hoa đa biên sữa em khoác áo trời xanh
 diu-dịu diu mình xử nữ trên cánh gió

Anh muốn giam hồn trong tia mắt em đang kết lưới đựng
 triu mển thiên thu và ngầy ngất rượu đào say

Vạn kiếp tiền thân ngàn dặm lý anh đã mỗi chân tìm người
 thánh nữ người mẹ người em gái nhỏ người tình thanh tâm

Dung là sắc mây thu

Hạnh là biển diêu hiền không biên giới

Mắt em đựng màu Hương giang

Hồn em xây cố đô bờ sông Nhị

Tình em dâng suối mạch Cửu-Long

Tóc vương vương vương hương phù-vân chơi Trường Sơn
 xa vời

Em là ý quê hương vườn quỳnh hoa xưa hay son thắm vàng
 phai chiều kinh khuyết ?

Chiều hoang lan rội tiếng vân hài trên lộ trình quá khứ-ngày
 mai anh bước trong mơ mãi mê tìm một phiến mây thu mơ
 màng một mảng trời xanh không kinh vĩ tuyến

Cuối đường viễn khách anh thấy gì đâu chỉ một em và chỉ
 một em

Em người thánh-nữ người mẹ hiền người em gái nhỏ người
 tình thanh tâm

Anh và em gái trai tình cố quận

Quê hương nhỏ nhỏ giờ đây xa vắng mấy dặm đường

Gặp nhau đó mệnh mong trời đất mẹ

Một thuở nhớ thương

Muôn kiếp hẹn hò

Chúng ta cùng vòng tay ôm trời Hậu giang đỏ như lòng son
 đôi lứa

Lửa xích đạo là tình sông núi

Mắt nga-my là trời sao khuya

Em xuân thu chúng ta cùng dắt tay nhau đi vòng trần
 thế nhé !

Nhạc vũ-trụ diu hiền lời em nói

Nhạc vũ-trụ uyển chuyển giáng em đi

Nhạc vũ-trụ vương vương liễu tóc rủ bờ vai thương

Môi em bừng sáng hơn một bình minh bằng bình sáng đại dương rồi đấy nhỉ

Gót hồng son in dấu ngọc châu trong Ngân hà và mấy lớp tinh cầu đỏ chẳng em?

Em mây thu chúng ta mãi mãi cùng song song đi nương vòng Thái-dương-hệ

Mặc ngày máy huyền vi ngừng chạy

Hoa trôi không tấu nhạc trần hoàn

Bướm trôi lại-văng mộng Trang-sinh...

Những mảnh tình cầu rớt rớt rơi...

Còn lại vũ-trụ hai ta

Anh sẽ siết chặt vòng tay em hơn nữa

Tay cùng xóa trục thời gian trên trang sách đại số và kỷ hà...

Tình tràn muôn nẻo

Bằng bạc không gian

Vầng nguyệt

Vầng dương

Gió mưa thăm thi

Trời xanh tình-tự

Tiếng cười tan vỡ

Những mảnh tình cầu rớt rớt rơi...

Cuối cùng của cuối cùng

Còn lại anh và em

Anh lãng tử trở về người gái quê hương, ý đẹp trên đường tình vô biên

Em người thánh nữ, người mẹ hiền, người em gái nhỏ, người tình thanh tâm

Em mây thu !

Em xuân thu !

NHẬT KÝ

Vẫn những dẫn vật quen thuộc trong thể xác nóng bức và tâm hồn bế tắc, ngột thở của một nửa khuya oi ả, nặng chình chịch như cả một tầng Thái-Sơn bằng chì đè trĩu lên mọi sự vật chìm trong sương đêm,

Bỗng đứng mặt trăng hiền hiền. Trăng đêm nay sao vàng vọt, bệnh hoạn, lơ dờ sau mấy cành lá khô gầy vời tia mắt nhìn một mối, không thần sắc, vời vóc dáng rất liêu trai ? Dù sao, giữa thủ đô ngàn vạn nóc và « lớp lớp phủ kiêu », ngồi trong chiếc hộp vuông vức, 4x4, bằng bê-tông và sắt thép này mà nhìn ra chiêm ngưỡng một nhan sắc ốm yếu, chán chường, quái đản thì kẻ cũng là một thích thú hiếm có.

Kỷ niệm em bừng sáng trong tôi như một ostensorio !

Dù bình-thành-thể đó là hình dung mặt trời hoàng hôn của thi sĩ, tôi vẫn muốn đó là mặt trăng, vì kỷ niệm chỉ là hồi quang, là liên tưởng. Đúng như ánh trăng mờ nhạt là hồi quang, là hình dung thay thế của một vùng dương chói trắng, nồng cháy.

Tôi muốn nằm lộn trên bãi cỏ xanh rờn như một con ngựa hoang của Gauguin. Tôi muốn để nước mưa mát rượi, trong hồ chứa, chảy chậm chậm trên cánh tay buông thõng trong lúc ánh trăng khuya âu yếm bủa vây quanh mình và màu trắng của hương hoa bưởi đồng quê nhẹ nhàng đón bước đến, thăm thì bên tai như một người tình bé bỏng, e lệ...

Hoa bưởi thơm rồi, đêm đã khuya hồi ời vùng kỷ niệm ấu thơ và những mảnh trăng xưa không còn nữa ! Cửa thiên đường khép kín và tôi đã lỡ chuyến tàu chót.

Tiếng động cơ xe Jeep ào ào ngoài phố đêm, thêm thêm tiếng liên thanh đoàn tuần tiễu hỗn hợp ròn tan như pháo điện quang, như tiếng xương khô cọ xát vào nhau. Tự nhiên tôi nhớ đến « vạn cốt khô » của các nhà thơ Biên tái, đến ngón Bạch cốt trảo thần sâu của nữ nhân vật Kim Dung, tóc xoắn, đi lang thang, rên xiết trong ánh trăng ma quái của sa mạc mênh mông miền cực Bắc...

Tất cả những âm thanh, màu sắc và trạng thái tâm hồn lạc lõng của thời đại pha trộn thành một bản nhạc Strawinsky hỗn loạn, gay gắt, kỳ ảo. Tôi khâm phục nhưng không yêu người nghệ sĩ độc sáng và báo hiệu nhạc « nguyên chất » đó. Tôi muốn đi ngược dòng quá khứ tìm lại màu xanh tươi mát của tuổi thanh xuân. Nhưng trục thời gian giống như một cột buồm trôi mờ nhạt nhòa, dựng trên một hố sâu thăm thẳm.

Và nửa đêm khi chuyển tàu chót.

Đem qua hoa lệ một tỉnh thành.

Khi đèn đỏ đã khuất đầu ghi

Tôi rũ bụi sầu đứng chờ vơ.

Rừng mình lạnh : đêm rộng mình mông...

Buổi sớm. Trời trong màu ngọc bích với vài giải mây hồng nhạt vắt qua những ngọn cây im lìm. Đọc lại một đoạn thơ Holderlin. Vẫn niềm đau thương đó, vẫn nỗi khắc khoải tuyệt vọng của 36 năm mất thăng bằng — hay thể hiện được thăng bằng đích thực ? — trong mê hồn trận của các tế bào trí não. Suốt một cuộc đời ngời cao đáng tối cao — Ánh sáng và quyền vạn năng. Có phải khiêm nhường hay chỉ là kiêu hãnh ? Bởi lẽ thi sĩ cho rằng mình chịu ơn đáng tối cao nhưng đáng tối cao cũng nhờ lời, trong như suối ngọc, như Bài thơ, mời thống trị được toàn vẹn. Cũng như những thần tượng trên thao trường Olympia phải có Pindare làm thơ tán tụng mới thành bất diệt và « phù dung như điện liễu như mi » của kiều nữ họ Dương có lẽ đã tan biến thành cát bụi vô danh nếu không có âm thanh và màu sắc trường hận của người Lạc thiên. Có phải bản chất và sứ mệnh Thơ là thế chăng ?

Nhớ lại buổi ghé thăm Nurtigen khi nắng vàng đường như ngưng đọng và hoa houblon vàng vẫn « tịch tịch hoàng », cái tịch tịch thấm thía của Nguyên Chấn, vẫn lặng lẽ, từng cánh một, rơi xuống đồng nội mình mông của vùng Schwabe chiều nặng kỷ niệm văn và nghệ. Lầu tĩnh tu, nơi Holderlin gặp gỡ lại chính tâm hồn mình trong đêm thâu và đơn chiếc, vẫn tịch tịch, cô liêu... Và

đây đó, như mơ hồ, ảo mộng, bước chân đi dịu dàng, uyển chuyển của những Diotima rất kiều diễm và mơ màng...

Diotima ! Diotima, ý niệm Đẹp hay biểu tượng quê hương lý tưởng, quê hương ngày mai...

Tôi vẫn nhớ, vẫn thương, vẫn khắc khoải mộng mơ và cầu xin...

Nhưng hiện tại là tấm lăng kính khả ố của mù phù thủy ác độc, là cây rừng gai góc làm rớm máu gót chân hồng non dại của nàng công chúa diễm lệ trong thần thoại tuổi thơ !

Hiện tại là hỗn loạn, nhiễu nhương, là bất công, đối trá, là ti tiện hận thù... Hiện tại có những tên trọc phú ti toe bàn thế sự, có những con điểm khoác áo mệnh phụ, có những bọn thất phu, đầu óc đặc sệt, nhưng cũng ra điều lãnh đạo văn hóa và luôn mồm nói truyền thống « với quốc hồn », hiện tại có những đàn sâu mọt lì lợm lăm lũi, hút tới khô cạn cả máu mủ dân lành, có những gã hoạt đầu, bôi son đánh phấn, ngày ngày hò hét, những từ ngữ đẹp đẽ nhưng đã từ lâu vong thân trên đất nước này : Nhân dân, Tổ quốc, Bác ái, Hòa bình...

Những loài sâu bọ đó đang múa may quay cuồng và đục ruỗng thề xác ồm yếu, gầy gò, rách nát của quê hương đau buồn...

Diotima ! nàng có phù phép nào không và người tình lý tưởng có là sức mạnh di sơn đảo hải không ? Tôi mừng tượng nhớ rằng, trong ánh hào quang của nhan sắc ảo diễm đó, Holderlin đã tìm ra sinh lộ, và quê hương thi sĩ đã được giải thoát khỏi vòng xích định mệnh của chia ly và tủi hận, ít ra là ở trong tâm tưởng.

Nửa đêm nay tôi đốt trầm hương ngát

Cháp tay vái những anh cả đường tình

Đề ngày mai, tìm duyên, buồm hương lạc

Giấc mơ song may thấy một vân hài...

Và cả ngọn đuốc thần sáng tạo ra mùa xuân dân tộc nữa ! Tôi lặng lẽ cầu xin, tôi tha thiết khẩn nài...

Diotima ! Diotima, ý niệm Đẹp hay biểu tượng quê hương lý tưởng, quê hương ngày mai...

Quán Gió, quán Chiều Tím, quán Thơ... Công thức này trẻ và khá hợp thời. Một chỗ ngồi ấm cúng, mấy tấm tình yêu nho nhỏ, vài giọng ca truyền cảm mặc dầu đã bị máy móc và bình dân hóa qua sắt thép, thủy tinh, ébonite và nước cường toan của những cục piles máy ghi âm... Ánh sáng tím nhạt, đục lơ lơ, lọc qua lớp vỏ nhựa hóa học của những chao đèn lập thể chứa lấy những mảng tường nặc danh, vẽ lên mình khách những bình minh tái nhạt, chập chờn giữa đêm thâu.

Ngoài trời vẫn mưa dầy bão giạt mà sao trong này ấm cúng thế ! Ngoài trời, quê hương quần quai khét lẹt thuốc súng, với những mảng sâu quảng nham nhở, gồ ghề, bần thiêu của bất công và thối nát, nhưng trong này màu thời gian vẫn lặng lẽ tím ngắt, nhạc vẫn nhẹ nhàng chỗi và những tâm hồn như lắng đọng lại để quên, để chôn thời cuộc trong giấy lát, để sống hay giả vờ, tự dối mình, mà sống, với những khát vọng, thực là tầm thường mà cũng thực là khó thể hiện, của con người muôn thuở, con người không hiện tại.

Trong những góc kín đáo nhất, chìm sâu trong vũng tối « hoàng hôn » của đêm thâu, vài cặp tri kỷ vụn, lời nói yêu đương tí tách nhỏ giọt cùng với chất cà-phê đen quánh trong lòng chén... Một hai kẻ bước ra hay bước vô, chân lảo đảo, vai bành rộng, trong một giáng điệu ngang tàng, rất vay mượn. Và, như một nhân vật tiểu thuyết, cô chủ có đôi mắt to, đen, in đậm trên nền da xanh nhạt, một môi của một khuôn mặt rất Mogliani và trên lớp sơn đã ngả màu của chiếc quầy hàng cao lênh khênh.

Tại sao, chiều hôm nay, tất cả cái nhân loại nhỏ bé ở trong quán này đều như có giáng điệu bấp bênh, ngỡ ngàng, đầu nghiêng, cổ rút của những con đà điều biết nói đang chồn chạy một cái gì ?

Hôm nay, T. người sinh viên trẻ tuổi, đem đến một tập thơ nhờ xem và có ý kiến. Nhiều thiện chí, cố gắng và tình yêu văn nghệ và cũng nhiều tự ái như bóng dáng của mình ở một thuở nào... Than phiền không in được thơ vì gặp quá nhiều khó khăn...

Ước gì mình có thật nhiều phương tiện để tổ tấm lòng với kẻ khác, để đem một vui mừng, hy vọng cụ thể đến cho những người trẻ tuổi !

Tuổi trẻ Việt Nam, tuổi 20 giữa lòng thế kỷ 20 ! Tôi tình gì đâu mà đau khổ như vậy. Đó là hình ảnh một Jesus trên cây thập tự với sắt máu cùng mình, đó là khuôn mặt những nhân vật định mệnh trong bi kịch cổ điển của một Eschyle hay một Euripide luôn luôn khắc khoải, hấp hối trong khi hậu thần linh và di truyền quái ác, ngột ngạt, bí huyền...

Tuổi trẻ và sáng tạo.

Tuổi hai mươi trong thập niên 60...

Kinh nghiệm bản thân đề dựng tác phẩm có lẽ một phần nào phong phú vì hoàn cảnh quá ư sôi động, rộn rập, nhưng sự chịu đựng thật là chua xót, não nùng. Đó là cái giá phải trả...

Tôi đã gặp rất nhiều người trẻ tuổi trong giảng đường và trại hè, ngoài đại lộ của những đô thị ốm yếu và trên những vòng đai làng mạc nơi mà lòng người cũng phân vân, chập chờn, nghiêng ngửa như bóng hoàng hôn, tranh sáng tranh tối, đồ dài trên cánh đồng vắng, nhuộm vàng những trái dưa tươi mát và rất có thể cả những trái mìn nổ chậm nữa...

Tôi đã bắt chợt những tia mắt vừa hăng say vừa mệt mỏi, những nụ cười vừa hồn nhiên, rạng rỡ, vừa chua chát, ngậm ngùi. Tuổi hãy còn xanh, xanh trái cây xanh, nhưng sao đã sớm già như da thịt tái hồng xiêm, bị chèn ép trong vội vã và bất thường, để lại trên đầu lười một dư vị sượng sùng, sớm báo hiệu già nua và chết chóc. Thời gian như cô đọng lại trong những mùa bạo động và cả tuổi đời nữa. Nên những khuôn mặt héo hon kia chỉ còn có nghĩa là sương mai và nắng sớm đã ra đi, để xây dựng thành những pho tượng, những tĩnh vật bất đắc dĩ trong khung cảnh tang thương rách nát của Mẹ u buồn, đầu đầu cũng chỉ thấy hàng hàng lớp lớp những chứng tích đau thương của « Gió bay nhà bạc cát lấp cửa thừa » !

Người bạn trẻ đã hỏi tôi rất nhiều về Thơ, Nhạc, đã tâm sự những nỗi niềm, ẩn ức cũng như những giấc mơ say đắm của một cuộc sống riêng tư, thâm lặng, nhỏ bé, bao vây một thế giới tâm hồn nhỏ bé. Có nhiều lúc những khát vọng thực là nhỏ bé cũng khó thể hiện, xa vời như bóng dáng chóp cửa của một kim tinh trong vòng kính viễn vọng... Và tôi mừng tưởng rằng mình cũng đã nói, nói rất nhiều, nói như trong mơ, nói như một giọng thác lũ cuộn cuộn nước mưa nguồn chảy xuôi về đại dương...

Tôi chợt nhớ đến một chiều hậu chiến rười rượi buồn của Frankfurt. Trước cửa vương cung Thánh đường, gần bên một pho tượng nữ thần cụt tay với giáng dấp của « Vệ nữ thành Milo » (tại sao lại cụt phải nhưng pho tượng không toàn vẹn thể xác mới gây ấn tượng và xúc động mãnh liệt ?) tôi ngồi trầm ngâm trên một « ngọn núi » gạch vỡ, ngồn ngang, chồng chất, lộn sộn... Chỉ vì một ngày D nào đó và một giờ H nào đó một đoàn thần điêu Spitfire đã bay qua đây để cho cát bụi lại trở về cát bụi...

Ngôi nhà có những nét hồng nhạt quý phái của giọng họ Goethe cách đó không bao xa và bỗng nhiên tôi tự cảm thấy có giáng điệu tâm hồn một Werther. Nhưng hơi ôi, gần xa quanh quất không có một Charlotte nào với tóc xõa hoàng hôn và mắt mộng trời xanh cả ! Tôi nhìn xuống những khe gạch vỡ và chợt thấy, giữa những cánh đã thảo mong manh, xanh mướt như ánh ngọc lưu ly, vươn lên một bông cúc đồng nội, cánh hoa trinh bạch rung rinh như bướm vàng chiều xuân trên thượng lưu giọng sông ký vắng mặt mừng. Trong hư vô đã có hiện hữu. Trong hủy diệt đã có mầm sống mạnh mẽ nảy chồi...

Tôi muốn đem bông hoàng hoa tâm tưởng, bồng nở trên đồ nát và đau thương, của buổi chiều xa xôi không bao giờ trở lại đó để tặng Tuổi trẻ. Tuổi 20 sáng tác, tuổi trẻ phù trầm, tuổi trẻ bênh bồng như bọt biển của thời đại và quê hương chúng ta. Và gửi vào những cánh hoa bồng sáng đó một niềm tin...

trần hồng châu

HUỲNH PHAN ANH

tâm sự bóng tôi

Điều Hưng khó lòng ngờ tới có lẽ là việc Nguyệt đã tìm đến chàng vào buổi chiều ngày mưa hôm đó (nhớ lại, nhắc lại, kể lại : nàng đã đến với chàng trong những giây phút định đoạt quan trọng nhất của mình), Nguyệt đến : sự có mặt vượt ngoài lẽ thói thông thường biết đâu lại không khỏi gieo rắc những ý nghĩ hăm hồ (hồ đồ) ở kẻ khác, Nguyệt đến : ngôn ngữ và cử chỉ của nàng liệu còn có ý nghĩa gì khác dù cho đối với chính nàng, dù cho đối với một ai, thí dụ một tư tưởng một ước muốn hay một tình cảm nào đó không tìm được cơ hội bộc lộ hoặc tìm cách lẫn trốn đến cùng. Vâng trong cái đêm cùng Hưng ở lại tỉnh, trong ngôi nhà trống trải, lạnh lẽo nằm thu mình giữa những bóng cây (Đô đã đưa vợ con về quê ở quận B. cách đó mười lăm cây số dự lễ cúng kiến trong gia đình, luôn tiện ở lại chơi trong một hai ngày), chàng đã mang chuyện của Nguyệt ra kể với Hưng, không phải với Hưng mà thôi : chính chàng cũng là kẻ đang lắng nghe với tất cả chú ý và thành khẩn như một tâm hồn xa lạ đang rình rập, theo dõi một cách thích thú say mê : ai đang lên tiếng, kẻ lẽ, ai đang nói về Nguyệt, có phải là chàng, hay một kẻ nào khác, xa lạ hoàn toàn, hay không một ai, hay thật ra đó chỉ là một trí nhớ thiếu tự chủ mặc tình

buông thả theo những giòng hồi tưởng không dừng bước được nữa : chàng chỉ còn là một trí nhớ không bản ngã, một lời nói trần trụi, và Nguyệt chỉ là một hình ảnh dần dần hiện lên, mỗi lúc một rõ hơn, nàng chỉ là một cái tên gọi dựng lên từ một kẽ hở của trí nhớ, từ một lời nói đang khởi đầu, đang tiếp tục, để không bao giờ nữa được phép kết thúc, (nàng) xuất hiện như chưa bao giờ xuất hiện, tưởng tượng một khuôn mặt thân yêu chợt trở nên xa lạ, tưởng tượng một niềm bí ẩn không tài nào soi sáng. Và như vậy những lời chàng nói về Nguyệt có thể chỉ còn là những bóng tối vây phủ lấy Nguyệt. Trước hơn ai hết, hẳn Hưng đã nhận ra điều này. Rõ ràng trong những mẫu chuyện thì thăm của hai người đàn ông (Hưng và chàng) trong bóng đêm muộn màng, vắng bật kia, Nguyệt trở thành cơ hội của một cuộc chơi kỳ lạ trong đó mỗi người say sưa trong cuộc kiếm tìm, đuổi bắt tuyệt vọng của mình, để rồi sau cùng (đến một lúc nào đó), người ta có thể nói rằng không còn Nguyệt, không có Nguyệt, Nguyệt là cái gì không có thật, đúng hơn, Nguyệt chỉ còn là một hình ảnh, mỗi người mặc tình xây dựng cho riêng mình một ý tưởng về Nguyệt, một mộng tưởng về Nguyệt chỉ phù hợp cho những ước vọng cũng như những tình cảnh riêng tư cho mình. Rõ là một đề tài câu chuyện kỳ lạ. Nó tạo ra những tương quan kỳ lạ, phủ đầy những bóng tối bí mật, cảm nín giữa hai người đang đối diện với nhau câu chuyện (về Nguyệt) mang họ đến gần đồng thời ngăn cách họ với nhau, đang đối diện với chính người vắng mặt, đứng ra là với chính trí nhớ phản trắc và lừa đảo của họ về người vắng mặt : hẳn là mỗi người không ngớt hỏi thăm chính mình cũng như kẻ khác về sự thật liên quan tới Nguyệt đang lẩn tránh, đang sụp đổ không ngừng. Nhưng Nguyệt. Tại sao Nguyệt. Đó là điều chàng không ngớt tra hỏi chính mình về những rung động, những tình cảm có thể xảy ra, hiện diện trong lòng chàng (mì chỉ là một thằng người ấu trĩ, một thằng bé yếu đuối, suốt suốt, mì biết không ?) Khi nhớ lại, kể lại từng chi tiết nhỏ nhất biết được về cô học trò thông minh, học giỏi, lãng mạn, u uẩn kia, tất cả biết đâu lại là động lực chính yếu giúp chàng có được một giọng kể say mê đồng

thời không khỏi gây những trở ngại những khó khăn sẽ đến bất chợt, chặn đứng mọi tiết lộ để rồi những lời lẽ tiếp tục sau đó chỉ còn là phương tiện dùng che giấu, cải trang sự thật (thấy không, mì chỉ là một tên gian trá, mì giả dối với người khác, mì giả dối với chính mì). Có lẽ, chàng nghĩ, tất cả đã chỉ bắt đầu từ những rung động, những xôn xao, những suốt suốt đã trở thành quen thuộc (một tập quán xấu xa cần phải khử trừ) trong mỗi lần sửa soạn chào đón một thời tiết mới : Nguyệt hay là viễn tượng một mùa mưa năm nào đang yên nghỉ trong trí nhớ chợt hiện lên, trở về, tươi sáng và thắm đẹp hơn bao giờ : Nguyệt đánh thức ở chàng một căn bệnh mà chàng vẫn đùa cợt với chính mình là căn bệnh mùa mưa, làm nên từ những ảo tưởng triền miên chiếm trọn tâm hồn chàng, mặc tình thâm tẩm và điều khiển lấy nó. Mùa mưa. Mùa mưa. Hai tiếng thốt lên như một lời kêu gọi, một nỗi vỗ về thương yêu và triu mến, một cánh cửa mở ra bao nhiêu bầu trời của trí nhớ và mộng tưởng bị vùi lấp, bỏ quên, đánh mất. Mùa mưa. Bao nhiêu tâm sự từ lâu ấp ủ trong cái phần hồn căn cổ, buốt giá kia chừng như được lay gọi, mời mọc lên tiếng. Vâng, chàng đã lên tiếng. Điều quan trọng là chàng đã bắt đầu và trong bóng tối của đêm hôm đó, chính chàng là kẻ ngát của đêm về sáng, chỉ còn có giọng nói của chàng hiện diện trong gian phòng kín mít, tưởng tượng chàng chỉ còn là một giọng nói thì thầm, thỉnh thoảng cắt đứt bằng những khoảnh khắc ngập ngừng, ngưng đọng, tưởng tượng Hưng kẻ duy nhất lúc đó tình nguyện tham dự, chia sẻ với chàng một không gian cũng như một thời gian tù hạp, chính hẳn cũng không còn, hẳn chỉ còn là một niềm im lặng đang lắng nghe, đang (vô vọng) thăm dò, xét nét : Tưởng tượng mỗi người trong kinh nghiệm sụp sụp, trong ám ảnh tan biến của chính mình. Không biết từ lúc nào chàng chợt nhận ra tầm quan trọng ghê gớm không phải của những điều chàng kể lể (tự chúng không mạch lạc, không luận lý, không rõ ràng), trái lại, của chính tác động kể lể của chàng : biết rằng chàng, và cả Hưng đang nằm bất động, đang nhập vào bóng đêm và im lặng kia, cả hai đang không ngớt lâm nguy, đang cầu cứu tới nó như một dịp may để từ đó được tiếp tục hiện diện : biết

rằng ở tận cùng mỗi câu nói kia sẽ không còn gì khác hơn là giấc ngủ triền miên, là cơn giả chết, là cái chết. Thế rồi, chàng nói không, chàng tiếp tục lướt đi chấp chớn trên từng kỷ niệm, từng ám ảnh quen thuộc, tất cả góp phần làm nên « căn bệnh » của chàng, từ con ngõ lầy lội của khu xóm nơi chàng trọ ngập nước mênh mông sau mỗi trận mưa lớn, từ chỗ ngồi trong quán nước nhìn ra một khu công viên, nơi hẹn hò với mấy người bạn, nơi đã thành một giáo đường tạm bợ và buồn tẻ (à! những thằng bé trường giả, an phận, đứng ngoài, đối tượng nguyên rủa của bao nhiêu người, biết không?), từ những khoảnh khắc trống vắng đến hải hùng, từ những mơ ước tầm thường, vô nghĩa nhất của một đời người không toại nguyện, từ những mẩu chuyện tình ái không có ngày mai, hiện đến chỉ để trôi qua, biến mất vào quên lãng. Tình ái? Vâng chàng đã kể lại những cuộc tình phù du đã từng đến với chàng, những trang sách có thể tuyệt đẹp nhưng buồn bã, những phút giây kỳ thú nhưng ngắn ngủi, tất cả sẽ không bao giờ đủ để tạo nên một cuộc tình đúng nghĩa, một chân dung tình yêu đích thật, không, tất cả chẳng qua chỉ là những hình ảnh hao hụt, không thành, những mảnh vụn của một tấm gương vỡ, những cái bóng chấp chớn trong mộng tưởng. Tình ái hay thật ra chỉ là những ảo tưởng (tình ái) của một tâm hồn nghèo nàn, cần cỗi. Và rồi, chính trong cái đám vụn vỡ đó một khuôn mặt trẻ chợt hiện lên, nổi bật, một khuôn mặt vô danh của ngày mưa năm nào, một khuôn mặt tươi cười, rực rỡ mặc dù những dáng vẻ nhạt nhòa, mờ ảo của nó. Theo giòng hồi tưởng đứt đoạn của mình, chàng nói, không, chàng sống lại từng khoảnh khắc say sưa nồng nhiệt cũ, làm nên từ những niềm vui sướng chan hòa cùng những nỗi bất hạnh. Đây đây quang cảnh một bến xe đồ hai người vừa đặt bước xuống, mưa trắng xóa ngoài trời, hai người nhìn nhau dò xét thăm hỏi lẫn nhau, cũng là thăm hỏi với chính mình, để sau cùng không hẹn và cũng không nói với nhau một lời nào, cả hai cùng chạy vội ra một chiếc taxi. Đây đây trong đêm mưa thành phố hai người nép mình vào nhau đi dưới những mái hiên, hết con đường này tới con đường khác, thỉnh thoảng dừng lại trong một xó tối tăm, đứng sát vào nhau, lặng lẽ, cả hai thận thệ khề

run lên vì lạnh (lạnh?). Đây đây một góc quán tồi tàn, bần thủ họ tình cờ tạt vào (để tránh lạnh? để nghỉ chân? để...), ngồi đối diện với nhau, lãng quên cả thời khắc đang giục giã. Đây đây gian phòng độc thân tẻ lạnh người con gái rón rén bước vào, tìm cách làm quen, biến đổi, tạo nên một bầu không khí khác, nồng nàn hơn, ấm cúng hơn. Khuôn mặt trở nên đẹp lạ thường, một vẻ đẹp kỳ ảo, náo nùng, ràn rụa nước mưa và nước mắt: lần cuối cùng chàng nhìn vào khuôn mặt đó, biết rằng mình sẽ khó lòng quên nó; hãy đưa em đi, nàng nói, tới bất luận một nơi nào, hãy cho em một hi vọng, hãy nói em còn hi vọng nào không, và chàng biết rằng mai đây những tiếng kêu tuyệt vọng kia sẽ còn thì thầm mãi trong trí nhớ chàng như một bằng chứng khổ khổ, một lời buộc tội, bởi chàng sẽ (đã) không gặp lại người con gái đó một lần nào nữa bởi không phải nàng, mà chính chàng sẽ (đã) biến mất, xem đó như một điều bó buộc, một bòn phận, và điều chàng vẫn tự hỏi sau đó là thật ra chàng đã chọn lựa cái gì, sự khổ khổ, sự vươn hèn hay điều gì khác nữa mà chàng không tài nào nhận ra hay không có can đảm thú nhận. Chàng dừng lại ở đó, như để tìm kiếm một câu kết luận cho những mẩu chuyện vừa kể nhưng kỳ thật là chàng không muốn nói gì nữa hoặc không còn gì để nói, đầu óc chàng trống rỗng lạ thường, trí nhớ chàng lúc bấy giờ như một bức màn trắng xóa. Chàng đuổi thẳng hai chân (chàng đang nằm trên một chiếc ghế dài, hai chân thông xuống đất), cố tìm một dáng nằm thư thả, tự nhiên. Hẳn là xuyên qua những bóng tối dày đặc của gian phòng từ chỗ nằm trên chiếc đi-văng cạnh đó, Hưng đang trở mắt nhìn chàng, chờ đợi. Không ai biết hẳn nghĩ gì trong lúc đó. Niềm im lặng chừng như đã kéo dài khá lâu trước khi chàng bật diêm châm một điếu thuốc, bởi vì, chàng nghĩ, nếu không hẳn tưởng chàng đã ngủ quên cũng nên. Thế rồi chàng quay mặt về phía Hưng hỏi hẳn có được tin tức gì về Nguyệt, hỏi hẳn có phải đến tìm chàng vì câu chuyện của Nguyệt không. Hưng nói, lúc bấy giờ hẳn mới nói, hẳn nói bằng một giọng hết sức bình thản, hẳn nói tất cả. Hẳn không gặp lại Nguyệt. Nghe đâu nàng đã lập gia đình, đã có con, theo chồng là một công chức về sống tại một tỉnh lỵ thơ mộng ở miền Trung: một hạnh phúc

đơn sơ và đầy đủ. Hắn nói hắn không mong gặp lại Nguyệt bao giờ, để làm gì mới được. Hắn nói hắn vẫn cầu chúc cho Nguyệt những điều tốt đẹp nhất. Chàng buông một hơi thuốc dài. Chàng nghe khoan khoái, nhẹ nhõm. Chàng nói thầm với chính mình, hạnh phúc của Nguyệt, đó cũng là điều chàng vẫn mong và nghĩ tới. Chàng có cảm tưởng vừa trút đi một gánh nặng, một món nợ, một hình phạt từ lâu đeo đẳng, không buông tha. Chàng hỏi Hưng mấy giờ rồi. Chàng nói có lẽ phải ngủ một chút. Chàng nghe hai mắt lim dim. Và hắn chàng đã ngủ một giấc êm đềm, khoan khoái nếu từ bên kia không có tiếng Hưng cất lên, giọng trầm trọng, khẩn thiết : « thầy, thầy... ».

huỳnh phan anh

TENNESSEE WILLIAM

cánh đồng còi cút

Vào mùa xuân cuối cùng tại Viện Đại Học Tiểu Bang, Mary bắt gặp một trạng thái bất an mà nàng không thể nào hiểu nổi nguyên do tại sao. Đó không chỉ là trạng thái bất an phát sinh từ tuổi trẻ tràn đầy sinh lực. Có một cái gì đó hơi giống như chứng loạn thần kinh thì phải. Dường như không có một cái gì nàng làm mà nàng cảm thấy hài lòng hay thấy là trọn vẹn cả. Ngay cả khi nàng trở về phòng sau một buổi dạ vũ trong đó nàng đã khiêu vũ với hết người này lại với người khác suốt buổi tối, ấy thế mà khi về phòng nàng vẫn cảm thấy chưa sẵn sàng để lăn ra ngủ. Nàng cảm thấy như thể còn một cái gì đó thật xa xôi, phải có cái đó thì đêm vui mới trọn vẹn được. Đôi khi nàng chợt có cảm giác gần như kinh hoàng là đã để mất hay bỏ quên một vật gì quan trọng lắm thì nhai. Lúc đó, nàng chợt đứng khựng lại một lát, về đêm chiều, cố moi trí nhớ xem cái gì vừa vượt khỏi những ngón tay của nàng — hoặc nàng đã bỏ quên nó trên cái nệm xe lòng búng của người bạn cùng phòng với Kirk, hoặc có thể nàng đã bỏ nó đâu đó trên chiếc ghế trong căn phòng khách

ánh sáng mờ ảo thuộc Tổng Hội Sinh Viên, giữa các cuộc khiêu vũ rồi cũng nên.

« Cái gì vậy ? » Kirk hoặc một người nào đó có thể hỏi nàng như vậy và nàng chợt bật cười khá dữ dội.

« Không có gì cả. Tôi chỉ cảm thấy dường như tôi bỏ quên cái gì ! »

Cái cảm giác đó đeo đẳng nàng ngay cả khi nàng đã cố giải thích nó bằng mọi cách. Nàng vẫn cảm thấy như có một cái gì đó thiếu sót. Khi nàng đã trở về khu nội trú ồn ào, nàng đi từ phòng này sang phòng khác, trao đổi những mẫu giai thoại về buổi dạ vũ, cười rũ rượi hơn cả tinh chất hải hươc mà những mẫu giai thoại đó có thể có để làm nàng cười được. Và cuối cùng khi mọi người đã vào giường ngủ, nàng về phòng thao thức và đôi khi nàng bật khóc tức tưởi không hiểu vì sao, nàng phải cắn chặt lấy gối để ngăn tiếng nức nở lại không cho các bạn biết là nàng đang khóc — hoặc nàng ngồi bên cửa sổ trong bộ đồ ngủ, mắt nhìn về phía thành phố bên ngoài trường đại học bé nhỏ của tỉnh, với những tòa nhà, cây cối, đồng cỏ mênh mông một màu xanh đen dưới bầu trời đêm mùa xuân, mái nhà tròn của tòa hành chánh tỉnh trông xa giống như đỉnh núi tuyết phủ và những vì sao lớn và gần gũi lạ lùng — nàng cảm thấy như thể nàng bị ngộp đi trong một thứ cảm giác mà đặc tính và ý nghĩa của nó nàng không thể nào hiểu nổi.

Khi những nhóm người hát dạo ngà say, thao thức sau những buổi dạ vũ, dừng lại bên dưới cửa sổ phòng nàng, nàng bật đèn ngủ lên, và nghiêng mình qua cửa sổ, tay vỗ nhịp theo với bọn họ một cách vui vẻ. Khi họ đi khỏi, nàng vẫn ngồi lại bên cửa sổ, tắt đèn và ngóng ra ngoài trời, một nỗi buồn kỳ dị xâm chiếm lấy nàng khi nàng nghe tiếng hát khàn khàn của họ vọng lại từ những đại lộ có trăng giãi và cây viền hai bên đường cho đến khi nàng không còn nghe thấy tiếng họ nữa hoặc có khi tiếng họ bị át bởi tiếng rồ máy của một chiếc xe gần máy nào đó chẳng mấy lúc nổ đều trong một âm điệu êm êm trầm trầm nối tiếp bởi sự thâm lặng hoàn toàn của đêm khuya.

Vấn bất động bên khung cửa sổ, nàng chờ đợi trong sự nghẹn ngào một tiếng nức nở bật ra. Khi tiếng nức nở đó bật ra, nàng cảm thấy dễ chịu hơn. Khi không bật khóc được, nàng

thường thao thức trắng đêm rồi khi trời sáng, nỗi bất an tự nó tan biến.

Mùa xuân đó, nàng đính hôn với Kirk Abbot. Nhưng điều đó cũng chẳng thay đổi được gì cái thái độ sống của nàng. Nàng vẫn tiếp tục nhận lời mời đi chơi với những người bạn trai khác. Nàng gần như đi chơi thường xuyên mỗi khi được bất cứ ai mời mọc, và khi Kirk phản đối nàng cũng chẳng buồn cố gắng giải thích cho gã hiểu rằng chính cái cơn sốt đó đã thúc đẩy nàng hành động như vậy, nàng chỉ hôn gã cho đến khi gã thôi không hỏi nữa và sẵn sàng tha thứ tất cả những gì nàng có thể làm một cách có ý thức.

Từ hồi mới lớn, có lẽ sớm hơn thì phải, Myra có làm thơ. Nhưng mùa xuân này, việc đó trở thành một cuộc thực tập thường xuyên hơn. Mỗi khi cái cảm giác không thể giải thích được đó đến với nàng và trở nên căng thẳng quá đáng chịu đựng không nổi, nàng thấy thi ca giúp nàng được chút đỉnh để có thể tự diễn tả trên trang giấy. Chỉ một giòng thôi hoặc có thể hai, đôi khi cả một đoạn, nhảy múa trong trí nàng tựa như những tấm hình xuất hiện liên tục trên màn ảnh được chiếu sáng bằng một ngọn đèn thần. Vẻ đẹp của chúng làm nàng phải thẳng thốt đôi khi giây phút đó đến với nàng tựa hồ như lúc bị xâm chiếm bởi một kích thích có tính chất tôn giáo. Nàng đứng bất động ; hơi thở của nàng thoát ra thành một tiếng thở dài. Mỗi lần như vậy, nàng đều có cảm giác như thể nàng sắp sửa thâm nhập vào một thế giới tư tưởng mới của nhân loại. Nàng có cảm giác đang đứng trên bờ của một vùng rộng lớn bao la đầy bóng tối chẳng mấy chốc sẽ nở thành một thứ ánh sáng pha lê tuyệt vời, như một trái bóng trong tối rồi đột ngột được chiếu sáng rực rỡ bởi cả trăm ngọn đèn và những tấm gương phản chiếu cùng sàn nhà bóng lộn. Vào những lúc đó nàng thường tắt đèn ngủ và nhanh nhẹn đến bên cửa sổ. Khi tia nhìn của nàng phóng qua bên kia thành phố về đêm và mái nhà tròn trắng xóa một màu tuyết phủ để hướng về phía công trường, hay khi nàng ngồi yên lặng nghe những âm thanh trải dài trên những phố phường lặng lẽ, tiếng hát lê thê của bọn ca sĩ hoặc tiếng cười rộn rã của những cặp tình nhân ngồi trong

xe hơi, cái vẻ đẹp đó không còn làm nàng day dứt, và nàng cảm thấy một sự yên tĩnh huyền bí như thể một thắc mắc dằn vặt nào đã được giải quyết và cuộc đời trở thành một kinh nghiệm giản dị và thú vị hơn.

« Ngón ngữ là cái lưới để bắt lấy vẻ đẹp ! »

Nàng đã ghi chú câu đó vào cuốn sổ ghi chú khi buổi thuyết trình về đề tài sức mạnh của thuế má kết thúc. Lúc đó vào khoảng cuối tháng Tư — và kể từ đó dường như nàng hiểu nàng muốn gì, nỗi kinh hoàng đau đớn trong nàng cũng bớt dữ dội hẳn đi.

Trong Hội Thơ mà Myra có chân trong đó có một gã con trai tên là Homer Stallcup, là người đã yêu nàng từ một hay trên một năm gì đó. Nàng dám nói lên điều đó căn cứ vào cách gã nhìn nàng trong suốt thời gian họp mặt, và chỉ trong thời kỳ họp như vậy họ mới có cơ hội gặp nhau. Không bao giờ Homer nhìn thẳng vào mặt nàng cả, thường cái nhìn của gã chỉ lướt qua mặt nàng, nhưng có một cái gì đó trong cung cách hẳn, ngay cả khi hẳn ngồi co giò lại với một thân thể căng thẳng, khiến nàng cảm thấy là hẳn chú ý nhiều đến nàng. Thường gã tránh ngồi cạnh nàng, hoặc, ngay cả đối diện với nàng hẳn cũng tránh — trong các buổi họp mặt ghế được sắp thành vòng tròn — và cũng chính vì vậy mà thoát đầu nàng nghĩ là gã không ưa nàng, nhưng dần dà nàng hiểu cái tính cả thẹn đó của gã lại có một ý nghĩa trái ngược hẳn với điều nàng nghĩ.

Homer không có chân trong Tổng hội. Gã làm hầu bàn cho một quán ăn của Trường Đại Học, tự nhóm lấy lửa để sưởi và trang hoàng lấy phòng của mình. Trong nhóm bạn hữu mà Myra giao dịch, không có ai buồn đề ý đến gã cả và cũng chẳng ai quen biết gã hết. Gã hơi thấp, người lực lưỡng và đen. Myra nghĩ là gã cũng điển trai, cố nhiên không phải là lối điển trai thông thường như mọi người nghĩ. Gã có mắt đen đầy tính chất đam mê, sống mũi thẳng với hai cánh mũi phập phồng, cặp môi khả linh động đôi khi mím chặt một cách nóng nảy. Tất cả những

động tác gã làm đều có vẻ thái quá. Khi gã rời một cái ghế đứng dậy gã gần như làm đổ cái ghế đó. Khi gã bật lửa châm thuốc hút, khuôn mặt gã cau có để sợ và gã vung tay dụi que diêm như người cầm một quả pháo đã được châm ngòi trong tay vậy.

Gã thường đi chơi với một cô gái thuộc trình độ trí thức như gã, tên cô ta là Hertha cái gì đó không biết, cô ta khá nổi tiếng trong trường đại học vì những cử chỉ có vẻ kỳ cục của cô ta. Trong lớp học cô thường tỏ ra bị kích thích mạnh bởi một số đề tài, hoặc văn chương hoặc chánh trị, vào những lúc đó cô ta thường nói mau đến nỗi không ai hiểu cô ta muốn nói gì và cô ta vừa nói lúng túng vừa thở hổn hển trong khi làm những cử chỉ vụng về — như thể là cô ta đang cố gắng với tới một vật vô hình nào đó trong không khí — cho tới khi cả lớp học trở nên ồn ào náo động vì khoái chí và vị giảng viên phải quay vào bảng để che giấu một nụ cười.

Hertha và gã con trai này, Homer, tạo thành một cặp khá tức cười, cô ả cao hơn gã con trai tới một đầu, thường khi bước nhanh và ở trước gã đến mấy tấc, trong khi đó tay vẫn túm chặt lấy tay áo gã như thể cô ả sợ gã lùi trốn đi đâu mất không bằng, và cứ cách độ một phút hay gì đó, cả hai lại phá lên cười dữ dội đến nỗi một người đứng ở tận đầu phố cũng nghe thấy tiếng họ cười nữa.

Homer thường viết loại thơ khá phức tạp. Đó là một loại thơ không lấy gì làm bằng phẳng. Có đoạn thuộc loại hồi tưởng như thơ Hart Crane, có đoạn lại gần như rõ ràng đến độ ngây ngô như thơ Sara Teasdale. Song cũng có những giòng những câu làm người đọc phải sửng sốt vì tính chất tưởng tượng mãnh liệt và vì hình ảnh tươi mát của chúng.

Khi gã lên đọc thơ trong một buổi hội thảo về thơ, Hertha thường nhấp nha nhấp nhòm trên ghế ngồi như người bị điều khiển bởi một luồng điện, đôi mắt cạnh thị nhấp nháy của cô ả đảo quanh với một vẻ nóng nảy trên những khuôn mặt mỉm cười ngạo mạn của những hội viên ngồi bao xung quanh, thoát tiên cái nhìn đó có vẻ đối hỏi, rồi van nài với một sự khẩn khoản

quá đáng trong khi miệng cô ả lúu la lúu lo nói. Khi cô ả đã ngưng nói, chỉ có mình Myra lên tiếng nói một cái gì đó. Những người còn lại có vẻ quá thất vọng hoặc quá đứng đưng hoặc có khi quá ngạo mạn là đằng khác. Còn Homer thì vì quá ngượng, thường ngồi gục mặt suốt thời gian còn lại của buổi họp. Những ngón tay của gã gấp tới, gấp lui những trang giấy sạch sẽ như đề bôi xóa những bài thơ gã vừa đọc hoặc coi như gã chưa hề viết chúng làm như thể những tờ giấy trong tay gã chỉ là những tờ giấy trắng gã cầm nghịch chơi vậy thôi.

Thường Myra muốn nói thêm nữa, nhưng cái vốn liếng ngữ vựng phê bình của nàng lại ít ỏi quá.

« Tôi cho là bài thơ rất dễ thương, » nàng nói. Hoặc nàng có thể phát biểu như sau « Tôi thích bài thơ của anh lắm ». Và anh chàng Homer vẫn cứ tiếp tục cúi gằm mặt xuống, khuôn mặt của gã trở nên tối tăm hơn, và nàng đành cắn chặt môi lại như thể nàng ân hận vì đã nói ra một nhận xét có vẻ tàn nhẫn. Những lúc đó, nàng muốn đặt bàn tay mình lên trên những ngón tay của gã để làm cho chúng thôi đừng gấp tới gấp lui những trang giấy đẹp để kia nữa, để làm cho chúng bình tĩnh lại.

Mãi đến tận buổi họp cuối cùng trong năm, vào khoảng đầu tháng sáu, Myra mới có can đảm đến gần gã. Sau buổi họp hôm đó, Myra nhìn thấy gã đứng cạnh máy nước ở cuối hành lang. Nàng bước nhanh đến bên gã và bảo gã một hơi rằng thơ của gã là loại thơ chưa được xuất bản lần đầu tiên nàng được nghe và cho là hay nhất, rằng gã nên gửi bài đến một vài tờ báo văn nghệ nổi tiếng cậy đáng, rằng các hội viên khác trong hội quả đúng là những tên điên vì không hiểu gã.

Homer đứng hai tay nắm chặt trong túi quần. Gã không nhìn thẳng vào mặt nàng suốt thời gian nàng nói. Khi nàng ngừng nói, gã bỗng cảm thấy phấn khởi cùng độ. Gã xé một tờ trong tập bản thảo đang cầm nơi tay và dúi vào tay nàng.

« Xin cô đọc bài này giùm », gã khấn khoản « Và nhớ cho tôi biết ý kiến của cô ».

Họ cùng xuống cầu thang với nhau. Ở nấc thang cuối cùng gã bị trượt chân và nàng phải túm chặt lấy tay gã để gã khỏi ngã. Nàng vừa xúc động lẫn thích thú vì sự vụng về và vì vẻ hãnh diện ra mặt của gã khi gã được đi cạnh nàng. Khi họ rời khỏi tòa nhà bằng đá trắng, vàng mặt trời chiều, vàng như vỏ trái chanh, chiếu trên khuôn mặt họ một hơi ấm chan hòa. Không gian tràn ngập với tiếng chuông điểm năm giờ ba mươi và tiếng gù gù của đàn bồ câu. Một chiếc lông trắng rơi ra từ một trong những cánh chim vỗ mạnh bay là là và đậu nhẹ trên tóc Myra. Homer nhất sơi lông chim dính trên tóc nàng và gãi vào gãi bằng mũ gã, và sau khi chia tay với gã rồi, suốt dọc con đường về nhà, Myra còn cảm thấy những ngón tay gã đụng thật nhanh và nhẹ trên tóc nàng. Nàng thầm hỏi không biết gã có giữ chiếc lông chim bồ câu đó lại ; coi nó như một bảo vật, có thể như vậy, trong một thời gian khá lâu sau đó vì chiếc lông chim đó đã đụng đến thân thể nàng.

Đêm hôm đó, khi cả khu nhà trọ chìm lịm trong bóng tối, nàng đem tờ bản thảo ra và đọc một hơi không nghỉ. Trong khi nàng đọc, nàng bắt gặp một niềm hứng khởi. Nàng không hiểu lắm về cái mà nàng đang đọc, nhưng có một thứ hiệu lực mỗi lúc một lớn rộng, một tăng trưởng. Sau khi nàng đã đọc xong bài thơ, nàng bắt gặp mình run rẩy : run rẩy như một người vừa từ trong nước ấm bước ra ngoài không khí giá buốt.

Nàng mặc quần áo vào và đi xuống lầu. Nàng không biết nàng định làm cái gì. Hành động của nàng không có một định hướng nào rõ rệt cả. Và tuy nhiên nàng cũng thấy là chưa bao giờ nàng cử động với một sự chắc chắn như bây giờ.

Nàng mở cửa chính của ngôi nhà trọ, chạy xuống lối đi lát gạch, quẹo sang trái và tiếp tục rảo bước qua những con phố trắng giãi cho đến khi đến chỗ ở của Homer. Chợt bắt gặp

minh tại nơi đó, nàng bỗng thảng thốt. Có tiếng ve sầu kêu vọng xuống từ những cây sồi xum xuê cành lá — nàng không để ý nghe, mãi cho đến lúc nàng chợt thảng thốt. Và khi nàng ngược nhìn trời nàng thấy một chùm sao ở trên mái nhà phía tây. Chùm sao Bầy Chị Em. Chúng đứng sát vào nhau như những nàng trinh nữ đi dạo trong cánh rừng đêm tối. Nàng lắng nghe: không một giọng nói, không một tiếng động trừ giọng hát của con ve sầu và tiếng sột soạt thật nhỏ, thật thầm thì của chiếc váy nàng mặc phát ra mỗi khi nàng bước đi.

Nàng rảo bước về phía hông tòa nhà đến bên khung cửa nàng vẫn trông thấy Homer đi ra mỗi buổi sáng. Nàng gõ lên cánh cửa hai tiếng ngắn và rõ, rồi đứng nép bên bức tường bằng gạch. Hơi thở nàng dồn dập. Sau một lúc chờ đợi nàng mở cửa một lần nữa. Xuyên qua khung kính nàng có thể nhìn thấy những nấc thang dẫn xuống tầng hầm của tòa nhà. Cánh cửa của một căn phòng có đèn thấp bên trong bật mở. Thoạt đầu nàng nhìn thấy một bóng đen di chuyển, rồi chính gã vừa khoác chiếc áo ngủ màu nâu lên người vừa cau mày nhìn ra cửa khi gã bước lên cầu thang.

Khi cánh cửa mở nàng gọi tên gã trong hơi thở hỗn hển.

Dường như có đến một phút gã không nói năng gì cả. Rồi gã nắm lấy cánh tay nàng và kéo vào phív trong nhà.

« Myra, thì ra cô ».

« Vâng, tôi đây », nàng cười thành tiếng. « Tôi không biết cái gì đã đến trong tôi. Tôi đang đọc bài thơ của anh, và tôi chợt cảm thấy phải gặp anh ngay và nói với anh... »

Hơi thở của nàng đứt quãng. Nàng đứng dựa lưng vào cánh cửa khép kín. Lần này chính cặp mắt của nàng, không phải của gã, tìm cách lẫn trốn. Nàng nhìn xuống phía dưới của chiếc áo ngủ màu nâu xấu xí của gã và trông thấy đôi bàn chân không mang dép thô kệch, xương xẩu và trắng trẻo của gã, và nàng chợt sợ hãi. Nàng nhớ lại đôi mắt nhìn đam mê cuồng nhiệt của gã khi nhìn phớt qua khuôn mặt và toàn thân nàng và cái cách gã run rẩy buổi trưa hôm nào khi nàng đến gặp gã ở hành lang phòng Hội, và cái cung cách của gã khi những

bàn chân thô kệch kia trượt trên nấc thang chót và nàng đã phấp phấp nắm chặt lấy cánh tay gã để gã khỏi bị ngã.

« Có một điều đặc biệt », nàng tiếp tục với một sự tranh đấu rõ rệt. « Có một cái gì đó về cánh đồng của loài hoa cô cút... »
« À, vâng », gã thì thào. « Bọn trẻ cô cút, cô định nói như vậy ! »

« Đúng, đúng thế đó ! » Bây giờ nàng ngược nhìn lên, với nhiệt thành.

« Xuống phòng tôi đi, Myra ».

« Không được đâu ! »

« Không được à ? »

« Không, tự nhiên rồi ! Vì nếu có ai bắt gặp tôi... »

« Làm sao họ biết được ! »

« Tôi sẽ bị đuổi mất ! »

Im lặng một lát.

« Cô đợi tôi một phút vậy ! »

Gã chạy xuống thang được ba bậc lại quay lại.

« Cô đợi tôi chỉ một phút thôi, nghe Myra ! »

Nàng cảm thấy mình gật đầu. Nàng nghe tiếng chân gã chạy xuống những bậc thang còn lại và vào trong căn phòng nơi gã sống. Xuyên qua khung cửa nàng nhìn thấy bóng gã di động xung quanh sàn nhà và những bức tường. Gã đang thay quần áo. Một lần khi gã đứng trong phòng ngủ, qua khung cửa hé mở một nửa, nàng thấy gã mình trần đứng đó, nàng chợt giật mình và xúc động một mình trước bộ ngực và đôi cánh tay đầy đặn chắc nịch nổi bật với những khoảng sáng tối tạo nên bởi ngọn đèn trong phòng gã. Chính vào lúc đó, cái ý thức về thân thể gã con trai đến trong đầu thiếu nữ, cái ý thức mà từ ngày nàng biết có sự hiện diện của gã đến nay chưa hề đến trong nàng. Một cái ý thức về một thực tại sinh lý rất mãnh liệt, mãnh liệt hơn cả cái ý thức của nàng về thân thể Kirk Abbot hay về bất cứ gã bạn trai nào mà nàng đi chơi trong khu đại học.

Một phút sau, gã bước ra khỏi phòng và đóng cửa phòng lại, rồi lặng lẽ bước lên cầu thang dẫn đến chỗ nàng đang đứng.

« Tôi xin lỗi đã để cô đợi lâu ».

« Không lâu gì đâu ».

Gã nắm lấy cánh tay nàng và họ đi ra khỏi tòa nhà, vòng ra phía mặt tiền của tòa nhà. Cây sồi ở bãi cỏ phía mặt tiền hiện ra sừng sững. Mọi vật đều rõ rệt và tuyệt vời; ngay cả lối đi rải sỏi dưới đôi giày màu trắng của họ. Nàng chờ xem những cái đầu tròn như trái bóng và hàng hoàng lộ ra khỏi những khung cửa sổ trên lầu, những tiếng gọi rit lên như còi báo động, và tên nàng bị réo lên từ các mái nhà, sự vội vã của đám đông đuổi theo phía sau họ...

« Minh đi đâu đây ? » nàng lên tiếng hỏi khi gã đưa nàng đi về phía nam dọc theo bức tường gạch.

« Tôi muốn chỉ cô xem cánh đồng trong bài thơ ».

Cánh đồng đó không xa là bao. Chẳng mấy lúc họ đến nơi và chân họ cảm thấy hơi mát như nhung của đất. Ánh trăng ướt át chiếu xuyên qua những chiếc lá nhọn hoắt rậm rạp của cây sồi: con đường nhộp nhúa trông cũng tựa như một lạch nước đang chảy với những khoảng sáng, tối lẫn lộn. Họ đến bên một hàng rào thấp bằng gỗ. Gã con trai nhảy qua hàng rào đó. Rồi gã đưa hai cánh tay ra. Nàng bước lên thanh gỗ dài nằm ngang trên cùng bức rào và gã đỡ nàng xuống. Khi họ đã ở bên kia hàng rào, tay gã vẫn không rời tay nàng, không những thế gã còn nắm chặt tay nàng hơn.

« Đó » gã bảo nàng « cánh đồng của những đứa trẻ côi cút ».

Nàng nhìn qua bờ vai màu tối sẫm của gã. Quả như lời gã nói. Cả cánh đồng bao phủ bởi những bông hoa màu xanh lam đang cười cợt ngả nghiêng. Một ngọn gió lùa qua những bông hoa đó tạo thành những đợt sóng màu xanh nhạt, tung lên không gian một tiếng rì rào êm nhẹ nghe tựa như tiếng reo liên tục của lũ trẻ đang chơi đùa vang lại từ xa.

Nàng nghĩ đến chỗ ngồi bên khung cửa sổ trong phòng ngủ về đêm của nàng, đến những đêm nào nàng đã khóc cay đắng không biết vì sao, đến mái nhà tròn của tòa hành chánh trông xa như một cái đỉnh núi trắng và những lớp sóng di động của những cánh cây dưới ánh trăng, đến sự thâm lặng và những giọng hát thê thiết vọng lại từ những khu phố dưới xa, tất cả đến trong nàng thật gần gũi, những điệp khúc êm dịu điên cuồng, và hương của một loài hoa trắng nở về đêm, và những vì sao sáng như

những ngọn đèn thấp trên nền trời đêm có mây giăng giăng, và nàng nhớ lại cái cảm xúc quái gở mà nàng không hiểu được với nỗi kinh hoàng về tất cả những sự kiện trên sẽ đi đến cái kết luận bất ngờ cuối cùng trong ít tháng hay ít tuần nữa. Nàng quàng tay ôm chặt lấy vai gã con trai. Gã gần như là một kẻ lạ đối với nàng. Nàng biết là nàng đã không hề quan tâm đến gã một mảy may cho đến đêm hôm nay, thế mà bây giờ gã trở nên gần gũi với nàng một cách không diễn tả nổi, gần gũi hơn bất cứ người nào mà nàng đã từng quen biết trước đây.

Gã đưa nàng đến cánh đồng nơi đó những bông hoa mọc thành những gợn sóng màu xanh nhạt vờn nơi đầu gối nàng và nàng cảm thấy những cánh hoa êm dịu mơn man trên da thịt trần của nàng, nàng ngả người nằm xuống trên những gợn sóng êm ái đó, đôi cánh tay dang rộng, môi hôn lên những cánh hoa và nàng cảm thấy chúng vây quanh nàng, chấp nhận nàng và âu yếm vuốt ve, nàng thấy ngây ngất vô cùng. Gã con trai quý xuống bên nàng và những ngón tay của gã vờn nhẹ trên má rồi trên môi và tóc nàng. Họ cùng quý đối diện nhau giữa những đóa hoa màu xanh. Gã mỉm cười. Gió thổi tóc nàng quện vào mặt gã. Gã đưa hai tay lên vuốt mớ tóc nàng ra sau và khi gã làm như vậy đôi bàn tay gã trườn xuống trên mái tóc sau gáy nàng rồi khép chặt lại nơi đó và gã kéo mặt nàng lại sát mặt gã cho đến khi môi nàng siết chặt môi gã, thật chặt, đến lúc rằng nàng cắn chặt vành môi trên của nàng và nàng cảm thấy vị mặn của máu. Nàng thở ra, miệng vẫn hé mở, và rồi nàng lại nằm xuống giữa những bông hoa đồng nội màu xanh đang thì thầm trong gió.

Sau đó nàng đủ cảm thấy rằng điều đó không thể được. Nàng gửi trả lại gã con trai những bài thơ kèm theo một tờ giấy với vài hàng chữ có giọng thiếu tự nhiên và nặng phần hình thức, có lẽ bởi nàng sợ hãi chính nàng một cách khủng khiếp khi nàng viết những giọng đó. Nàng nói với gã về Kirk Abbot, người mà nàng sẽ kết hôn vào mùa hè năm đó và nàng giải thích với Homer

rằng họ không thể cố gắng và tiếp tục đi tìm cái vật đẹp đẽ nhưng đầy bất hạnh mà họ đã gặp được trong cái đêm hôm đó ngoài cánh đồng.

Nàng chỉ gặp gã lại có một lần sau đó. Nàng thấy gã đi dạo trong khu đại học với cô bạn gái Hertha, cô ả cao lòng không và gầy như ống sậy với cặp kính cận thị dày cộm. Hertha bám chặt vào cánh tay Homer và cười rũ rượi như muốn thét lên; cái tiếng cười mà một người đứng tận cuối phố có thể nghe thấy và đầu vậy nó vẫn không có vẻ là một tiếng cười thực sự.

Myra và Kirk kết hôn vào tháng Tám năm đó. Kirk được nhận vào làm trong một sở Vô tuyến điện thoại ở Popular Falls và họ cùng sống trong một căn nhà đầy đủ tiện nghi, xem ra họ có vẻ hạnh phúc. Myra không còn cảm thấy băn khoăn. Nàng ngưng làm thơ. Cuộc sống của nàng dường như đầy đủ hoàn toàn dù cho không có thi ca. Đôi khi nàng tự hỏi không biết Homer còn tiếp tục làm thơ, song vì nàng cũng chẳng bao giờ thấy thơ của Homer xuất hiện trên các tạp chí văn nghệ nên nàng nghĩ chắc gã cũng chẳng làm thêm được nhiều bài thơ khác.

Một buổi chiều khoảng cuối mùa xuân sau khi họ lấy nhau ít năm, Kirk Abbot trở về nhà sau một ngày làm việc mệt nhọc, anh thấy đói cồn cào và anh bắt gặp một tờ giấy viết nguệch ngoạc đặt bên dưới cái bát đựng đường trên chiếc bàn ăn gấp lại.

« Em lái xe đến Carsville, vắng nhà độ vài giờ. Myra ».

Trời khuya : một đêm trăng êm dịu.

Myra lái xe về phía nam thành phố cho đến khi nàng đến cánh đồng bỏ trống. Nàng đậu xe ở đó và chèo qua hàng rào thấp bằng gỗ. Cánh đồng giống y hệt như trong ký ức. Nàng vội bước vào giữa đám hoa; và đột nhiên nàng quý phục xuống đó bậc khóc nức nở. Nàng khóc một lúc lâu, có đến gần một tiếng đồng hồ, rồi nàng đứng dậy và cẩn thận phủi đất bám vào váy và tất của nàng. Bây giờ nàng cảm thấy hoàn toàn bình tĩnh và một lần

nữa nàng lấy lại được sự tự chủ. Nàng trở lại xe. Nàng hiểu rằng sẽ không bao giờ nữa nàng có thể làm lại một việc lỗi bịch như vậy, vì giờ đây nàng đã bỏ lại phía sau cái tuổi trẻ khắc khoải của mình.

tennessee william

(nguyên tác: The Field of Blue Children)

TRÙNG DƯƠNG dịch

BÌNH NGUYÊN LỘC

vô mỗi bực

Cộng đồng cạp đã thức dậy hồi 7 giờ đêm. Đó là một đêm sáng trăng.

Những con cạp già thì vùn vai ngáp vặt, những con cạp đứng tuổi, đập đuôi để nhảy chơi hầu phóng thích sinh lực dồi dào của chúng, chưa tới lúc phải dùng, nhưng sinh lực ấy cứ muốn nở bung lên, khiến chúng khó chịu.

Cạp con chỉ nhảy lẩn xẩn, bắt chước người lớn cho vui, với lại để tự luyện khả năng tranh sống về sau.

Chim từ qui rình đầu đó, bấy giờ đáp xuống trên đầu cạp như trọc thăng đồ quân.

Đó là một sự hợp tác êm đẹp giữa kẻ mạnh nhứt và kẻ yếu nhứt, vì từ qui thích ăn thịt thú ở kẻ răng cạp, còn cạp thì cũng thích được có kẻ xia răng cho. Bữa ăn đêm rồi còn để lại những mảnh thịt nơi răng cạp, đã bắt đầu nặng mùi mà chim từ qui rất khoái.

Vài con cạp già nằm xuống, há miệng ra để được các nha y sĩ có cánh ấy săn sóc cho. Rồi thì những con cạp trẻ cũng noi gương cạp già, và tất cả bầy chim từ qui này đều được dự đại yến thịt thú.

Thượng cầm, hạ thú sống chung hòa bình, một bước không

rời nhau, hề cạp xê dịch tới đâu là từ qui bay theo tới đó, không hề có ngoại lệ.

Ngoài kia là một trăng tranh non morn, trải ra như một cái hồ lớn minh mong. Mặt hồ gợn sóng lăn tăn dưới một làn gió nhẹ và hươu, nai, mang, mền, đã bắt đầu ra đó thưởng thức tranh mềm và ngọt.

Cuộc sống đêm nay, cũng như các đêm khác, cứ đều đều như vậy, và lâu lắm, mới có biến một lần, nhưng thường thì chúa đầu đàn đã hay biết trước mọi khó khăn, để đưa đàn thoát hiểm.

Cạp đầu đàn, tên là Lão Thẹo. Đó là cái tục danh mà lão hãnh diện mang vào người lão. Nói rằng thỉnh thoảng mới có biến, nhưng lão đã sống sáu mươi năm rồi, đã gặp hằng trăm biến cuộc, đã bị thương đủ cách, súng đạn, tên thuốc, lao, hàm chông, bẫy bặt, thành thử bao nhiêu thẹo là bấy nhiêu huân chương, mỗi một lần bị thương là lão giàu kinh nghiệm, và lão đủ khả năng hơn ai cả để làm chúa đầu đàn.

Lão Thẹo để cho các nha y sĩ chữa răng, nhưng không khoái trá lim dim mắt như bao nhiêu cạp khác. Tất cả mọi giác quan của lão đều làm việc một cách tích cực vì lão chịu trách nhiệm cho hơn năm mươi sinh mạng trong đàn.

Cạp không sống theo chế độ đại gia đình như voi hai con min. Người ta thường gặp những đàn voi bốn mươi con, những đàn min một trăm con, nhưng cạp thì luôn luôn chỉ có hai vợ chồng và vài đứa con đại. Những đứa con đại này vừa lớn lên là tách khỏi đàn để biệt lập.

Đặc biệt đàn của lão Thẹo đông tới nửa trăm là vì một lý do khách quan ngoài ý muốn của đàn. Số là kẻ thù truyền kiếp của đàn là lũ thú vật hai chân, không biết lũ nó làm gì mà từ nhiều năm nay, lũ nó cứ xâm nhập rừng sâu, mà đi đông hằng ngàn người, với những món dùng để tấn công mà cạp rất là không ưa. Đó là những cây dài tung ra những cái gì quá nhỏ, không thấy được nhưng những cái nho nhỏ ấy mà vào da thịt cạp thì phiền lắm.

Những chú cạp vừa tới tuổi quân dịch, tách khỏi đàn chừng tới hai ba hôm, thì phải chạy bán sống bán chết, và gặp lại nhau

trên bước đường bốn tầu đó, hợp thành những đàn nhỏ, rồi rồi cuộc gặp lại đàn gốc tổ, tất cả đều bị lừa đi, chỉ còn một hương thoát thân mỗi lần bốn hai chơn lộn xộn xông xáo vào rừng, thành thử dầu muốn dầu không, chúng vẫn phải chịu đựng hình thức đại gia đình.

Lão Thợ nghe ngóng rất khổ sở. Tai lão đã kém lắm rồi, y như mắt, như mũi và các bắp thịt của lão.

Kẻ thù hai chơn lại còn một loại khác nữa, rất đáng sợ, đó là loại đi một mình hoặc hai mình, chớ không đi đông hàng trăm, hàng ngàn người. Bọn đi đông, có vẻ như bắt kẻ đến cộp, chỉ tại cộp sợ họ mà phải trốn vậy thôi. Chỉ như bọn đi một mình hoặc hai mình thì rất nguy hiểm. Chúng nó đi tìm cộp thật sự, không còn ngờ gì nữa, bởi chúng nó chẳng thèm bắn hươu, bắn nai gì hết, mà cứ nhè cộp mà bắn rập hoai.

Nếu được chết ngay khi những món nhỏ nhỏ ấy chui vào da thịt thì đỡ khổ biết bao nhiêu. Đàng này không. Thường thì những thứ ấy đâm thủng vai, thủng đùi, thủng bụng, đau đớn năm bảy ngày mà cũng chẳng được nằm nghỉ ở xó nào đó cho yên tâm thân rồi có chết cũng được.

Kẻ thù hai chơn theo dấu máu để săn đuổi những con cộp bị thương, trốn đi đâu cũng chẳng thoát, thành thử có đau đớn bao nhiêu, vẫn phải chạy đi hoai.

Kẻ thù ấy lại có tài như cộp, là bước đi không gây tiếng động, phải thính tai lắm mới phát giác được lũ nó. Còn đánh hơi lũ nó thì đừng có hòng vì lũ nó luôn luôn đi dưới gió.

Lão Thợ không phải nỗ lực chỉ vì tinh thần trách nhiệm, mà vì lý do khác nữa. Lão đã kém lắm rồi, và có một bọn trong đàn chúng nó lăm le lật tẩy lão để lên thay thế.

Làm chúa đàn rất sướng. Trong chuyến săn nào, con mồi đầu tiên cũng phải để dành cho chúa, chúa xơi không hết, chừng ấy sẽ hay. Nếu gặp một bầy hươu đông ba bốn mươi con, chúa cũng được quyền vỗ trước để mà chọn lựa con béo tốt nhất.

Nếu vì cái vỗ đó mà bao nhiêu con khác chạy vượt được hết thì cả đàn cũng đành chịu vậy, chớ không phải để gặp mồi là mạnh

chủ nào nẩy tranh ra tay trước, mặc dầu con mồi ấy có gần tầm tay đưa nào, cũng mặc kệ.

Làm chúa sướng mà cũng khổ, bởi nếu chúa tỏ ra kém khả năng không thể chối cãi thì không phải chỉ bị hạ tầng công tác, hoặc bị cho về hưu, mà bị trừng trị kinh khiếp lắm. Chúa Lão Thợ phải nỗ lực ghê hờn là vì vậy.

Trong thế giới tranh sống khốc liệt này không có vấn đề tha thứ. Hề kém là chết, không chết vì kẻ thù, cũng chết dưới tay đồng loại, khác hẳn với loài ăn cỏ, chúng nó được tự giải nhiệm khi thấy mình sa sút. Chẳng hạn như loài voi. Những con voi già có những cặp ngà cong như trăng lưỡi liềm, những con đầu đàn ấy có quyền rời đoàn thể, tìm một xó hẻo lánh thật hiem trở về an nghỉ năm bảy tháng một năm rồi theo ông theo bà.

Chính vì những nơi ăn náu ấy quá hiem trở nên loài hai chơn không bao giờ bắt gặp ngà voi già thật tốt cả, vì nghĩa địa voi là những nơi mà lũ hai chơn không vào được. Muốn có ngà, phải hạ sát voi đang sống trong đàn, mà như vậy, chúng nó chỉ lấy được những cặp ngà chưa thật đúng tuổi.

Lão Thợ đưa đàn tới bờ trắng tranh ở hướng dưới gió để cho hươu nai không đánh hơi được, hầu chúng nó bạo dạn túa ra để xơi tranh non.

Lũ nai chơn cũng quí quái tinh ma không kém. Lũ nó biết nơi nào có tranh là có hươu mà hề có hươu là có cộp, mà lũ nó lại ở dưới gió của cộp nữa.

Vì thế mà Lão Thợ chưa ra lệnh săn một là đợi mồi ra trắng cho đông đủ, hầu kẻ nào trong đàn cũng có ăn hết, hai là phải chắc ý rằng dưới gió không có kẻ thù.

Kẻ thù chỉ bắn khi nào cộp đập đuôi nhảy lên khỏi ngọn tranh để phóng tới vỗ mồi, chớ cộp mà còn nằm đó thì lũ nó chưa ra tay, vì không chắc ăn, mà hết bắn hụt là lũ nó cũng chết. Ở đây không có vấn đề tha thứ kia mà!

Trắng đã lên cao, hươu nai đã chạy nhảy đầy trắng cũng dưới quyền chỉ đạo của một con đầu đàn, con này tự hy sinh, đi xuống dưới gió của đàn, tức tìm cách đứng giữa giữa cộp — nếu có cộp — và đàn, để kịp lúc báo động, vì tuy cộp ở dưới gió của nó, nó cũng đánh hơi được, nhờ gần gũi.

Bống Lão Thọ đâm lo. Lão ta đếm những nhánh của bộ sừng của con nai đầu đàn ấy thì đếm được tuổi của nó. Cũng như lão, ngực nó đeo đầy bảo quốc huân chương, vì thành tích lãnh đạo, và bụng nó chứa đầy những pho kinh nghiệm thoát thân.

Kể được quyền vồ mỗi trước chính là lão Min muốn vồ thì phải vồ con nai đầu đàn này. Nhưng hôm nay lão lại nghe mệt mỏi trong người quá. Nó chưa đánh hơi được cộp tức là khoảng cách giữa cộp và nó khá xa. Liệu lão đủ sức phóng một cái là rơi xuống lưng nó hay không?

Nếu không, rất khó lòng mà săn đuổi nó, vì thiên nhiên cũng đã ban cho nó một thứ khi giới tự vệ rất nhiệm màu, đó là cái tài chạy mau. Nó chạy với những bước ngắn, nhưng với một tốc độ kinh khủng, còn mỗi cái phóng tới của cộp tuy là rất dài, nhưng phải cái tội là rơi xuống đất, sau mỗi cái phóng như vậy thì lại phải chuẩn bị để phóng lần sau, rất tốn thì giờ.

Trong khi đó thì cả đàn sống bằng tranh bằng cổ đã phân tán mỏng đi hết và đêm nay, xã hội cộp phải đói.

Lão Thọ bò tới, nhẹ như một con trăn. Cả đàn nới đuôi theo lão.

Không có lấy một cộp tranh bị đụng đây. Tài thật! Bằng không cũng như là gọi con nai đầu đàn để mà nói to lên: « Lạy ông tôi ở bụi này! ».

Lão Thọ trườn tới, y hệt như con mèo rình chuột. Cộp chỉ là một thứ mèo to mà thôi. Nhiều dân tộc trên Cao Nguyên gọi cộp là mèo là vì thế.

Lão tính toán rất khít nút. Cốt là tới cho thật gần, gần chừng nào tốt chừng nấy, nhưng cái sự gần gũi ấy phải không đi đôi với sự lẹ hơi. Và kinh nghiệm đã dạy lão giải lý bài toán ấy không sai lý nào cả.

Chỉ phiền là khoảng cách vừa phải ấy lại quá xa đối với kẻ sức lực đã suy tàn.

Tuy nhiên lão cũng cứ hành động y như không có trở ngại nào, mặc dầu bụng lão hơi lo.

Lão đứng lên từ từ, vẩy đuôi rồi lại hạ mõng xuống để đập đuôi lên đất rồi tất cả bao nhiêu lò xo thép chôn giấu trong các bắp thịt của lão đều làm việc cùng lúc với nhau, búng lão tới đằng trước.

Đàn cộp đứng tuổi cũng làm y như lão, chỉ trẻ hơn có mấy giây đồng hồ.

Khối thịt già ăn thịt rơi không tới đích. Hai chơn trước của lão Thọ chỉ chụp được cuối mõng của con nai có cặp sừng tua tua những chà chơm, dấu hiệu của tháng năm và kinh nghiệm.

Móng vấu của lão Thọ quả có làm cho nai lão bị thương, nhưng nó vượt đi quá dễ dàng. Nó « tác » lên một tiếng báo động rồi nhảy nai, tức nhảy nhanh như mũi tên. Cả đàn nai tơ cũng hành động y theo chúa đầu đàn và cả đàn cộp tơ cũng hụp mỗi y như lão Thọ.

Trăng tranh nổi sóng ba đào. Cái biển cỏ cao ấy như bị một cơn bão đi qua.

Rồi thì lặng trang.

Lão Thọ đứng đó mà ngẩn ngơ trước giờ lên đoạn đầu đài.

Đêm nay trăng đẹp lắm. Ánh sáng tràn ngập không gian và đời vẫn tươi. Lão Thọ còn mê sống, và nao nao buồn mà thấy cái chết của lão đang lù lù tiến đến.

Bốn anh cộp đực đứng tuổi, đứng mảnh hơn hết trong đàn vẩy lẩy lão, lặng thinh giây lâu rồi một con lên tiếng:

— Đàn ta hãy nghe đây! Chúa đầu đàn đã hết khả năng rồi. Bằng chứng đã sờ sờ ra đó, có ai muốn bầu chữa cho lão già này hay không?

Mụ Thọ đã qui tiên cách đây ba năm, dưới một viên đạn của kẻ thù hai chơn.

Nhưng vẫn còn những con cộp cái đã khâm phục chúa đầu đàn, nên một con lên tiếng:

— Có ai không bao giờ thất bại hay không?

Một con cộp trong tứ trụ trào đĩnh cười khè rồi đáp:

— Không! Ai cũng phải thất bại cả, ít lắm là một lần trong đời. Nhưng thất bại là phải lùi bước. Kể lãnh đạo có quyền uy tuyệt đối nên không thể tại vị, chính vì quyền uy không còn đi đôi với tài năng nữa thì nguy hại cho đoàn thể.

Một mụ cộp cái chưa lên lão nhưng cũng đã hết trẻ, cổ lẩy bết can đảm mà đề nghị:

— Đồng ý. Nhưng cho xin hủy bỏ luật xưa đề chúa được rút nào một xó kẹt nào đó, an dưỡng tuổi già rồi nhắm mắt trong cảnh cô đơn.

— Không thể được. Luật được đặt ra, có lý do, còn sự hủy bỏ thì lại không?

— Sao lại không?

— Vì quyền uy là cái mà mọi cá nhân đều ham, ham hơn là ham nữ sắc, hơn là ham mồi ngon. Kẻ bị hạ bệ mà còn sống, là y sẽ tìm cách cướp lại quyền uy.

Tất cả cọp cái đều khóc hu hu, vì phụ nữ nhiều tình cảm lắm.

Lão Thọ bấy giờ mới lên tiếng:

— Ta biết thế nào cũng sẽ có ngày nay. Chính thuở trai trẻ ta cũng ở trong nhóm xử án một chúa đầu đàn vô mồi huyệt và cũng thấy rằng hần nguy hiểm nếu hần còn được đề cho sống. Các anh có lý.

Nếu quyền uy tập thể mà ta là đại diện thì đề ta dưỡng già, không sao cả. Nhưng đây là quyền uy cá nhân. Ta sẽ có khuynh hướng không tốt... cho các anh. Ta chấp nhận số phận.

— Còn ai có gì đề nói nữa hay không? Một con cọp trong tứ trụ lại hỏi.

Im lặng hoàn toàn.

Hần đợi một phút đồng hồ rồi lại lên tiếng:

— Chúng tôi phan thanh chúa không vì cảm hờn, ghét giận, nhưng mà phải làm thế, không sao khác hơn được. Chúa có trở trần chăng?

— Ta tưởng là không? Nhưng nếu luật rừng khác đi thì hơn.

— Khác đi là thế nào?

— Là bầu bán. Như vậy quyền uy chỉ về tay một đại diện, hần không quá rộng quyền và không đáng sợ. Khi hần không đáng sợ thì khỏi phải phan thanh hần.

— À, cái việc bầu bán đó nhiều khê lắm. Cứ tranh nhau mà lên, thế mới có chúa thật giỏi. Thằng đực cử có thể đực cử vì mảnh khỏe chớ không vì thực tài. Thằng tranh giành mà thấy được mới là thằng có thực tài.

Lão Thọ gật gù:

— Hình như là các anh có lý. Vậy các anh làm ngay đi và xin cho nhanh chóng, đề ta không phải chịu đau đòn lâu.

Anh cọp đặt vấn đề, kêu gọi đàn:

— Chúa đã tỏ ra không tham quyền cố vị thì ta nên thỏa mãn ước vọng cuối cùng của chúa. Nào, ta làm mạnh tay và nhanh lên nê.

Hần nói rồi nhảy tới móc họng chúa đầu đàn tức thì. Bao nhiêu cọp mạnh đều ra tay, kẻ xé bụng, người cắn đứt ngang đuôi của chúa.

Chúa chỉ rống lên có một tiếng lúc bị móc họng, cái tiếng kêu đau ấy vang rền ra khắp bốn phương trời khiến thế giới rừng sâu đều kinh tâm táng đởm. Rồi, thì lại lặng trang trong mười phút mà người ta xoi chúa cho đỡ dạ.

Nhưng lặng trang chỉ là một cách nói thôi vì tiếng gầm gừ lại nổi lên trong đàn, ngay giữa bữa tiệc. Tứ trụ triều đình tranh quyền kế vị chúa trong lúc này. Kẻ nào được hưởng bộ đồ lòng là kẻ ấy sẽ lên thay chúa lãnh đạo đàn.

Ban đầu chỉ gầm gừ thôi, rồi xô lấn, rồi xô xát. Rồi một trận chiến xảy ra vô cùng ác liệt giữa bốn nhân vật trọng yếu này. Tại sao trời sanh Tào Tháo lại còn sanh Gia Cát Lượng? Vậy không thể sống chung. Hễ còn mày thì không còn tao và ngược lại.

Đây là một cuộc chiến đấu không phải chỉ để chiếm quyền mà để sống còn.

Chúa đầu đàn tương lai sẽ không vững địa vị nếu cạnh chúa có đến ba kẻ có tài.

Rừng sâu rung chuyển vì những tiếng gầm thét làm hải hùng thượng cảm hạ thú. Trảng tranh bị cày nát như một đơn vị thiết giáp vừa đi qua đó.

Cả bốn đều đồng sức nhau, và mỗi con ứng cử viên phải cố hạ đến ba ứng cử viên khác, nên con nào cũng nỗ lực vượt bậc thành thử cho đến cọp mà cũng phải nổi da gà, dang xa ra hết.

Cuộc đào thải tự nhiên diễn ra ở đây một cách điển hình như trong những xã hội sống theo luật của sức mạnh bắp thịt.

Con cọp bị hạ trước nhưt chắc chắn là con cọp yếu kém

hơn hết, và con cọp sống sót một mình trong bốn tay lâm chiến là con cọp đầy đủ khả năng hơn hết.

Xã hội loài người giả dối là thế, vậy mà họ còn tranh gia tài ngay khi chiếc hòm sáng của người gia trưởng còn được quảng tại nhà. Xã hội này không có ước lệ, không biết che giấu bản năng thì xác chúa cũ chưa mất bao nhiêu thịt, cuộc giành quyền đã dữ dội, ráo riết rồi.

Không bầu bán là phải có tranh quyền theo luật rừng. Mà tranh quyền theo luật rừng thì phải có thanh trừng. Thanh trừng nào lại không đầm máu.

Cũng may là chúa rất biết điều, tự phê bình kiểm thảo mình, chớ không, họ cũng tìm được tội của chúa để rồi lên án chúa.

Cái pha lên án đó không có xảy ra nhưng ra tranh quyền thì không thể tránh.

Con cọp thứ nhì lại ngã.

Chỉ còn lại có hai: Mày với tao. Đây là giai đoạn quyết liệt nhất vì cái luật có mày thì không có tao.

Đàn cọp sợ vạ lây, đang ra xa, đứng nhìn trận đánh và nghĩ ngợi lung tung. Năm năm nữa, mười năm nữa một cảnh đau lòng y hệt như đêm nay sẽ tái diễn. Mà cũng cứ vì quyền lãnh đạo.

Ghê rợn quá! Tàn nhẫn quá!

Có những con cọp mới lớn lên tự nhủ rằng mình sẽ không tranh giành với ai, để tránh cảnh tương tàn này. Nhưng nào có được. Mình không tham quyền thì chỉ có mình là biết lấy chớ ai biết cho mình. Kẻ muốn lãnh đạo phải loại tất cả những ai có thể đủ sức giành chức vị với hắn, có thể hắn mới yên tâm.

Vô phúc cho kẻ nào làm nhân vật hạng nhì, hạng ba, hạng tư cho tới hạng mười. Bọn ấy phải bị xóa tên, xóa thể xác. Rồi cũng sẽ có những nhân vật hạng nhì, hạng ba, hạng tư khác để phụ tá với chúa, mà đó không phải là hạng nhì, hạng ba thật sự về khả năng. Chúa sẽ chọn người lực lực thường tài đặt vào các ghế ấy, có thể, ghế của chúa mới không bị hãm dọa.

Con cọp tranh hùng thứ ba lại ngã gục, mà cả đàn hoan hô

vang dậy kẻ thắng trận cuối cùng, một là vì hắn có tài thật sự xứng đáng lãnh đạo, hay là thắng nào nín thinh thì nó phải coi chừng cái đầu của nó sẽ rơi vào ngày nào đó không biết.

Cuộc nhìn nhận này phải leo lên tỷ số 99, 99 phần trăm, tức phải được đa số tuyệt đối.

bình nguyên lộc

TẠ VĂN TÀI

phương diện kinh tế và chính trị của chương trình việt hóa

Phương diện kinh tế và chính trị của chương trình Việt hóa

Trong việc đảm trách vai trò chiến tranh nhiều hơn, chính quyền và nhân dân Việt Nam cũng phải chịu thêm những hậu quả kinh tế và chính trị: phải đương đầu với các gánh nặng kinh tế, phải giải quyết các đòi hỏi chính trị.

A) Về phương diện kinh tế, từ trước đến nay, để chống đỡ đối với các hậu quả kinh tế của cuộc chiến (như duy trì một hệ thống giao thông và các hải cảng, phi trường, tài trợ cho một ngân sách chiến tranh khổng lồ mà nền kinh tế nhỏ bé của Việt Nam phải chịu, sản sóc đồng bào tỵ nạn chiến tranh và nạn nhân chiến cuộc v.v...) và để giải quyết các vấn đề của cuộc phát triển kinh tế xã hội, Việt Nam Cộng Hòa đã phải áp dụng một số biện pháp. Từ khi chính sách Việt hóa được xúc tiến, các biện pháp cũ lại phải được bổ túc bằng một số biện pháp mới.

Ngân sách Quốc Phòng Việt Nam đã gia tăng ngày càng mạnh mẽ từ năm 1965. Trong khi đó thì việc xây cất các cơ sở quân sự Hoa Kỳ thu hút nhiều nhân công, làm cho nhân công khan hiếm và mức

lương bổng trong nước tăng lên. Sự chi tiêu của quân đội Hoa Kỳ và Đồng minh cũng là một nguồn khác của khối tiền tệ lưu hành càng ngày càng lớn. Trong khi đó thì sản xuất giảm xuống vì nông dân phải chạy ra đô thị tị nạn, bỏ hoang ruộng đất. Trên nửa triệu người Việt Nam trước kia hoạt động sản xuất thì nay trở thành những người lãnh lương của chính phủ trong các cơ sở chính quyền và quân đội, không còn sản xuất gì hết. Mức sản xuất lúa gạo chẳng hạn, đã sụt giảm nhiều kể từ mùa gặt 1966-1967, buộc Việt Nam, trước kia là nước xuất cảng gạo, nay phải nhập cảng món hàng này. Hoạt động bao vây kinh tế của Việt Cộng khiến hệ thống giao thông, tiếp liệu bị tê liệt. Những hiện tượng trên — sản xuất giảm, động viên nhân lực vào khu vực công, mức chi tiêu gia tăng — là triệu chứng của tình trạng lạm phát cổ điển: quá nhiều tiền lưu hành tranh mua một số ít hàng hóa trên thị trường.

Một số biện pháp cần phải được áp dụng để chống đỡ lại hiểm họa lạm phát kể trên. Người ta đã thi hành một chương trình nhập cảng ào ạt do ngoại tệ viện trợ và ngoại tệ sở hữu tài trợ, khiến cho số lượng nhập cảng gia tăng từ 282 triệu Mỹ kim vào năm 1965 lên tới 659 triệu Mỹ kim năm 1969, và do đó hàng hóa bớt khan hiếm và áp lực của khối tiền tệ đỡ tai hại hơn. Tiền thuế chính phủ thu được qua các dịch vụ nhập cảng này tăng lên từ mức 6 tỷ đồng bạc vào năm 1965 lên tới 52 tỷ vào năm 1969, do đó có thể hỗ trợ cho ngân sách (số 52 tỷ này 36% ngân sách quốc gia). Với hối xuất đổi lại thành 118 đồng ăn một Mỹ kim, giá hàng nhập cảng gia tăng và do đó số cầu cũng giảm đi. Hệ thống hành thu thuế được cải thiện để đem thêm tiền cho chính phủ. Đề khuyến khích nông dân tăng gia sản xuất lúa gạo, chính quyền đã 2 lần tăng giá gạo năm 1967 và 1968 — dù biện pháp này gây ra bất mãn trong giới tiêu thụ ở đô thị. Lúa thần nông với năng xuất cao cũng được du nhập để tăng gia sản lượng. Những biện pháp trên đã có kết quả là tránh được một tình trạng lạm phát phi mã, làm chậm lại mức gia tăng giá sinh hoạt. Trong 3 năm rưỡi từ tháng 7/1966 đến tháng 1/1970, giá sinh hoạt ở Sài Gòn hàng năm chỉ tăng 27%; điều này có thể đối chiếu với chỉ số gia tăng hàng năm 150% đã xảy ra ở Đại Hàn vào các năm chiến tranh 1950-1953.

Với chương trình Việt hóa, bắt đầu từ tháng 6/69, quân số Việt Nam sẽ gia tăng, ngân sách quốc phòng Việt Nam sẽ chi thêm một ngân khoản ước tính chừng 40 tỷ bạc. Điều này khiến cho áp lực lạm phát lập tức mạnh hơn. Vào tháng 10/69, chính phủ Việt Nam đã phải tăng thuế nhập cảng rất nhiều đánh vào các hàng hóa không phải là nhu yếu phẩm. Người ta hy vọng là thuế kiểm ước này sẽ đem thêm cho ngân sách quốc gia từ 30 đến 35 tỷ bạc và đó là một nguồn tài trợ đầu tiên cho các phí tổn của chương trình Việt hóa. Nhưng như thế vẫn chưa đủ. Quân số Việt Nam gia tăng đã đành, nhưng với đà rút quân Hoa Kỳ, các căn cứ quân sự Mỹ, các tàu chiến, phi cơ và trọng pháo sẽ được giao dần cho quân đội Việt Nam và các phí khoản để bảo trì và sử dụng sẽ gia tăng nhiều. Như vậy, chương trình Việt hóa, sẽ còn đòi hỏi người Việt hy sinh thêm nữa: chính phủ sẽ phải cố giảm thiểu chi tiêu trong ngân sách và tìm cách thu thêm thuế má; dân Việt Nam nói chung cần phải nỗ lực để sản xuất ở quốc nội nhiều hơn.

Nhưng với 1.100.000 người trong hàng ngũ các thứ quân — so với 1 dân số gần 17 triệu người — với một nền kinh tế đã ở mức toàn dụng, thì thực hiện những việc trên, nhất là tăng gia sản xuất quốc nội, là một chuyện khó, Việt Nam còn phải nhờ đến một mức viện trợ khá cao của Hoa Kỳ để đối phó với các phí khoản của chương trình Việt hóa.

Như vậy, về phương diện kinh tế, những đòi hỏi của chương trình Việt hóa khiến cho chính quyền có thể gặp những khó khăn và có thể thất bại:

— Khó mà có thể giảm chi ngân sách khi mà các cơ quan hiến định quá nhiều, các bộ nha sở có khuynh hướng tuyển người rồi là giữ lại khiến số người ăn lương của ngân sách quốc gia đã lên tới những con số quá cao, so với sức chịu đựng của nền kinh tế nhỏ bé của Việt Nam. Liệu có thể giảm nhân số công chức và quân nhân được không? Chắc không thể giảm quân số vì điều này ngược với nhu cầu của chương trình Việt hóa. Người ta đã nói tới việc sa thải bớt công chức để họ ra hoạt động trong lãnh vực tư, và tập trung các dịch vụ hành chánh của những cơ sở trùng dụng vào một cơ cấu mà thôi. Nhưng

cuộc « giải phẫu » đó có thực hiện được mà không gây ra các bất mãn và xáo trộn hay không, điều này khó mà trả lời và cũng tùy thuộc vào khả năng chính trị của nhà cầm quyền.

— Khó mà có thể tăng thu cho ngân sách với các biện pháp thuế má đã ban hành. Các biện pháp thuế gián thu đã ban hành có thể là khiến chính phủ dễ hành thu, nhưng đã có hậu quả bất công là bắt người giàu và người nghèo chịu một thuế khóa như nhau, hơn nữa chúng đã làm giá sinh hoạt tăng vọt và do đó làm khô cạn mãi lực của dân chúng rồi. Tăng thuế gián thu nữa không những là một biện pháp rất nguy hại về chính trị vì gây bất mãn sâu rộng (hơn nữa, có thể coi là bất hợp hiến như thuế kiểm ước), mà còn là một biện pháp kém hữu hiệu về tài chánh. Nhưng tăng thuế trực thu như thuế lợi tức, thuế điền thổ, được không? Điều này đòi hỏi một bộ máy hành thu hữu hiệu hơn nhiều. Nhưng làm sao tránh khỏi những nhược điểm hiện hữu vì tính chất nhân viên sở thuế, vì thói quen trốn tránh thuế của các người chịu thuế, và vì số lương ít ỏi các nhân viên thu thuế? Thay đổi các điều kiện đó tùy thuộc và khả năng của chính quyền vận động các giới liên hệ.

— Có thể tăng thu bằng cách hướng dẫn quân đội vào mục tiêu sản xuất, áp dụng biện pháp « tay súng tay cày » để mức sản xuất quốc nội gia tăng. Điều này đòi hỏi sự thay đổi rất nhiều nơi thói quen của các vị chỉ huy quân sự và họ sẽ phải trở thành những quản trị gia giỏi. Trong tầng lớp sĩ quan hiện nay, có bao nhiêu người vừa chiến đấu vừa làm kinh tế được? Câu hỏi này thật khó trả lời.

— Có thể yêu cầu Hoa Kỳ viện trợ thêm. Điều này có thể thực hiện được, vì tuy mục tiêu tối hậu của chính sách ngoại giao hiện nay của Hoa Kỳ là đùn đẩy các quốc gia đồng minh đi đến chỗ tự lập tự cường (chủ thuyết Nixon và các tờ trình như tờ trình của Ủy Ban Peterson về ngoại viện trong 10 năm tới đều chỉ hướng theo chiều đó), nhưng vì nhu cầu cấp thời của chương trình Việt hóa không thể nào được thỏa mãn với tài nguyên Việt Nam mà thôi, cho nên chính quyền Mỹ đã minh thị nói tới việc tăng gia viện trợ kinh tế cho Việt Nam để hỗ trợ cho công việc phòng thủ cũng như để kiến thiết sau khi hòa bình tái lập. Nhưng

liệu Quốc Hội Hoa Kỳ có ưng thuận các ngân khoản viện trợ trong một thời gian dài hay hay không, điều này người ta chưa thể biết chắc chắn. Người Mỹ bàn luận nhiều đến việc lôi kéo các quốc gia đệ tam vào công cuộc viện trợ cho Việt Nam; nhưng cho đến nay sự thành công chưa thấy đâu, kể cả đối với Nhật Bản là quốc gia mà Mỹ hy vọng nhất.

Những khó khăn kinh tế nói trên của chương trình Việt hóa khiến ta thấy rằng đường lối thoát khỏi sự bế tắc phải là một nền hòa bình sớm sủa và cộng bằng. Nghĩa là một lần nữa, trong khi Việt hóa, người ta phải nghĩ đến hòa đàm như mục tiêu tối hậu.

B) Các vấn đề chính trị của chương trình Việt hóa đã được đề cập tại vài nơi ở trên. Nhưng nói một cách tổng quát, có thể định nghĩa đòi hỏi chính trị của chương trình Việt hóa là chính quyền Việt nam phải tạo được một sự ủng hộ rộng rãi rất cần để thực hiện được các công tác nặng nề đã liệt kê trên đây.

Việt hóa có nghĩa là sự hiện diện của người Hoa-kỳ giảm dần. Họ không còn có mặt ở khắp mọi nơi, từ trung ương đến tỉnh, quận và xã. Và nhất là không còn một quân số lớn lao, một phái bộ viện trợ kinh tế đông đảo, để làm áp lực trên chính trường Việt Nam, phò trợ chính quyền này, ủng hộ tập thể kia. Vai trò trọng tài chính trị — nhiều khi lên tới khống chế chính trị — họ đã có trong những năm gần đây sẽ tự nhiên giảm dần. Chính trường Việt Nam sẽ trở nên một thị trường cạnh tranh tự do hơn, nơi đó kẻ mạnh nhất sẽ sống dai hơn kẻ yếu. Nhưng mạnh ở đây có nghĩa như thế nào? Điều này không có nghĩa là ai nắm được bộ máy nhà nước, được quân đội sẽ tha hồ thao túng và dùng sức mạnh để độc quyền chính trị. Bởi tình hình quốc tế, tương quan lực lượng giữa các phe tham chiến và thể mặt cả của Hoa-kỳ đã khiến Hoa-kỳ đặt một nguyên tắc cho việc giải quyết cuộc chiến hiện tại và giải pháp hòa bình sau này: nguyên tắc bầu cử tự do. Vì nguyên tắc này — mà chính quyền Việt Nam cũng đã công nhận — cho nên có thể nói từ đây trở đi « ý dân là ý trời ».

Trong giai đoạn Việt hóa, sự thành công của các biện pháp áp dụng tùy thuộc vào sự ủng hộ của dân chúng đối với những biện pháp đó và cả đối với những người cầm quyền. Sự ủng hộ này biểu lộ qua việc dân chúng cộng tác hay không với chính

quyền trong việc thi hành những biện pháp đó. Sự ủng hộ cũng biểu lộ qua các cuộc tẩy chay trong khung cảnh Hiến pháp 1967 (trong khi chờ đợi giải pháp hòa bình thương nghị). Muốn tồn tại và muốn thành công trong việc tìm được sự ủng hộ của quần chúng, tất nhiên chính quyền không thể thu hẹp căn bản chính trị, chèn ép đối lập trong nhân dân và Quốc hội: Chính quyền phải chấp nhận thứ đối lập thực sự đại diện cho các tập thể lớn trong nhân dân, mời họ « ngồi chung chiếu » và định chế hóa đối lập nếu có thể được. Có như vậy chính quyền mới tạo được sự chính đáng trước mắt quần chúng, điều kiện căn bản để sống còn và thành công.

Trong giai đoạn hòa bình thương nghị, nguyên tắc bầu cử tự do khiến cho chính quyền và các đảng phái quốc gia phải được đa số dân chúng ủng hộ mới có thể thắng được phe bên kia. Vấn đề tranh thủ nhân tâm lại càng then chốt hơn bao giờ hết.

Nói tóm lại, khả năng đấu tranh chính trị là một điều kiện để thành công trên con đường hòa đàm và ngay cả trong giai đoạn Việt hóa. Xét cho cùng khả năng chính trị có lẽ quan trọng nhất để thành công trong chương trình Việt hóa. Cho đến nay, một mình Bắc Việt và Mặt trận Giải phóng chiến đấu với hơn 1 triệu quân Đồng Minh — Việt, Mỹ và các quốc gia khác mà phe Đồng minh cũng chưa thắng hoàn toàn. Ưu điểm của họ là ở khả năng tổ chức chính trị và vận động nhân dân. Cùng chất người Việt Nam, nhưng các nhà lãnh đạo Bắc Việt đã biết vận dụng dân chúng cả ở Bắc lẫn trong Nam để cầm cự rất lâu chống lại một quân số đồng minh lớn lao. Nay, với chương trình Việt hóa, chỉ còn lại người Việt đối diện với người Việt, nếu những người quốc gia và chính quyền quốc gia thiếu khả năng chính trị, thì không mong gì hoàn tất các công tác khó khăn của chương trình Việt hóa.

Sau Việt hóa là cái gì ?

Trước những khó khăn lớn lao về quân sự, kinh tế và chính trị mà Việt Nam Cộng Hòa phải vượt qua trong chương trình

Việt hóa, người ta tự hỏi có thể cứ tiến mãi trên con đường Việt hóa này để đi đến thắng lợi hoàn toàn không?

Có thể nói ngay rằng, nếu người ta cứ cố gắng kéo dài chương trình Việt hóa mãi, đòi hỏi dân chúng Việt Nam hy sinh nhiều hơn để thực hiện cho bằng được các công tác của chương trình này, mà không chấp nhận sự tiến tới một nền hòa bình thương nghị trong đó các phe tham chiến đều tìm thấy trong khung cảnh hòa giải quốc gia một chỗ đứng dưới ánh mặt trời, thì có thể chiến tranh sẽ còn kéo dài rất lâu. Việt hóa lúc đó đích thị trở thành một công thức hỗn hợp gồm tiền bạc Mỹ và xương máu Việt để theo đuổi một cuộc chiến tranh tốn kém và không biết bao giờ xong.

Vậy Việt hóa phải được quan niệm như một giai đoạn trung gian để đi đến mục tiêu tối hậu là một nền hòa bình thương nghị. Trong khi sử dụng con đường Việt hóa này, người ta vẫn phải dùng đến con đường « tốt hơn, ngắn hơn » để đi đến hòa bình: hòa đàm.

Công thức hòa bình nào sẽ được tất cả các phe chấp nhận? Đây là một vấn đề rất phức tạp vượt ra khỏi phạm vi bài này.

tạ văn tài

TÚY HỒNG

những sợi sắc không

(truyện dài — tiếp theo)

Trầm là cai tù và Trầm là người bị tù. Hình như Trầm đang nằm suy nhược tợ một đứa trẻ bị sốt xuất huyết trên giường bệnh.

Từ chiếc magnétophone Hifi đứng ở trên chiếc tủ chè thanh thoát bay những lời nói của Trầm đọc giới thiệu một đoạn văn Trầm viết chủ đề cho một nhà sản xuất băng nhạc quen thân ở Sài-gòn :

« Chiều trong những mộ khúc. Một ngày sắp mất sau mong manh một hoàng hôn thắm. Một thời gian mướt mát dây men hăng hăng chất rượu, cay cay vị quế, ngát ngát mùi trầm. Chiều còn là những cái hôn biên giới giữa ngày và đêm, chiều còn là những ước hẹn buồn dỏ dẫm lên bao mối sầu riêng lẻ. Chiều yêu với những hạt nắng không được tròn, với những hạt mưa còn quá nguội gieo xuống trên từng nỗi đau, trên từng nỗi nhớ. Và với chiều yêu, niềm đơn côi đứng dậy. Chiều gần và thân với chúng ta quá, tương tợ nhau trên cuộc đời, cuộc chiến và cuộc tình. Chiều càng sâu như lòng chảo, khối tim mệnh mông càng trống vắng, kỷ niệm càng được hóa trang, và quá khứ lưng chừng đề lên hiện tại.

Người nhạc thường hay buồn về buổi chiều, buồn bởi sức trôi miên của buổi chiều. Nhạc chiều có đôi mắt, nhạc chiều có

khỏe cười, có những lời nói qua về xôn xao những câu thì thầm nhỏ. Hát với sự sống, hát với niềm suy gẫm, hát với chia lìa, hát cho kỷ niệm của từng măng nằng găm đâm nhuộm mái tóc đen tuyền, hát để nguyên cầu tình yêu đừng dài như cuộc chiến, cuộc chiến đừng dài như đời người, hát như lời buồn thánh lan rộng trên đồ võ có đơn, hát lang thang trên hè phố để không biết làm gì khi chiều xích lại với hoàng hôn. Nhạc chiều. Nhạc của cô đơn, những mộ khúc thật cô đơn là những âm thanh buồn và mướt của những tâm hồn ưa tìm gặp đích danh mình trong những nỗi cô đơn ».

Trầm cười gằn, mặt Trầm sưng sốt :

— Minh đó hả ? Tôi đó hả ? Giọng nói và lời lẽ của mình đó hả ? mình nghe đúng giọng nói của mình... Trời ơi, lúc đó mình tỉnh táo không chê được, mình nói năng đĩnh đạc rất ra phết. Bây giờ sao mình mệt thế này ? sao mình suy nhược thế này ? Từng lông tay muốn bứt rứt rời ra. Hôm qua Sinh bóp cục xương hún bị ở cổ tay mình mà nói như bắn vào lỗ tai mình : « Trầm Trầm tại sao yêu anh em chỉ cần tìm cái nhục thể chứ không hề nghĩ đến bổn phận phải làm vợ anh »... Không biết là Sinh nói tỉnh hay nói mê ? Bảo mình có bổn phận đối với Sinh... Không biết Sinh có nói ầu không ?... Tôi không hề có một chút cheo bổn phận đối với một ông đực nào cả... Giống cái này bắt chấp mọi mệnh lệnh mạnh, chỉ thị ngoan ngoãn đối với thị mà thôi... Hình như hôm qua mình bị một luồng lý luận độc gài những gút mắc tai ác trói ghì mình vào cơn bốc giận bưng bưng. Hình như hôm qua mình nghiêng rằng kèn kẹt, mình muốn nhảy lò cò quanh người Sinh tát tai cho chàng nở đom đóm mắt, day tóc, cào mặt, cắn xé chàng ra từng miếng chết tươi đi cho rảnh. Hình như hôm qua bụng mình đau lạ đời, không phải đau bụng hằng ngày, cũng không phải đau bụng hàng tháng ; và mình đã nói trong cơn đau bụng đó : Sinh dễ thương, Sinh tội lắm. Tôi cũng dễ thương, tôi cũng tội lắm... Ừa, ừa... Năm ngoái mình với chàng bao phen xuống sông Hương thuê đồ ngủ.

Nặng lệt vào nhà theo mấy lỗ cửa... Ai gõ cửa rụt rè và dè dặt. Trầm chạy lết bết ra mở cửa kêu rú lên Cỏ May !

Cỏ May chưa vào, Cỏ May đứng trần trối nhìn Trầm một lát lâu rồi Cỏ May vào. Trầm đi sau lưng Cỏ May đứng chờ nhìn Cỏ May ngồi xuống trên chiếc ghế ni lông Trầm vừa nằm. Cỏ May bỏ kiếng mát ra. Trầm nhìn thấy đôi mắt bạn còn mang dấu vết của cơn khóc. Con cá cơm trắng tinh không máu Trầm ví vôi da mặt Cỏ May lúc này. Cỏ May lảng tránh khỏe nhìn của Trầm đưa tay bụm mặt lặng lẽ khóc không thút thít. Trầm kêu lên như tiếng chuột chi lạ rủa Cỏ May ơi ? chi lạ rủa ? Có chi không ? Có chi không mà mi khóc ? tại răng rủa ?

Cỏ May cười nức nở :

— Trầm ơi mi và Trương yêu nhau !...

Tiếng nói vỡ oà cho bao nhiêu nước mắt cùng đổ lả chả. Nỗi sợ hãi ụp đến một cách thần tốc, Trầm không kịp run, Trầm không kịp tái mặt, Trầm không kịp hé miệng, Trầm đứng khựng như một cột trụ thẳng.

Hồi lâu Cỏ May nhếch môi chua chát :

— Tau không ngờ, cho đến bây giờ tau vẫn không ngờ... vì nếu tau ngờ thì tau quá bậy bạ. Mi có tin là mi với Trương ngày nay lại tiến đến bước đường cùng đó không ? Lạy trời mi và Trương không phải yêu nhau. Tau ngờ bậy và thiên hạ ác miệng đồn bậy. Trầm ơi, mi hãy chính thức minh xác với tau là mi và Trương không yêu nhau đi. Tau đến đây để nghe một lời minh xác, mi nên nói một câu cãi chính đi. Tau tin mi chứ tau không tin ai hết. Mi không bao giờ nói láo với tau hết.

Chưa bao giờ Cỏ May cười cụt ngủn, sống sượng, và đáng ghét như Cỏ May hiện đang đối diện với Trầm, với đôi mắt chong to hết hình tròn. Trầm bải hoải ngồi xuống há miệng cạp thành ghế :

— Trầm ơi, mi cãi chính đi, mi cãi chính cho tau một lời đi. Mi tiếc với tau một lời cãi chính sao ?

Trầm cảm như con sò chưa bỏ lò, Cỏ May tiếp :

— Cho tau xin một lời đi mi !

Trầm nhắc nghĩ tới một buổi chiều đi xe bus lại nhà Cỏ May, mấy đứa em gái bạn xỏ ra rồi rít cầm tay kéo áo hỏi hỏi

nói nói cười cười trả lời không xuê rồi tự báo cáo chị Cỏ May đi chơi tay đôi với kếp độc Lê-Hùng rồi...

Cỏ May đĩnh đạc nói từng tiếng rồi :

— Mi yên lặng là tau hiểu rồi Trầm ơi.

Cỏ May cười một tràng đòn. Đôi mắt Trầm đang tưởng tới một ánh trăng non yếu Trầm bắt Trương đứng đợi mua trứng vịt lộn ở Bãi Dâu lên, Trầm và Trương cùng đi chơi dưới cây nhãn lá láng như bôi dầu, Trầm và Trương đứng dưới tàu lá dừa gọi gió, cùng đông đưa hình hài, cùng trông xuống bến sông sáng loáng ánh trăng. Một trong hai bàn tay Trương bỏ cùng thân thể nàng... Ái tình chưa đi đến chỗ phải đi đến, một chỗ nằm, chiếc giường hình chữ nhật chẳng hạn... nhưng đó là ái tình. Đó là ái tình. Dù qua đường hay không qua đường, đó là ái tình. Trầm cứng quai hàm lơ lảo nhìn Cỏ May.

— Trầm ơi, bạn bè chỉ hai đứa mình mà bạn bè Trầm hi ! Người ngoài cười hai đứa mình biết mấy là mấy. Rứa mà lâu nì, tau tưởng giữa hai đứa mình nhất định cần phải chừa ra một cái khoảng thiêng liêng không được xâm phạm, giữa hai đứa mình có một giới hạn được tôn trọng, hai đứa mình cam kết ngầm không bao giờ vượt qua... Tau tưởng mi phải giữ gìn cho tau, mi phải để dành tau độc quyền, mi tôn thờ cho tau, mi nuôi dưỡng cho tau... Người ngoài cười chết, người ngoài cười chúng mình chà đạp, dày xéo danh dự nhau, phá thối danh dự nhau.

Trầm vô đầu khóc tức tưởi. Trầm chùi chùi mũi bóng hồng lên. Một ngày đã qua thật gần, Trầm đã hót với Trương như thế này : Con Cỏ May cặp tay Lê Hùng đi chơi thắm thiết quá sức rồi. Và Trương hót lại như thế này : Chúng mình đủ sức yêu nhau rồi Trầm nhỉ ?

Trầm nghiêng răng trèo tre.

Trầm yếu ớt hỏi bạn :

— Rứa thì chuyện Lê Hùng răng ?

Cỏ May đứng dậy :

— Thôi thôi... đừng moi thêm cái nhân vật đó ra đây nữa. Bây giờ, tau mới biết mi nguy hiểm như đòn xóc nhon hai đầu... Đây không phải là một vở kịch đừng lót thêm vai phụ nữa. Lê Hùng, Lê Hùng... giữa tau với hắn không có cái chuyện tình cảm hạng

bét đó rồi đa ! không có cái vấn đề tình cảm hạng bet đó rồi đa ! Tại rằng mi với nhiều người nữa lại gán ghép tau với ông Hùng ? Trầm ú ớ :

— Rứa thì không có, không có chi hết... Giữa mi với ông Hùng không có chi hết...

— Có chi mà có... Tau đâu có tâm thương vậy. Tau đâu có hèn vậy.

Cỏ May lắc đầu :

— Những đứa em của tau chọc cười... Những đứa em của tau quan niệm sống là há miệng ra cười... Thật rủi ro cho tau là mi tin chúng.

Trầm rủ người ra. Cỏ May im lặng thở. Gian phòng mở những cánh cửa sổ thần thờ. Hai khuôn mặt đàn bà nhạt nhẽo không phần son gia vị đang nhìn xuống ra hai hướng. Họ cùng chung một cơn khóc và không cùng chung một cơn cười ; và, cơn khóc đã tạnh lại chợt trút ra. Cỏ May hít vô kêu thành những âm thanh ướt. Đồng hồ đập nhẹ thành nỗi huyền não nhỏ rã rời. Cuốn truyện Kiều nằm sưng trên bàn mở ra ngang chạng giữa. Cơn khóc ướt sưng ngăn ra từng khoảng.

Cỏ May kêu lên như những tiếng rên lớn :

— Tau không hề đánh mi nhưng tau lại đại bại vì mi.

Trầm nói nhỏ :

— Tau phản mi.

— Tau cảm thấy rõ ràng mi không đánh tau... Mi không đánh tau nhưng tau vẫn đại bại.

— Mi đắc thắng rõ ràng ràng.

Cỏ May mỉm nụ cười chua cay :

— Tau thua mi, tau thua một ván lớn. Tau thua mi, nhưng mà rõ ràng mi không ra tay.

— Đừng nói bậy đừng nói bậy, tinh thần tau đang trụt, đang trụt.

— Mi rục rỏ như xa giá, tau âm u như cỗ xe tang.

Trầm quất mắt đưa tay chùi ngang mõm rồi Trầm bỗng cười khà khà sung sướng mừng rỡ,

Cổ May lau lệ, tiếng nói khô :

— Mi khôn như Tào Tháo Trầm à. Mi ở đâu mi cũng rục rở, mi cũng tươi thắm. Mi đi đâu mi cũng vinh vang, thỏa mãn... Còn tau, tau tầm thường quá... tau đã trêu tau khóc thành, cái tầm thường của tau đã ức hiếp tau khóc thành tiếng... Tao khóc như mèo kêu.

Trầm kéo lai quần quệt nước mắt :

— Thôi thôi Cổ May đừng chơi chưa tau nữa... Chúng ta hãy trở lại trạng thái bình thường vì chúng ta đã khóc rồi, trở lại trạng thái bình thường để hòa giải với nhau vì chúng ta không yêu nhau, vì từ lâu, từ lâu và bây giờ, tau đã nghe một tiếng hô, một tiếng hô to như tiếng nổ, tiếng hô thật lớn bảo tau dừng, dừng lại, dừng lại ở phút giới nghiêm... Cổ May ơi, mình hãy thương nhau như cũ, thân nhau như cũ. Tau lầm lỡ, giờ tau đã hết lầm lỡ rồi. Tau tạo phản, giờ tau đã hết tạo phản rồi...

Trầm trông ra tia nắng non yếu ngoài kia bứt rứt ngoài kia kể cho Cổ May nghe chuyện đi Sài-gòn vừa rồi của mình, những lần cự tuyệt vô hiệu quả, Trương bỏ không thì giờ chẳng biết để làm gì. Cuộc tình của Cổ May đông đầy nước mắt thì cuộc tình của nàng ráo hoảnh. Nàng vẫn kính trọng Trương như nàng vẫn thương Cổ May. Cổ May ơi, tau đã cười tau thật nhiều trận. Tau cười tau đến đơ mặt. Tau cười tau đến tái mặt. Vàng nữ Tào Tháo cả cười, cười cung cúc, cười lồi lõm rốn, cười hú hồn đã thoát chết, đã tìm thấy phần sống le lói mà quên mất định mệnh Khổng Minh đã mai phục sẵn cả mọi vùng địa đạo... Tau đã quên lú tuổi già là một, tau đã quên lú sợ ế mốc đời con gái là hai, tau đã quên những cái ống nhòm độc địa của người đời, những luồng dư luận tanh nồng khe khét là... bốn. Tau cười với từng mảnh ác mộng, với cái dĩ vãng nguội, với cái hiện tại rỉ sét...

Cổ May bĩu môi :

— Hãy vuốt lại cho thẳng ngôn ngữ... đừng nói như vậy. Rõ ràng là mi đang đẹp, đang thông minh.

Trầm cười :

— Không có.

Cổ May hoảng hốt nói :

— Tau đã mất. Tau đã mất tất cả. Tau đã mất hết rồi.

Trầm điềm đạm :

— Không, không, mi không mất cái gì cả, mi không mất chi cả. Mi chỉ mất bình tĩnh thôi. Những gì mi có vẫn còn nguyên.

— Mình mất... mình mất hết... Trầm à, Trương yêu mi rồi, Trương yêu mi thật tình rồi. Trương bỏ tau thật sự rồi.

— Trương thương mi nên Trương phát khùng.

— Không mi xứng đáng để Trương thương. Tau đành phải nhường nhịn mi, tau không nên ghen tuông, tau không nên ganh tị. Mi với Trương yêu nhau là chuyện phải hết sức. Tau đến đây bù lu bù loa thật là một thái độ vô lý. Cuối cùng, mi với Trương gặp nhau là phải hết sức.

— Mi lắm rất to, mi lắm. Sự lắm lẫn lộn bằng quả tim.

— Mi với Trương nên thương nhau. Tại sao tau lại xấu tính, tau lại ích kỷ hẹp hòi, tau lại mù quáng đến đây kiểm chuyện với mi như thế này ? Tau xấu tau hư, tau không ra tay tán thành, tau không chia, tau không hoan hỉ...

— Trương thương tau là thương miệng thương môi. Trương thương mi là thương tới tim, tới thận là lấy dao tự băm, lấy lửa tự đập. Đối với Trương, mi là trái măng cụt. Đối với Trương, tau là trái bứa. Trương thương mi là trân trọng đưa mi vào đám cưới. Trương thương tau là rình cơ hội tụt chiếc quần tau xuống. Tất cả những người đàn ông tìm tới tau là tìm chuyện đó... Trương cũng thế... Trương đến đây, tau phản kháng biết mấy, tau chống đỡ cho tau biết mấy, tau thương thân tau biết mấy... Mi và Trương bỏ nhau, tau tin đó chỉ là một gián đoạn tạm thời. Hai người bỏ nhau, nhưng chính là hai người còn bịn rịn thương nhau biết mấy... Hai người... dấu lia ngó ý còn vương tơ lòng...

Trầm tự ngắt lời rồi lầm bầm :

— Hai người... Dấu lia ngó ý còn vương tơ lòng...

túy hồng

(còn tiếp)

thời sự và

sinh hoạt

PHỎNG VẤN R. BARTHES (Tiếp theo kỳ trước)

Trong phần đầu của cuộc phỏng vấn, R. Barthes, nhân một truyện ngắn của Balzac, đã bàn về cách đọc một bản văn, phân biệt ra hai loại đọc giả hay nói rõ hơn, hai mức độ của sự đọc, định nghĩa thế nào là phê bình và so sánh vai trò của những ký hiệu trong xã hội Tây phương và Đông phương. Sau đây là phần còn lại của bài nói chuyện giữa tuần báo L'express và R. Barthes.

L'exp. : Bởi vậy cho nên ông ưa Đông phương và đặc biệt Nhật-bản ?

R.B : Vâng, điều tôi chú ý ở Nhật, đó là một vấn đề cũ kỹ gần như thuộc vào một trật tự đạo lý (éthique) : Vấn đề những tương quan của tôi với những ký hiệu. Bởi vì tôi đọc Nhật-bản như đọc một bản văn.

L'exp. : Nghĩa là ?

R.B : Những cáo thị, những cách cư xử thường ngày, những nghi thức nhỏ nhất của thành phố, những địa chỉ, thức ăn, đồ

uống, trường (le théâtre) thiết lập những ký hiệu và pho bày chúng như là những ký hiệu trong khi ở Tây phương tất cả đều được xây dựng bên trên sự hàm ý, đều xuất hiện như những đặc chất, những biến cố của bản văn. Tại Nhật tôi như ở trong một hoạt động hoài hoài của việc đọc.

L'exp : Nhưng những ký hiệu đó không được « viết » ra, theo đúng nghĩa đen của động từ này ?

R.B : Chúng không được viết ra trong những cuốn sách nhưng mà trên mặt tấm lụa đời sống. Điều làm tôi mê mẩn ở đó là những hệ thống ký hiệu bắt nguồn từ một tiềm năng kỳ dị, về phương diện tinh tế và tao nhã đến nỗi sau cùng chúng trở nên « rỗng » trở thành « không ».

« Rỗng » bởi là vì chúng không dọi về một sở biểu (Signifié) sau cùng (Đến đây người dịch xin mở ngoặc để nói qua về hai từ ngữ sở biểu (signifié) và năng biểu (signifiant) nhóm cơ cấu khởi từ Saussure cho rằng mỗi ký hiệu (signe) có hai thành phần cấu tạo, đó là sở biểu và năng biểu. Một cách rất đại khái, chúng ta có thể coi sở biểu là phần nội dung (plan de contenu) còn năng biểu thuộc phần hình thức, phần biểu thị (plan d'expression) của một ký hiệu. Ở Tây phương, sở biểu sau cùng được bản thể hóa bởi những tên như Thượng đế, khoa học, lý trí, luật pháp...

L'exp : Thật khó mà hiểu được những ký hiệu « rỗng ».

R.B : Cũng không khó khăn gì cho lắm. Tôi lấy thí dụ thật dẫn dụ : Cuốn tự điển. Ai cũng biết cuốn tự điển gồm những năng biểu nghĩa là những tiếng (mots) in đậm và mỗi tiếng này được cung cấp một định nghĩa, định nghĩa này có giá trị của sở biểu. Những sở biểu này, những định nghĩa của tự điển chính chúng lại được cấu tạo bởi những tiếng khác và cứ như thế cho tới vô tận.

Cuốn tự điển là một món đồ hoàn toàn có tính cách mâu thuẫn, làm chóng mặt, nó vừa bị cơ cấu hóa lại vừa có tính cách vô định (indéfini) cho nên nó là một cơ cấu sai lầm (décentrée) bởi vì trật tự abc ở trong đó không chứa đựng một « tâm » nào cả.

L'exp. : Nói một cách khác, điều làm ông kinh ngạc ở Nhật đó

là ở đó ông đọc nó như đọc cuốn tự điển, không theo một trật tự cố định nào cả?

R.B. : Vâng, nhưng ở Tây phương, tới một điểm nào đó, cuốn tự điển, hay nếu ông thích ta gọi đó là một bảng liệt kê những sự vật ở trên thế gian này, nó ngừng lại với Thượng đế. Bởi vì Thượng đế chỉ có thể là một sở biểu, không bao giờ là một năng biểu. Làm sao chúng ta có thể chấp nhận Thượng đế là một cái chi khác ông? Trong khi ở Nhật như tôi đã đọc nó, không hề có một sở biểu tối thượng làm ngừng xâu chuỗi những ký hiệu, điều này cho phép những ký hiệu bành trướng một cách tinh tế và tự do.

Tất cả những nền văn minh có một tôn giáo nhất thần (mono-théiste) đều bị bắt buộc lôi cuốn vào trong sự cưỡng bách nhất nguyên (moniste) tới một lúc nào đó những nền văn minh đó ngăn chặn sự chuyển vận của những ký hiệu. Điều này chính là sự cưỡng bức cơ cấu (contrainte structurale) của nền văn minh Tây phương. Từ đó, ông hiểu tại sao tôi đặt tầm quan trọng vào tất cả những gì có khuynh hướng vượt ra ngoài nhất-tâm-luận (mono-centrisme) của Tây phương, vào tất cả những gì mở ra một hình ảnh khả hữu của số nhiều (une image possible du pluriel).

L'Exp. : Xin ông đề cập tới một trong những hệ thống ký hiệu ở Nhật bản đã quyến rũ ông nhiều nhất?

R.B. : Có rất nhiều, ở đó, một trong những hệ thống ký hiệu rõ ràng nhất, đó là cách ăn uống của họ.

Nhưng trước hết một hết hống ký hiệu hoạt động như thế nào? Một so sánh rất xưa từ Saussure, đó là trò chơi cờ tướng, có những quân di động trong những ô vuông trên mặt bàn cờ, có những luật lệ của cuộc chơi, nghĩa là có những điều được phép làm. Chuyển sang hệ thống ăn uống, điều này muốn nói phải bắt đầu bằng cách nhận ra những đặc chất cùng những bộ phận của trò chơi đó.

Trong món ăn Nhật có nhiều thức ăn khác nhau: Có cái sống áp dụng cho rất nhiều loại đồ ăn khác nhau, có cách thái, cắt ra thành từng miếng nhỏ, lại có cả màu sắc ở trong những món ăn ấy nữa. Một mâm cơm Nhật là cả một bức tranh. Bỗng nhiên tôi

bị đặt đề vào trong một mức độ hoàn toàn có tính cách hình thức (formel). Tôi không nói: Gạo nghĩa là cái này, cá nghĩa là cái kia. Từ đó người ta có thể hiểu hệ thống đó hoạt động như thế nào và làm thế nào những bộ phận khác nhau ăn khớp với nhau.

L'exp. : Nhưng chúng ta cũng có cái sống, cái chín, cái cắt thành miếng...

R.B. : Lẽ tự nhiên, nhưng những món ăn trong bữa cơm của chúng ta không được xếp đặt giống như thế. Thực đơn Tây phương cứng nhắc trong sự cấu tạo cũng như trong trật tự ăn uống, cái nào trước, cái nào sau. Cứ đến một tiệm ăn thì thấy. Không bao giờ thay đổi, thức ăn được đưa tới theo đúng thứ tự thật khắc nghiệt: Món hors-d'oeuvre, món rôtis, món fromages, món tráng miệng. Đó là một trật tự thời gian luận lý (logicotemporel) trong những chuyện kể cổ điển mà cho đến nay người ta vẫn không thể thay đổi. Nó trở thành bất-thuận-nghịch như trong Iliade trong Odyssee cũng như trong cuốn tiểu thuyết mới nhất của Troyat.

L'exp. : Trong khi đó ở Nhật một bữa ăn đó là theo kiểu Robbe-Grillet?

R.B. : Còn hơn cả Grillet nữa. Trong những tiệm ăn ở Nhật, thực khách nhận một mâm ăn trên đó có đề món ăn và những đôi đũa để gấp đồ ăn. Những đôi đũa thì tuyệt diệu hơn hẳn những chiếc fourchettes. Người ta gấp một chút cơm, một chút rau, một chút cá, rồi thêm vào một chút canh... Mỗi người tự làm cho mình một bài khẩu tụng (discours alimentaire) một cách hoàn tự và thuận nghịch (reversible). Cách ăn như thế lại rất tốt để đưa đầy câu chuyện, không như ở Tây phương, mỗi lúc ăn phải hợp với từng câu chuyện, có những bữa-ăn-công-chuyện (repas d'affaires) cuộc bàn luận thật sự chỉ bắt đầu sau khi ăn xong.

L'exp. : Về phương diện văn minh, ông suy diễn như thế nào từ cách ăn uống của Nhật vốn ngược hẳn với chúng ta như thế?

R.B. : Lẽ tự nhiên không thể suy từ đó là, so sánh với nhất nguyên luận Tây phương cách ăn uống Nhật bản là đa thần (polythéiste). Nhưng những hệ thống ký hiệu dần dần tham dự vào một cơ cấu tâm lý rất lớn lao.

Thành thật mà nói, tôi không biết tiếng Nhật, và chính qua

tiếng nói mà người ta trực tiếp đi đến những cơ cấu tâm lý của người Nhật.

L'exp. : Bởi vì tiếng nói chuyên chở tư tưởng ?

R.B. : Trước hết, bởi vì người ta không thể nào tưởng tượng một hệ thống ký hiệu không bị ngôn ngữ hài thanh (langage articulé) can thiệp vào. Saussure, sáng lập viên chính của khoa ngôn ngữ học mới cho rằng khoa ngôn ngữ học (linguistique) chỉ là một phần của một khoa học rộng lớn hơn : Khoa học về những ký hiệu. Một phần đứng yên làm chuẩn, những khu vực khác được phát triển về sau này dưới một tên gọi mới đó là Phù hiệu học (sémiologie).

Ngày nay, người ta nhận xét những hệ thống ký hiệu khác ngoài ngôn ngữ hài thanh ra (langage articulé) chẳng hạn như thực phẩm cùng cách ăn uống, thời trang, chúng ta đều nhận thấy những hệ thống ký hiệu đó cũng thâm nhập ngôn ngữ.

L'exp : Thế nào là phù hiệu học ?

R.B : Môn học về những ký hiệu và những ý nghĩa (significations)

L'exp : Do đâu mà ngôn ngữ học (linguistique), khoa học của ngôn ngữ, lại là căn bản (fondamental) ?

R.B : Khoa ngôn ngữ học cho chúng ta biết những khái niệm chính xác, rõ rệt có một giá trị không thể nào nghi ngờ được nữa, ít ra là trong giai đoạn lịch sử hiện tại của việc tìm tòi trong ngành khoa học nhân văn. Đối với tôi, nó còn cung cấp những phương tiện hữu hiệu để mình giải bản văn hay một hệ thống ký hiệu nào đó.

Thêm nữa những dò tìm nối dài mãi ra trong khoảng mười năm gần đây đã cho phép khám phá ra những cái mà người ta gọi là những cơ cấu sai tâm (structure décentrée)

L'exp : Nghĩa là ?

R.B : Cho phép tôi trở lại với thí dụ cuốn tự điển. Khoa ngôn ngữ học hiện đại chỉ cho chúng ta biết có những bộ (ensembles) âm thanh (son) và ý nghĩa (sens) tự kết hợp giữa chúng với nhau, và do đó, chúng có những đặc tính cơ cấu,

trong khi người ta không thể tìm ra cái tâm chính (centre pivotal) mà cơ cấu tạo thành quanh tâm đó.

Những kẻ thù của cơ cấu luận thường nói bằng một giọng nhạo báng rằng khái niệm về cơ cấu đã có từ lâu và họ tự hỏi tại sao người ta làm lăm trò về chuyện đó như thế. Lẽ dĩ nhiên là cơ cấu luận theo một nghĩa nào đó, đã có từ lâu : Thế giới là một cơ cấu, đồ vật, những nền văn minh đều là những cơ cấu, ai cũng biết vậy. Tuy nhiên điều mới là nhận ra được sự sai tâm trong những cơ cấu, và điều này thật khó mà chấp nhận nếu khởi từ một kiểu mẫu văn hóa cổ điển như của chúng ta.

L'exp : Vì những lý do nào ?

R.B : Vì tiếng nói của chúng ta cũng như thực đơn vậy, nghĩa là rất cứng nhắc, rất quy tâm (centré), trong cách thế mà nó đã được tạo nên do một nhóm người nhỏ trong xã hội.

Điều mà người ta gọi là đặc tính của tiếng Pháp (génie de la langue française) dựa trên tin tưởng là tiếng Pháp, bởi vì động từ được đề sau chủ từ, và trước túc từ, cho nên đó là tiếng nói tốt, hay nhất (la meilleure) thế giới. Những kẻ thù cựu cho đó là trật tự luận lý, tự nhiên của tinh thần. Chính chủ nghĩa ngôn ngữ quốc gia của Pháp đã được thiết lập trên sự tin tưởng này.

Bây giờ người ta bắt đầu học hỏi những tiếng nói có tính cách tương phản, chẳng hạn như tiếng Trung-hoa và Nhật-bản để bắt buộc những nhà ngôn ngữ học tương lai ý thức được rằng có những tiếng nói hoàn toàn xa lạ, không chút thân thuộc gì với ngôn ngữ Ấn-Âu của chúng ta.

Vào thế kỷ thứ 16, Montaigne vẫn còn nói : « Ce suis-je » chứ không nói « je suis cela », điều này hoàn toàn đúng cách bởi vì chủ từ được tạo nên bởi tất cả những gì xảy ra đối với nó và do nó gây nên. Chủ từ là chủ từ vào lúc chót, như một sản phẩm, như một kết quả (produit)

L'exp. : Ông có thể cho một thí dụ về hiện tượng sai tâm ?

R.B. : Nếu tôi nói : « je suis entré dans l'immeuble » (Tôi đi vào trong một căn nhà) câu nói của tôi tầm thường vì phải tuân theo những luật lệ của sự thành lập câu văn theo đúng văn phạm.

Hình thức câu văn với chủ từ ở ngôi thứ ba, động từ, túc từ trực tiếp, bao nhiêu là những sự cưỡng bức ở trong một câu nói tầm thường đó. Tuy nhiên một câu văn được cơ cấu hóa như thế cũng lúc đó vẫn chưa hoàn toàn bị đóng chặt lại. Muốn cho nó được mở rộng, người ta phải thêm thắt, tu bổ nó một cách vô tận. Nó có thể trở thành : « Moi, qui déteste monter les escaliers, je suis entré, alors que dehors, il pleuvait, dans l'immeuble situé, 25 rue de Berri » (Tôi vốn ghét lên cầu thang, trong khi đó trời mưa, tôi đi vô căn nhà số 25 đường Berri). Một sự kiện gây kinh ngạc cho trật tự trí thức (ordre intellectuel) đó là ý nghĩ một câu văn sẽ không còn bị bão hóa (saturé), có thể xúc tác (catalysable) để khôi phục một thể từ thông dụng, bằng những thêm thắt tuần tự theo một diễn tiến vô tận : Trường tâm câu văn như thế cũng được di chuyển một cách vô tận.

Tôi không nhớ rõ một nhà ngôn ngữ học nào đã nói điều tôi vừa kể trên một cách thật đẹp và thật xúc động : « Mỗi người chúng ta chỉ nói có mỗi một câu, nói hoài không hết, và chỉ có cái chết mới có thể cắt ngang được » (Chacun de nous ne parle qu'une seule phrase que, seule, la mort peut interrompre). Câu nói đã gây nên một sự rung động vị thi (frisson poétique) trên tất cả mọi tri thức (connaissance).

L'exp. : Ngày trước ông đã đưa ra một phân biệt giữa nhà văn và kẻ dùng văn, ông có thể nói thêm về những phân biệt đó ?

R.B. : Người dùng văn (l'écrivain) là kẻ tưởng rằng ngôn ngữ chỉ là một dụng cụ thuần khiết của tư tưởng, chỉ nhìn thấy ngôn ngữ như một món đồ dùng đối với nhà văn (l'écrivain), ngược lại, ngôn ngữ là một nơi chốn biện chứng (lieu dialectique) mà tất cả những sự vật được tạo nên và bị phá hủy, chính ở đó mà chủ quan tính riêng biệt của nhà văn được thâm nhập và bị tàn phá, hủy diệt.

L'exp. : Phê bình gia là một nhà văn hay một kẻ dùng văn ?

R.B. : Cái đó còn tùy...

L'exp. : Ông là một nhà văn hay là kẻ dùng văn ?

R.B. : Tôi muốn trở nên một nhà văn. Bỏ hết những câu hỏi

vô giá trị này nọ ra, tôi không muốn nói tới thành quả của những gì tôi đã làm được.

Tôi nói câu đó như một dự phóng (projet). Bởi vì văn tự của một nhà văn, đó không phải là văn pháp (l'écriture l'écrivain ce n'est pas le style). Một nhà xã hội học khi ông đã viết một bài về xã hội học ông ta là một nhà dùng văn, khi ông ta từ chối một vài hình thức của tu-từ-pháp. Những phản đề (antitheses), chẳng hạn vậy. Ông ta không hề dùng ẩn dụ và trong trường hợp bó buộc phải dùng ông ta chấp nhận nó như một sự vật gì kém sáng sửa làm sai lạc sự thực. Trong khi đó nhà văn hẳn làm việc trong cái mờ ngôn ngữ mà chúng ta đã nói ở trên. Hẳn chấp nhận từ chối những đảm bảo của sự biên soạn sáng sửa, để hiểu, để xử dụng.

L'exp. : Ông nói, là một nhà văn hay không, vấn đề không phải ở văn pháp, cũng không phải là vấn đề trau dồi sự tâm tởi ?

R.B. : Dĩ nhiên không phải vấn đề trao dồi sự tâm tởi. Theo tôi hẳn phải dựa vào trong câu văn một vài « qui tắc » (codes) khiến cho người đọc không thể quyết định được, trong một tình cảnh nào đó của câu chuyện, ai là kẻ có lý, ai không, cái này tôi hơn cái kia hay ngược lại.

L'exp. : Nói khác đi, viết là làm sao tạo nên được sự ngạc nhiên ?

R.B. : Không hẳn vậy, biết bao nhiêu tác phẩm nhằm nhĩ chứa đầy những xen ngạc nhiên.

R.B. : Nếu trong Sarrasine, Balzac để mấy dấu chấm thay vì chữ « castrat » (kẻ bị thiến) vì hai lý do. Lý do thứ nhất thuộc trật tự biểu tượng. Từ ngữ đó là một cấm kỵ. Lý do thứ nhì thuộc trật tự điều hợp (L'ordre opératoire) : Nếu ở chỗ đó tác giả viết lên từ ngữ « thiến », tất cả câu chuyện ngừng lại, kể như xong. Một người kể chuyện hay là kẻ biết pha trộn hai trật tự kể trên khiến người đọc phân vân không thể quyết đoán ngay được đâu là sự thực. Văn tự của nhà văn nối liền với tiêu chuẩn bất định đó.

L'exp. : Câu hỏi chốt : Tại sao cuốn sách của ông mang nhan đề kỳ dị : S/Z ?

R.B. : Nhan đề đó trình bày một trong những dự phóng của cuốn sách : Chứng tỏ những khả năng của một nền phê bình đa nguyên (pluraliste) cho phép rút ra rất nhiều nghĩa của một bản văn cổ điển. Về phần cái gạch chéo giữa hai chữ S và Z đó là một ký hiệu của khoa ngôn ngữ học chỉ rõ sự so le giữa hai « từ » (termes) của một dạng thức, S/Z có nghĩa là S chống lại Z (S contre Z).

L'exp : Tại sao có sự chống lại đó ?

R.B. : Bởi vì tôi muốn đưa ra một hoa tự (monogramme) biểu hiện cho tất cả truyện ngắn của Balzac. S là chữ đầu của điều khắc gia Sarrasine, Z là chữ đầu của Zambinella, kẻ bị thiếu. Trong cuốn sách, tôi cắt nghĩa tại sao người ta có thể tra hỏi trên hai chữ đó về phương diện biểu tượng, bởi vì, bằng một đầu óc rất « Balzac », nghĩa là hơi thần bí một chút, người ta phải chú ý tới những trù yểm của chữ Z, vốn là chữ tượng trưng sự lầm lạc, siêu vẹo.

Trong chữ Pháp, Sarrasine thường viết với chữ Z : Sarrazin. Sự viết lẫn này, theo như Freud, chứng tỏ một biến cố nhỏ nhặt có vẻ không quan trọng, nhiều khi lại mang nhiều ý nghĩa.

tuấn anh (lược dịch)

ĐÃ PHÁT HÀNH

TÙY BÚT

MAI THẢO

KHAI PHÓNG xuất bản

TÌM ĐỌC :

NHỮNG NGÀY Ở SÀI-GÒN

Tập truyện của NGUYỄN QUỐC TRỤ

« Những cố gắng làm mới một thể tài rất cũ :
Truyện ngắn ».

ĐÊM TRẮNG xuất bản

TÌM ĐỌC

NGỘ NHẬN

lộ ngôn của

VŨ KHẮC KHOAN

QUAN ĐIỂM xuất bản

TÌM ĐỌC

NHỮNG NGƯỜI KHÔNG CHỊU CHẾT

của

VŨ KHẮC KHOAN

KẾ SĨ xuất bản

đường. Người ta nhìn thấy nàng, đứng cheo leo trên nóc một xe chở hàng tại Greenwich Village, bằng giọng nói bất hủ đã lừng danh trên mọi sân khấu, lên tiếng đòi chấm dứt chiến tranh, thực hiện những yêu sách chính đáng của phong trào giải phóng phụ nữ. Đoạn, mở cuộc họp báo. Cũng đòi như thế. Đòi giải phóng, đòi hòa bình. Người ta thấy rằng Barbra Streisand đã đi theo con đường phản kháng của Jane Fonda, hai nữ diễn viên màn bạc đang làm cho những nhà cầm quyền Mỹ phải điên đầu đối phó.

Cùng với đạo diễn Jean Luc Godart sang Trung Đông làm phim đề cao cuộc đấu tranh giải phóng Palestine của tổ chức El Fath, cùng với thái độ xét lại của tài tử mác-xít Yves Montand, trước vụ chiếm đóng Tiệp Khắc của Hồng quân Nga, và hàng trăm trường hợp lên tiếng chúng ta đang chứng kiến một hiện tượng đặc thù : nghệ sỹ, minh tinh màn bạc, diễn viên sân khấu, đạo diễn, tác giả, nói chung là những người nổi danh vì nghệ thuật, được quần chúng thưởng ngoạn yêu mến, đang dùng ảnh hưởng mệnh mông vang động của mình để khuynh đảo, chinh phục đám đông, lôi kéo đám đông đi theo một trào lưu, một vận động chính trị nào đó. Từ nhập cuộc ào ạt này của nghệ thuật vào chính trị một vấn đề mới được đặt lên mặt thảm : Những nghệ sỹ thần tượng, được đám đông tôn thờ, sùng bái (vì nghệ thuật mà thôi) có nên và có quyền dùng ảnh hưởng sẵn có của mình để khuynh đảo, hướng dẫn đám đông, ở những địa hạt khác ngoài nghệ thuật, đặc biệt là trong địa hạt chính trị ? Hay là ngoài nghệ thuật, họ chỉ nên sống như một công dân, một người thường ? Hoặc là có nhảy vào hoạt động chính trị, cũng phải trút thoát trước đã cái lột thần tượng, đề hoạt động như một công dân, một người thường ? Câu trả lời là có thể. Và có quyền. Bởi vì nghệ sỹ và thần tượng có quyền được sống cả đời sống một thần tượng lẫn một người thường. Vừa là con người nghệ thuật, vừa là con người xã hội, y hoàn toàn có quyền sử dụng cái ảnh hưởng sâu rộng, cái ưu thế đặc biệt. Y hoàn toàn tự do. Tự do hoạt động, tự do tư tưởng ấy không thể phủ nhận, không thể tước đoạt. Vấn đề, do đó, nếu có nằm ở chỗ khác. Nơi tinh thần trách nhiệm nặng nề và khác thường của một cá nhân đã được đám đông tôn sùng và sẵn lòng nhắm mắt nghe theo. Vị trí một thần tượng nghệ thuật của đám đông cuối cùng cũng tương đương với vị trí một lãnh tụ, một thần tượng chính trị đã được quần chúng tin tưởng và phó thác vận mệnh. Anh phải sáng suốt. Vì nhầm lẫn của riêng anh, chiếu theo một tầm ảnh hưởng vì tận duy anh có được, là một nguy hại ghê gớm cho nhiều người. Như một tội ác vậy.

MAI THẮC

mai thảo

nghệ thuật và chính trị

Đạo diễn đột sòng mới Pháp Roger Vadim, trả lời một cuộc phỏng vấn mới đây về vợ là Jane Fonda, cầm đầu những cuộc biểu tình tuần hành đòi quyền sống cho người da đỏ, tuyệt thực cả 48 tiếng đồng hồ trước nhà kiếng Liên Hiệp Quốc để phản đối chiến tranh ở Việt Nam, đã tỏ ý phàn nàn anh ta lấy nhầm phải một thứ Lénine để ra tỷ nhau và mặc minijupe. Jane Fonda đột ngột từ giã điện ảnh, bỏ chồng, về Mỹ, hung hãn tiến đánh một căn cứ trú quân, đăng đàn diễn thuyết, hô hào bạo động, kẻ cũng là một hiện tượng quái lạ cho một minh tinh màn bạc. Điều đáng ghi nhận là trường hợp Jane không phải là một trường hợp duy nhất. Đáng nói đến nhất về sinh hoạt điện ảnh thế giới tháng này, là trên những võ đài chính trị nhan nhản cùng khắp, đã sẫm uất có mặt, không riêng những chính khách, mà còn cả những ngôi sao. Tôi mới được đọc một bài báo khá ngộ nghĩnh về những gia nhập chính trị thành linh và đồng loạt của một số khá đông đạo diễn và tài tử lầy lờn tên tuổi.

Người ta nói đến sự trở chiều đột ngột của hai tài tử gạo cội Frank Sinatra và Henry Fonda. Đang đứng trong hàng ngũ dân chủ, Sinatra, bạn chí thiết của cố tổng thống Kennedy, bất ngờ thay đổi lập trường, lên tiếng ủng hộ Ronald Regan, một chính khách cộng hòa cực hữu, xưa cũng là một tài tử điện ảnh, hiện là thống đốc tiểu bang Californie. Tại sao vậy? Frankie giải thích: tinh thần Kennedy hư rồi, ảo tưởng, thiếu thực tế, tôi ủng hộ Reagan vì những thành quả chính trị Reagan đã thực hiện được. Cũng từ dân chủ, nhảy băng sang cộng hòa, khơi khơi khen ngợi chủ trương duy trì trật tự cứng rắn của phó tổng thống Agnew, là con bỏ câu cũ Henry Fonda. Fonda bố nói về hai Fonda con và những phong trào phản kháng của tuổi trẻ như sau: « Tôi là một người tiến bộ, vẫn là một người tiến bộ. Vậy mà đi ủng hộ hai ông Nixon và Agnew thì có vẻ yếu quá. Tôi đứng về phía phản kháng, trên rất nhiều phương diện. Nhưng phản kháng bừa bãi, quá trớn thì không được ». Một đảng tả, một phe hữu, riêng ba bố con Fonda đã đối lập nhau đến kỳ cùng.

Bài báo nói tiếp đến trường hợp Barbra Streisand, cô đào mà nghệ thuật diễn xuất tuyệt vời trong mấy kiệt tác gần đây đã được bầu là nữ diễn viên xuất chúng nhất hoàn vũ. Trong khi những Henry Fonda, James Stewart, John Wayne, Sinatra thay phiên kết án những vụ bạo động làm rối loạn trật tự xã hội, Barbra Streisand dững cậm xuống